PHÒNG THƯƠNG MAI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

BÁO CÁO

KHẢO SÁT ĐỘNG THÁI DOANH NGHIỆP VIỆT NAM NĂM 2020 VÀ ĐÁNH GIÁ 10 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 09-NQ/TW

Hà Nội, 12/2020

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT 2

DANH MỤC HÌNH 3

DANH MỤC BẢNG 6

MỞ ĐẦU 7

I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP THAM GIA KHẢO SÁT 8

1.1. Phân bổ doanh nghiệp theo khu vực địa lý 8

1.2. Phân bổ doanh nghiệp theo loại hình sở hữu 8

1.3. Phân bổ doanh nghiệp theo quy mô doanh nghiệp 9

1.4. Phân bổ doanh nghiệp theo lĩnh vực kinh doanh 11

II. CHỈ SỐ SỨC KHỎE CỦA DOANH NGHIỆP QUÝ IV/2020 - VIETNAM BUSINESS INSIGHT SURVEY 12

2.1. Chỉ số Sức khỏe thực thấy của doanh nghiệp Quý IV/2020 - $VBIS_O$ 13

2.2. Mức độ doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra trong năm 2020 ... 18

2.3. Chỉ số Sức khỏe dự cảm của doanh nghiệp Quý I/2021 - $VBIS_E$ 23

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ 10 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 09 VỀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ DOANH NHÂN 27

3.1. Thực trạng doanh nhân Việt Nam 27

3.2. Nguồn gốc và động lực khởi sự của doanh nhân Việt Nam 32

3.3. Trình độ của doanh nhân 36

3.4. Vai trò của doanh nhân trong phát triển kinh tế - xã hội 43

3.5. Hạn chế của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong kinh doanh 47

3.6. Kiến thức, kỹ năng của đội ngũ doanh nhân Việt Nam 50

3.7. Đánh giá năng lực hội nhập quốc tế của doanh nhân Việt Nam 54

3.8. Các nhân tố đến sự phát triển đội ngũ doanh nhân Việt Nam 57

IV. KẾ HOẠCH KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2021 61

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 65

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BHXH	Bảo hiểm xã hội
DN	Doanh nghiệp
DNNVV	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
FDI	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
KT_XH	Kinh tế - Xã hội
NĐ-CP	Nghị định – Chính phủ
NHTM	Ngân hàng Thương mại
QĐ-TTg	Quyết định –Thủ tướng
TAF	Quỹ Châu Á
TMCP	Thương mại cổ phần
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
VBIS	Chỉ số Sức khỏe của doanh nghiệp
VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
XNK	Xuất nhập khẩu

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Phân bổ doanh nghiệp theo khu vực địa lý 8
Hình 2: Loại hình sở hữu 9
Hình 3: Quy mô doanh nghiệp 10
Hình 4: Phân bổ doanh nghiệp tham gia khảo sát theo số lượng lao động 10
Hình 5: Phân bổ doanh nghiệp tham gia khảo sát theo tổng nguồn vốn 11
Hình 6: Lĩnh vực kinh doanh 12
Hình 7: Thực trạng tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Quý III/2020 so với Quý II/2020 13
Hình 8: Thực trạng tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Quý IV/2020 so với Quý III/2020 14
Hình 9: Các chỉ số thành phần về xu hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp các quý năm 2020 15
Hình 10: Chỉ số Sức khỏe thực thấy của doanh nghiệp Quý IV/2020 – $VBIS_O$. 16
Hình 11: Các chỉ số thành phần về xu hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp quý VI 2020 theo khu vực doanh nghiệp 17
Hình 12: Các chỉ số thành phần về xu hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp quý VI 2020 theo quy mô doanh nghiệp 18
Hình 13: Tình hình hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra của doanh nghiệp trong Quý I/2020 19
Hình 14: Tình hình hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra của doanh nghiệp trong Quý II/2020 20
Hình 15: Tình hình hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra của doanh nghiệp trong năm 2020 21
Hình 16: Tỷ lệ DN hoàn thành hoặc vượt kế hoạch kinh doanh đã đề ra trong năm 2020 theo hình thức sở hữu 22
Hình 17: Tỷ lệ DN hoàn thành hoặc vượt kế hoạch kinh doanh đã đề ra trong năm 2020 theo quy mô doanh nghiệp 23
Hình 18: Chỉ số Sức khỏe dự cảm của doanh nghiệp Quý I/2021 - $VBIS_E$ 23
Hình 19: Dự báo về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Quý I/2021 so với Quý IV/2020 24
Hình 20: Dự báo về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Quý I/2021 so với Quý IV/2020 theo hình thức sở hữu 25
Hình 21: Dự báo về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Quý I/2021 so với Quý IV/2020 theo quy mô doanh nghiệp 26
Hình 22: Độ tuổi của doanh nhân tham gia khảo sát 28

Hình 23: Độ tuổi của doanh nhân tham gia khảo sát năm 2020 theo hình thức sở hữu 28
Hình 24: Độ tuổi của doanh nhân tham gia khảo sát năm 2020 theo quy mô doanh nghiệp 29
Hình 25: Thâm niên của doanh nhân tham gia khảo sát 30
Hình 26: Thâm niên của doanh nhân tham gia khảo sát phân theo hình thức sở hữu 30
Hình 27: Thâm niên của doanh nhân tham gia khảo sát phân theo quy mô doanh nghiệp 31
Hình 28: Người thân trong gia đình là doanh nhân 31
Hình 29: Nguồn gốc của doanh nhân khi khởi nghiệp 32
Hình 30: Nguồn gốc của doanh nhân khi khởi nghiệp 33
Hình 31: Động cơ khởi nghiệp của doanh nhân 34
Hình 32: Động cơ khởi nghiệp của doanh nhân theo hình thức sở hữu 35
Hình 33: Động cơ khởi nghiệp của doanh nhân theo quy mô doanh nghiệp 36
Hình 34: Trình độ học vấn của doanh nhân 37
Hình 35: Trình độ học vấn của doanh nhân theo hình thức sở hữu 37
Hình 36: Trình độ học vấn của doanh nhân theo quy mô doanh nghiệp 38
Hình 37: Trình độ tiếng anh của doanh nhân 39
Hình 38: Trình độ tiếng anh của doanh nhân theo hình thức sở hữu 39
Hình 39: Trình độ tiếng anh của doanh nhân theo quy mô doanh nghiệp 40
Hình 40: Thực trạng về bổ túc kiến thức/chuyên môn của doanh nhân 41
Hình 41: Thực trạng về bổ túc kiến thức/chuyên môn thường xuyên của doanh nhân theo hình thức sở hữu 42
Hình 42: Thực trạng về bổ túc kiến thức/chuyên môn thường xuyên của doanh nhân theo hình thức sở hữu 42
Hình 43: Đánh giá về vai trò của doanh nhân trong phát triển KT-XH 44
Hình 44: Đánh giá về vai trò của doanh nhân trong phát triển KT-XH theo hình thức sở hữu 45
Hình 45: Đánh giá về vai trò của doanh nhân trong phát triển KT-XH theo quy mô doanh nghiệp 46
Hình 46: Đánh giá về hạn chế của doanh nhân 48
Hình 47: Đánh giá về hạn chế của doanh nhân theo hình thức sở hữu 49
Hình 48: Đánh giá về hạn chế của doanh nhân theo quy mô doanh nghiệp 50
Hình 49: Đánh giá về các kiến thức, kỹ năng của doanh nhân 52

Hình 50: Đánh giá về các kiến thức, kỹ năng của doanh nhân theo hình thức sở hữu 52
Hình 51: Đánh giá về các kiến thức, kỹ năng của doanh nhân theo quy mô doanh nghiệp 53
Hình 52: Đánh giá về năng lực hội nhập quốc tế của doanh nhân 55
Hình 53: Đánh giá về năng lực hội nhập quốc tế của doanh nhân theo hình thức sở hữu 55
Hình 54: Đánh giá về năng lực hội nhập quốc tế của doanh nhân theo quy mô doanh nghiệp 56
Hình 55: Nhận thức của xã hội về kinh doanh ở Việt Nam 2017 58
Hình 56: Đánh giá tác động của các nhân tố đến sự phát triển đội ngũ doanh nhân 59
Hình 57: Đánh giá tác động của các nhân tố đến sự phát triển đội ngũ doanh nhân theo hình thức sở hữu 60
Hình 58: Đánh giá tác động của các nhân tố đến sự phát triển đội ngũ doanh nhân theo quy mô doanh nghiệp 61
Hình 59: Kế hoạch của doanh nghiệp năm 2021 62
Hình 60: Kế hoạch của doanh nghiệp năm 2021 phân theo hình thức sở hữu ... 62
Hình 61: Kế hoạch của doanh nghiệp năm 2021 phân theo quy mô doanh nghiệp 63

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Vai trò doanh nhân trong phát triển kinh tế - xã hội 43

Bảng 2: Một số hạn chế của đội ngũ doanh nhân trong kinh doanh 47

Bảng 3: Đánh giá về các kiến thức, kỹ năng của đội ngũ doanh nhân 51

Bảng 4: Đánh giá năng lực hội nhập quốc tế của doanh nhân Việt Nam 54

Bảng 5: Đánh giá tác động của các nhân tố đến sự phát triển đội ngũ doanh nhân 58

Bảng 6: Kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp trong các cuộc khảo sát VBIS gần đây 64

MỞ ĐẦU

Để có cơ sở xây dựng báo cáo cập nhật nhanh về "sức khỏe" của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam trong quý III và quý IV/2020, đồng thời chuẩn bị đánh giá 10 năm việc triển khai thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã tổ chức "*Khảo sát động thái doanh nghiệp Việt Nam năm 2020 và đánh giá 10 năm thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TW*". Mục đích của cuộc khảo sát không chỉ cập nhật tình hình sức khỏe của cộng đồng doanh nghiệp trong Quý III-Quý IV/2020, dự báo tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp năm 2021 mà còn tập trung vào đánh giá thay đổi của đội ngũ doanh nhân Việt Nam sau 10 năm thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TW. Những đánh giá về đội ngũ doanh nhân được so sánh với kết quả khảo sát năm 2010 từ đó làm rõ sự thay đổi về các khía cạnh vai trò, những kiến thức, kỹ năng, năng lực hội nhập, những hạn chế của đội ngũ doanh nhân và sự tác động của các nhân tố bên ngoài.

Cuộc khảo sát được triển khai trong tháng 11 năm 2020 bằng hình thức phỏng vấn trực tiếp qua bảng hỏi. Khảo sát đã nhận được sự hỗ trợ của các chi nhánh VCCI, các hiệp hội doanh nghiệp trên cả nước và sự tham gia của 400 doanh nghiệp đại diện cho các vùng, các lĩnh vực trên cả nước.

Báo cáo này được xây dựng dựa trên kết quả khảo sát với kỳ vọng đánh giá tình hình sức khỏe của doanh nghiệp trong Quý III và Quý IV năm 2020, dự báo kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp trong Quý I và cả năm 2021. Báo cáo cũng đồng thời đánh giá kết quả 10 năm việc thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TW từ đó chỉ ra những thay đổi của đội ngũ doanh nhân trong giai đoạn 2010-2020.

I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP THAM GIA KHẢO SÁT

1.1. Phân bổ doanh nghiệp theo khu vực địa lý

Phiếu khảo sát được gửi đi 63 tỉnh/thành trong cả nước và nhận được sự phản hồi của 400 doanh nghiệp tại 36 tỉnh/thành phố, trong đó tập trung nhiều nhất ở Bắc trung bộ và duyên hải miền Trung (33%), tiếp theo là Đồng bằng sông Hồng (32%). Hai vùng kinh tế phía Nam là Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ chiếm lần lượt 18% và 15%; Trung du, miền núi phía Bắc là khu vực địa lý có số doanh nghiệp tham gia khảo sát thấp nhất, chỉ chiếm 2%. So sánh với số liệu phân bổ doanh nghiệp đang hoạt động ở Việt Nam từ cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, thì số lượng doanh nghiệp được khảo sát tại khu vực Bắc trung bộ và duyên hải miền Trung và Đồng Bằng sông Cửu Long có tỷ lệ doanh nghiệp được khảo sát khá cao so với các khu vực còn lại.

Hình 1: Phân bổ doanh nghiệp theo khu vực địa lý

Đơn vị: Điểm %

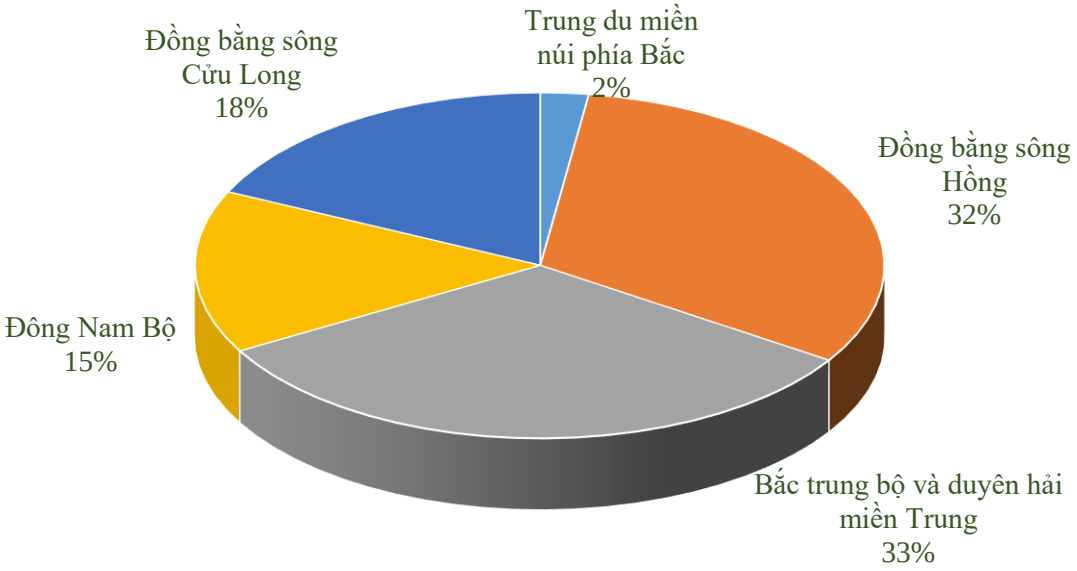

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

1.2. Phân bổ doanh nghiệp theo loại hình sở hữu

Về loại hình sở hữu, doanh nghiệp trả lời khảo sát chủ yếu thuộc khu vực tư nhân với tỷ lệ 76%. Hai khu vực còn lại là khu vực FDI và khu vực nhà nước chiếm tỷ lệ lần lượt là 22% và 2%. Kết quả này phù hợp với thực tế doanh nghiệp

tại Việt Nam chủ yếu thuộc sở hữu ở khu vực tư nhân, tuy vậy tỷ lệ này vẫn còn thấp khi so với tỷ lệ doanh nghiệp ở khu vực ngoài nhà nước theo Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam 2020 chiếm tới 96,9% doanh nghiệp.

Hình 2: Loại hình sở hữu

Đơn vị: Điểm %

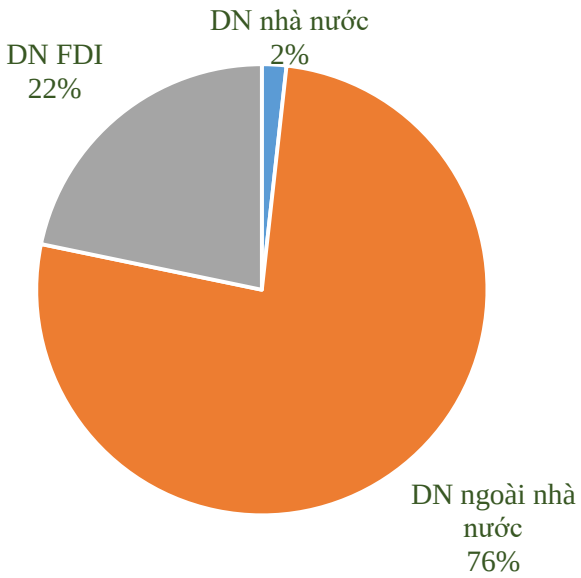

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

1.3. Phân bổ doanh nghiệp theo quy mô doanh nghiệp

Về quy mô doanh nghiệp, doanh nghiệp trả lời khảo sát ở quy mô lớn chiếm tỷ lệ cao nhất với 46%, tiếp theo là doanh nghiệp nhỏ với 25%, doanh nghiệp siêu nhỏ với 16% và cuối cùng là doanh nghiệp vừa với 13%. Có thể thấy đối tượng của khảo sát có quy mô vừa và lớn chiếm tỷ trọng lớn, điểm này khác khi so sánh với sách trắng doanh nghiệp 2020 khi doanh nghiệp siêu nhỏ chiếm tới 62,6% và doanh nghiệp nhỏ chiếm 31,1% doanh nghiệp cả nước. Còn lại doanh nghiệp vừa chiếm 3,5% và doanh nghiệp lớn chiếm 2,8% số doanh nghiệp cả nước. Điều này có thể lý giải bởi doanh nghiệp vừa và lớn thường quan tâm hơn tới các hoạt động góp ý kiến nghị về chính sách và nên giành thời gian để tham gia khác cuộc khảo sát.

Hình 3: Quy mô doanh nghiệp

Đơn vị: Điểm %

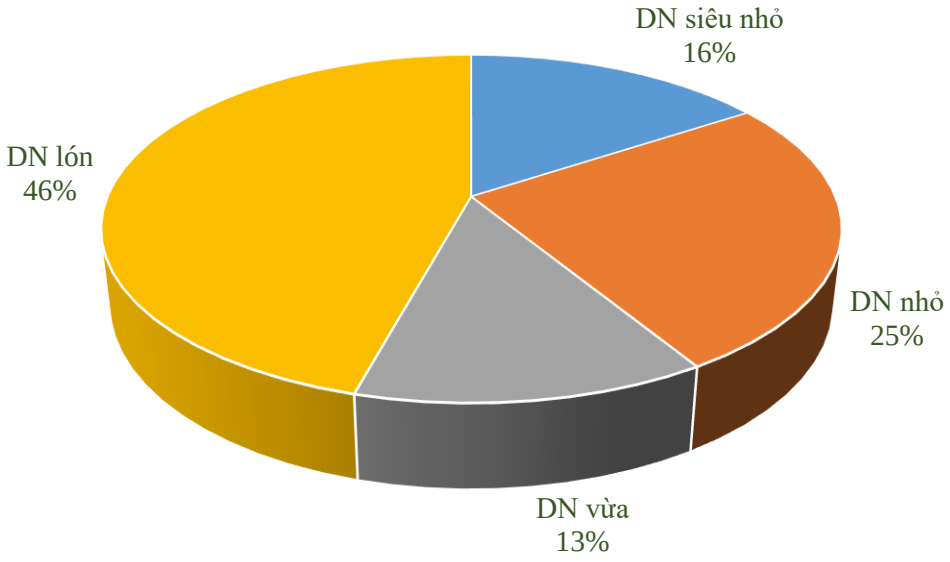

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Chi tiết theo số lượng lao động, có 40% doanh nghiệp tham gia khảo sát có nhiều hơn 200 lao động, tiếp theo là 22% doanh nghiệp có từ 10 đến 50 lao động. Còn lại 6% doanh nghiệp có từ 51 đến 100 lao động; 11% doanh nghiệp có từ 101 đến 200 lao động và 21% doanh nghiệp có số lượng dưới 10 lao động.

Hình 4: Phân bổ doanh nghiệp tham gia khảo sát theo số lượng lao động

Đơn vị: Điểm %

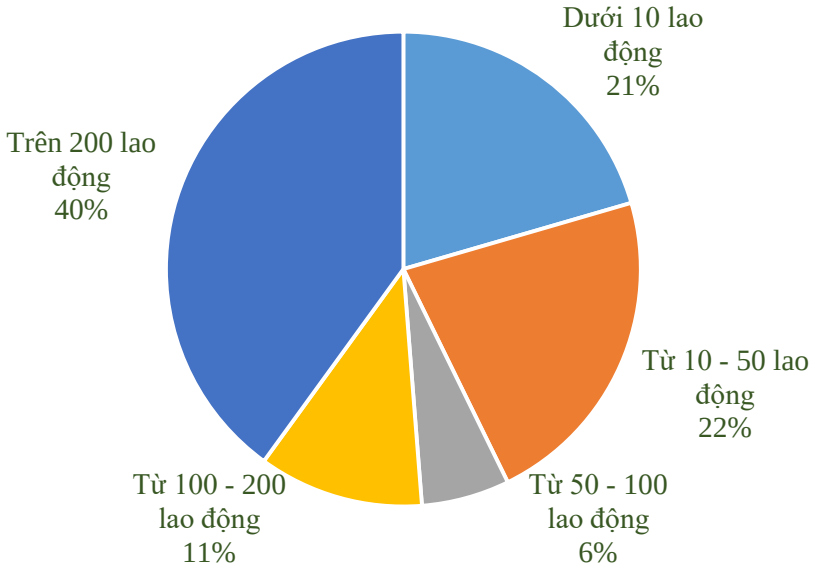

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Theo tổng nguồn vốn của doanh nghiệp, có 27% doanh nghiệp tham gia khảo sát có tổng nguồn vốn dưới 3 tỷ đồng, tiếp theo là 25% doanh nghiệp có tổng nguồn vốn từ trên 100 tỷ đồng và 22% doanh nghiệp có tổng nguồn vốn từ 3 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng. Còn lại 17% doanh nghiệp tổng nguồn vốn trên 20 tỷ đến 50 tỷ đồng và 9 % doanh nghiệp có tổng nguồn vốn từ 50 tỷ đến 100 tỷ đồng.

Hình 5: Phân bổ doanh nghiệp tham gia khảo sát theo tổng nguồn vốn

Đơn vị: Điểm %

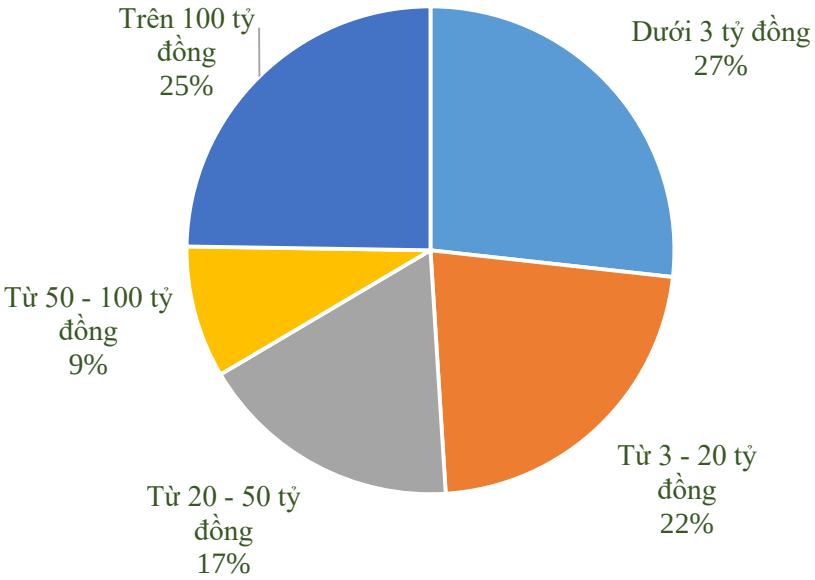

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

1.4. Phân bổ doanh nghiệp theo lĩnh vực kinh doanh

Về lĩnh vực kinh doanh, doanh nghiệp trả lời khảo sát hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng chiếm 64%, tiếp đến là thương mại, dịch vụ chiếm 35%; nông lâm nghiệp, thủy sản chiếm 1%.

Hình 6: Lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị: Điểm %

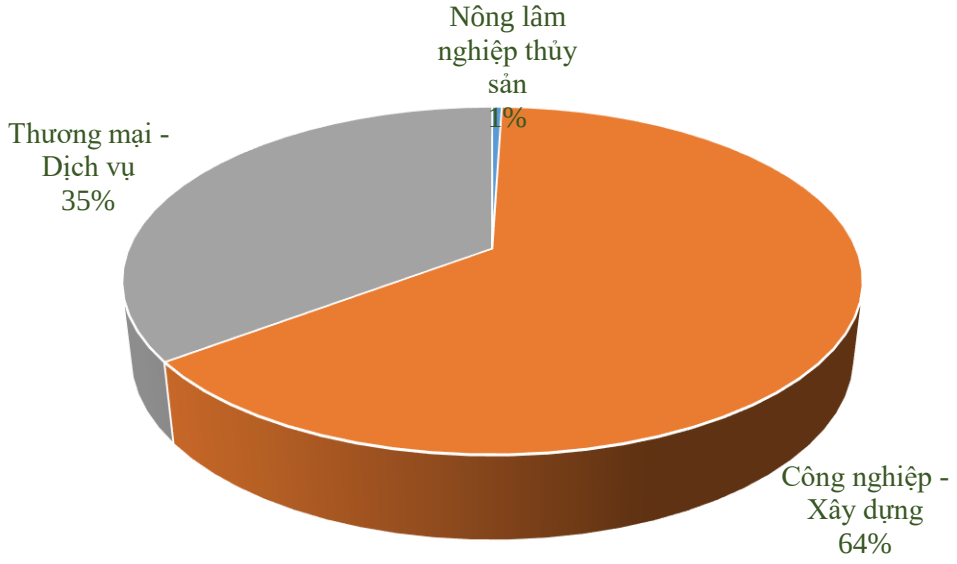

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

II. CHỈ SỐ SỨC KHỎE CỦA DOANH NGHIỆP QUÝ IV/2020 - VIETNAM BUSINESS INSIGHT SURVEY

Chỉ số Sức khỏe của doanh nghiệp (VBIS) là sáng kiến của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam được hỗ trợ kỹ thuật bởi Quỹ Châu Á (The Asia Foundation - TAF) xây dựng từ năm 2010. VBIS là tập hợp các đánh giá về tình hình sản xuất kinh doanh cũng như các nhận định của các doanh nghiệp theo định kỳ hàng quý hoặc 6 tháng. Chỉ số VBIS thực thấy ($VBIS_O$) là chỉ số xây dựng dựa trên đánh giá của doanh nghiệp kỳ khảo sát này so với kỳ trước đó. Chỉ số VBIS dự cảm ($VBIS_E$) là chỉ số được xây dựng dựa trên cảm nhận của doanh nghiệp về kỳ tới so với kỳ khảo sát này. Chỉ số VBIS được tổng hợp từ các chỉ số thành phần quan trọng như: Tổng doanh thu, Lượng đơn đặt hàng mới, Sản phẩm tồn kho, Hiệu suất sử dụng máy móc thiết bị, Số lượng công nhân viên. Các chỉ số thành phần được tính toán dựa trên chênh lệnh giữa tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá tốt hơn và tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá kém đi trong từng chỉ số. Nếu chỉ số lớn hơn 50 chứng tỏ tình hình kinh doanh đang có xu hướng tốt lên và ngược lại.

2.1. Chỉ số Sức khỏe thực thấy của doanh nghiệp Quý IV/2020 - VBISo

Kết quả khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý II/2020 tiếp tục cho thấy phần lớn doanh nghiệp đều đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh giảm đi, trong đó giảm mạnh nhất tiếp tục là lượng đơn đặt hàng mới (62,7%), tổng doanh thu (62%). Đây cũng chính là hai vấn đề giảm mạnh nhất của doanh nghiệp trong Quý I/2020 với mức giảm lần lượt là 80,7% và 77,8%.

Đến quý III, tình hình suy giảm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhìn chung đã có dấu hiệu trững lại, khi mà tỷ lệ đa số các doanh nghiệp đều đánh giá các yếu tố của hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản ổn định so với quý II, tỷ lệ đánh giá giảm đi chỉ chiếm khoảng 1/5-1/4 số doanh nghiệp, tuy nhiên vẫn cao hơn một chút so với tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá tốt lên.

Hình 7: Thực trạng tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Quý III/2020 so với Quý II/2020

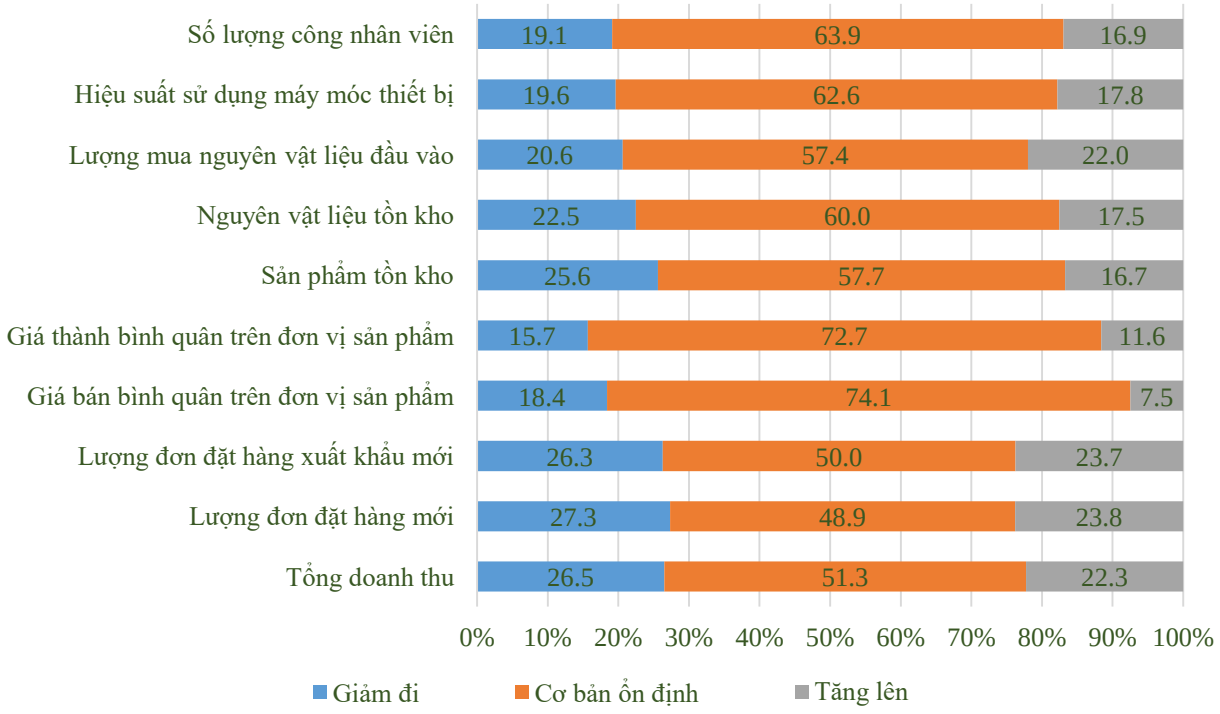

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Đến Quý IV/2020, mặc dù tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp cơ bản là ổn định so với với quý III/2020, tuy nhiên, lần đầu tiên trong năm 2020, tỷ lệ các doanh nghiệp đánh giá là tình hình hoạt động sản xuất

kinh doanh có xu hướng tốt lên cao hơn so với tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá là có xu hướng xấu đi so với quý trước. Hơn nữa, việc cải thiện này này lại diễn ra đều ở hầu khắp các chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động của doanh nghiệp, như doanh thu, lượng đơn đặt hàng, hiệu suất sử dụng máy móc và số lượng nhân viên. Điều này không chỉ cho thấy sự hồi phục tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong quý IV mà còn dự báo xu hướng tiếp tục phục hồi trong thời gian tới, nếu tình hình dịch bệnh được kiểm soát tốt và kinh tế thế giới dần phục hồi với sự xuất hiện ngày càng nhiều của các Vacxin chống Covid-19.

Hình 8: Thực trạng tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Quý IV/2020 so với Quý III/2020

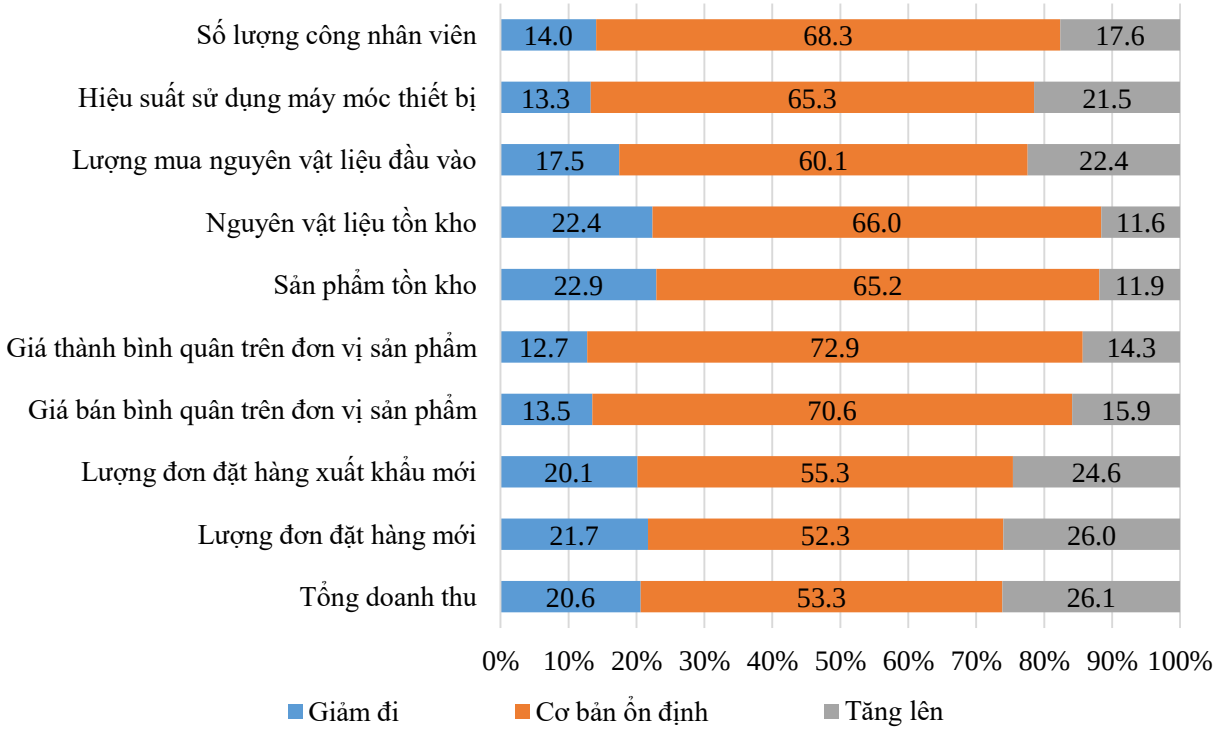

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Nếu so sánh chi tiết các chỉ số phản ánh sức khỏe của doanh nghiệp hàng quý của VCCI càng cho thấy dấu hiệu phục hồi của doanh nghiệp trong quý IV/2020 so với các quý trước. Sau Quý I và Quý II tình hình sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn so với trước, thì đến Quý III mức độ khó khăn đã giảm nhiều và sang Quý IV tình hình sản suất kinh doanh đã tốt hơn so với quý III. Cần lưu

ý là đánh giá sức khỏe doanh nghiệp của VCCI được dựa trên những nhận định so sánh về kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp so với quý trước.

Hình 9: Các chỉ số thành phần về xu hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp các quý năm 2020[1]

Đơn vị: Điểm %

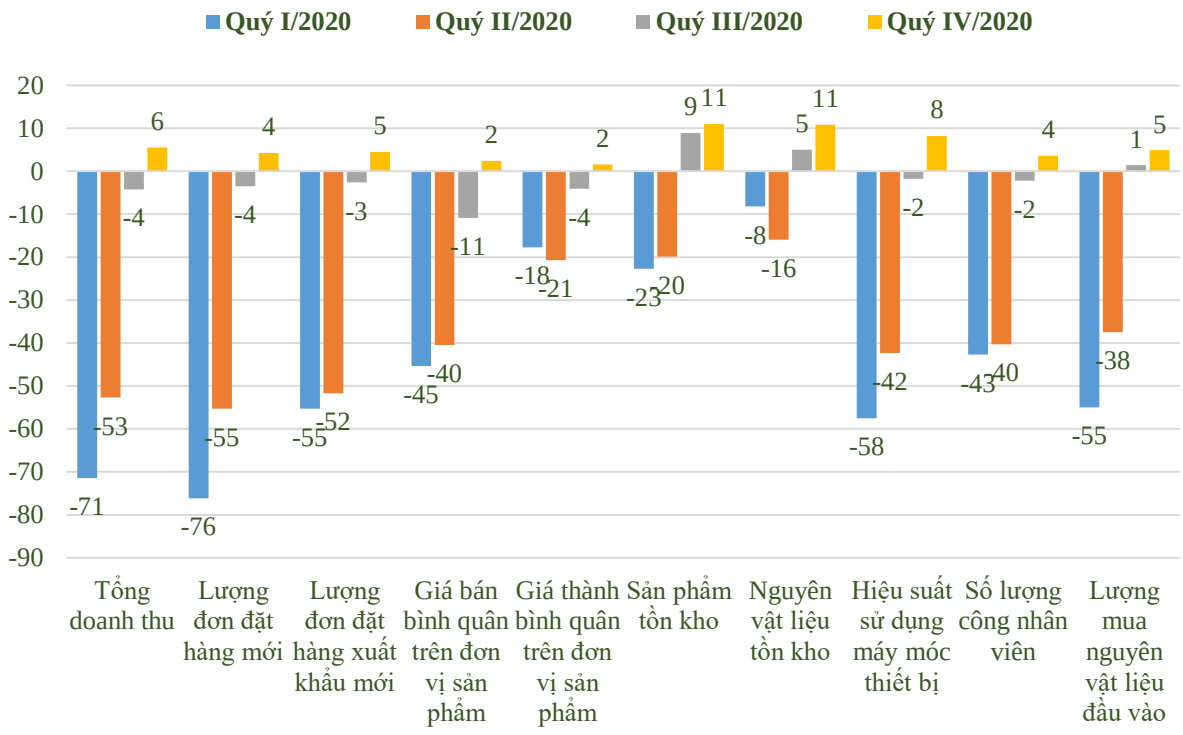

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Nhờ các chỉ số thành phần được cải thiện, chỉ số sức khỏe thực thấy của doanh nghiệp trong 6 tháng cuối năm cũng đã được cải thiện rõ rệt, quý III/2020 đạt 49 điểm, gần bằng mức trung bình 50 điểm, và Quý IV/2020 cũng đã lần đầu tiên vượt qua mức điểm trung bình trong năm 2020 đạt 52,9 điểm. Điều này cho thấy sức khỏe của doanh nghiệp đã hồi phục theo chữ V, sau khi chạm đáy vào Quý I và Quý II. Kết quả này thực sự vượt kỳ vọng của các nhà quản lý, khi mà tình hình Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp trên thế giới khiến thị trường quốc tế vẫn bị thu hẹp, ở trong nước các biện pháp phòng dịch vẫn được duy trì nên sự phục hồi vẫn chưa được như mức trước đây.

[1] Chỉ số thành phần là chênh lệch giữa tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá tăng và tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá giảm

Hình 10: Chỉ số Sức khỏe thực thấy của doanh nghiệp Quý IV/2020 – $VBIS_O$

Đơn vị: Điểm

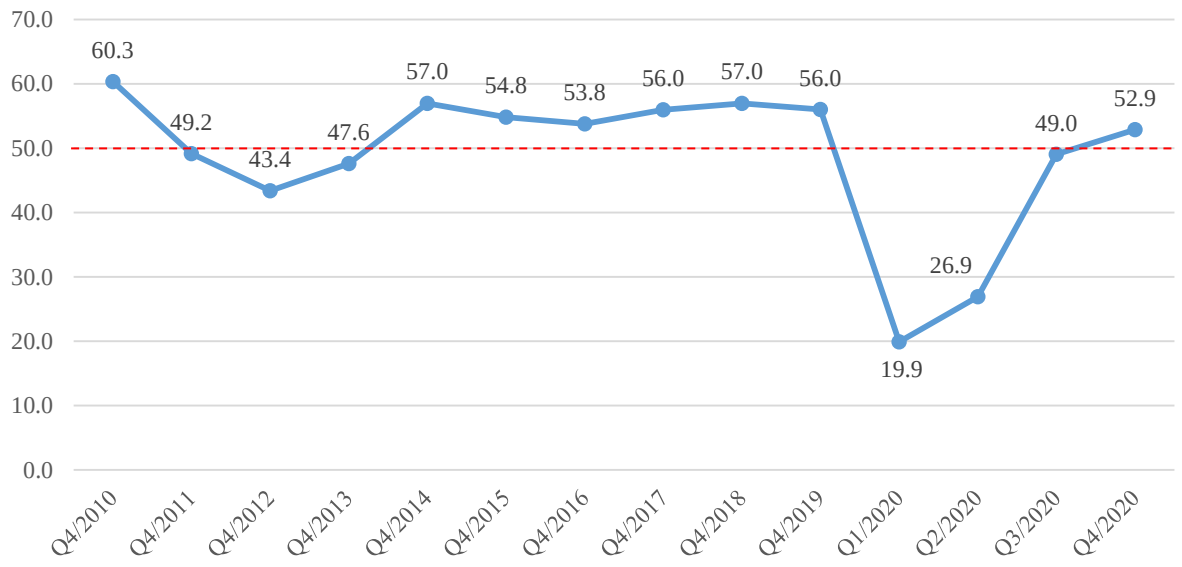

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Xét theo hình thức sở hữu, doanh nghiệp khu vực FDI đã có xu hướng cải thiện hoạt động kinh doanh tốt hơn doanh nghiệp khu vực tư nhân. Điều này thể hiện ở sự vượt trội của các doanh nghiệp FDI về các chỉ số phản ánh doanh thu, đơn đặt hàng mới (cả đơn đặt hàng xuất khẩu), tồn kho và số lượng nhân viên. Các doanh nghiệp khu vực tư nhân mặc dù có tỷ lệ sử dụng máy móc thiết bị tốt hơn lên nhiều hơn so với khu vực doanh nghiệp FDI, tuy nhiên nhiều doanh nghiệp khu vực này lại có giá thành bình quân tăng lên, kéo theo giá bán bình quân cũng tăng lên. Các doanh nghiệp khu vực nhà nước do số lượng trả lời chưa đủ để mang tính đại diện nên không được phân tích.

Hình 11: Các chỉ số thành phần về xu hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp quý VI 2020 theo khu vực doanh nghiệp[2]

Đơn vị: Điểm %

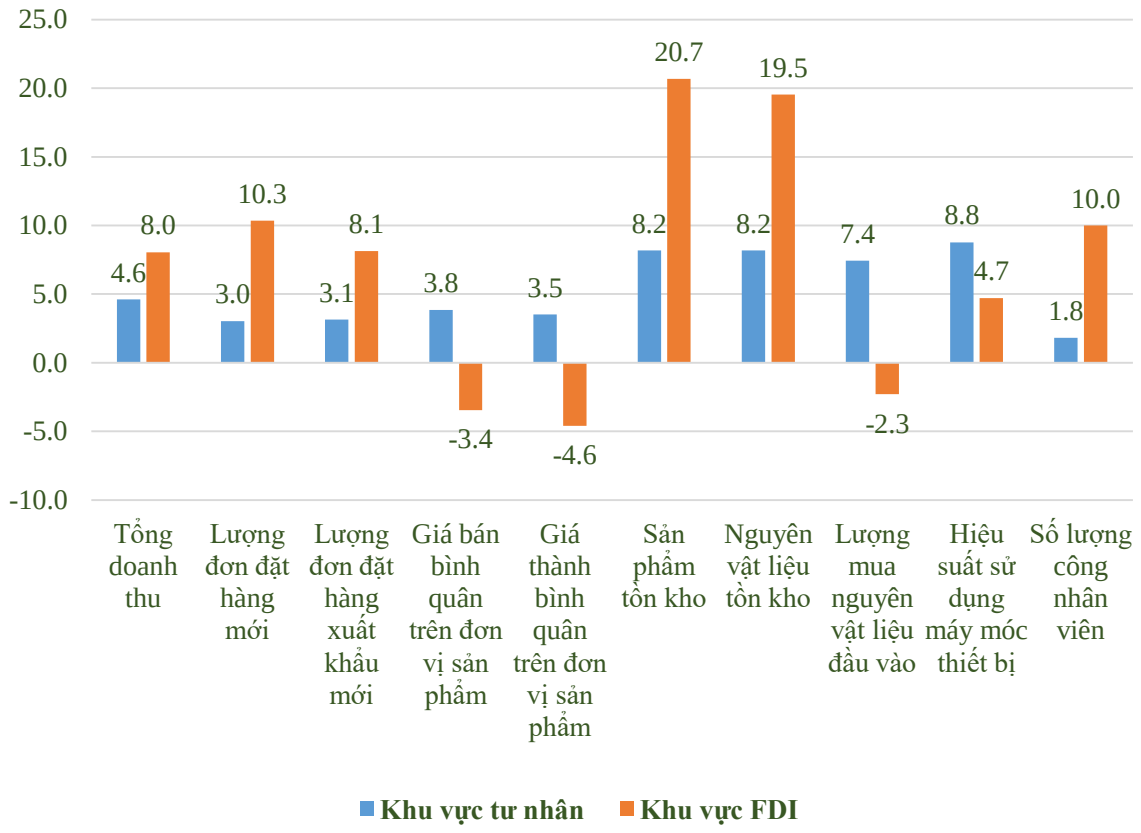

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Xét theo quy mô doanh nghiệp, các doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ có tỷ lệ phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh tốt nhất, khi mà các chỉ số thành phần về sản xuất kinh doanh của nhóm doanh nghiệp này thường cao nhất. Điều này cho thấy lợi thế về sự thích nghi nhanh nhạy của các doanh nghiệp siêu nhỏ trong các cuộc khủng hoảng. Trong khi đó, nhóm các doanh nghiệp nhỏ dường như vẫn chịu nhiều ảnh hưởng từ Covid-19, nên nhiều chỉ số phản ánh kết quả kinh doanh trong quý IV vẫn ở mức âm, đồng nghĩa với tỷ lệ doanh nghiệp giảm điểm ở các chỉ số này vẫn cao hơn tỷ lệ tăng điểm. Các doanh nghiệp lớn dù không có sự cải thiện mạnh như doanh nghiệp siêu nhỏ, nhưng cũng cho thấy sự hồi phục trong quý IV khi mà tất cả các chỉ số đều dương.

[2] Chỉ số thành phần là chênh lệch giữa tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá tăng và tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá giảm

Hình 12: Các chỉ số thành phần về xu hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp quý VI 2020 theo quy mô doanh nghiệp[3]

Đơn vị: Điểm %

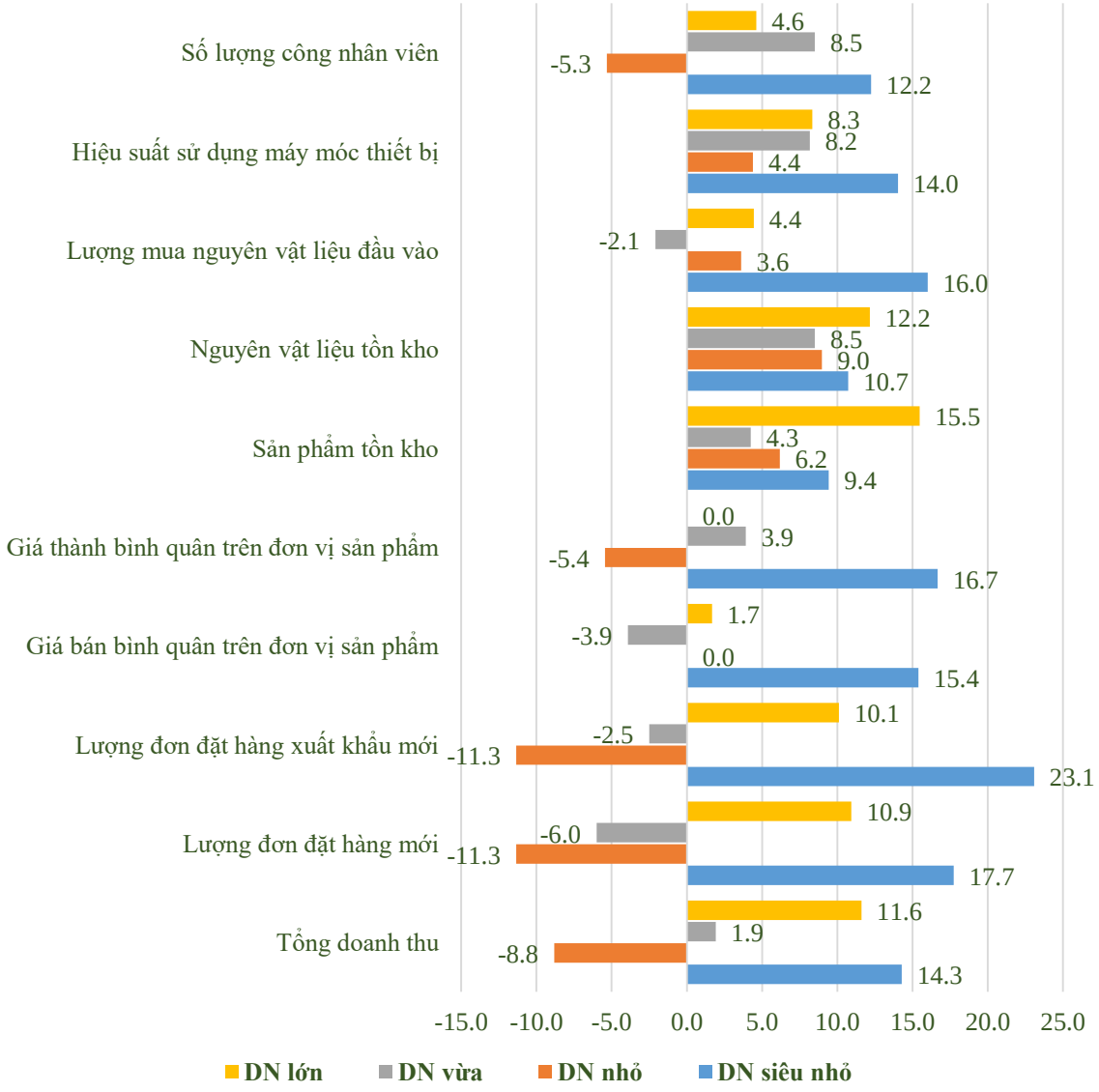

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

2.2. Mức độ doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra trong năm 2020

Theo các khảo sát sức khỏe doanh nghiệp do VCCI triển khai thực hiện trong năm 2020, có thể thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã gặp nhiều khó khăn trong năm 2020, nhất là 6 tháng đầu năm.

[3] Chỉ số thành phần là chênh lệch giữa tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá tăng và tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá giảm

Trong quý I/2020, doanh nghiệp hầu hết đánh giá chỉ hoàn thành dưới 50% kế hoạch kinh doanh đề ra, với tỷ lệ dao động từ 41,3% doanh nghiệp ở kế hoạch doanh thu tới cao nhất là 55,5% ở kế hoạch phát triển thị trường. Các doanh nghiệp hoàn thành từ 50%- 75% kế hoạch có tỷ lệ cao tiếp theo với tỷ lệ dao động từ 20,2% ở kế hoạch phát triển sản phẩm tới 28,7% ở kế hoạch doanh thu. Điều này đã cho thấy doanh nghiệp đã có sự bi quan với kế hoạch kinh doanh đã đề ra do tác động của Covid 19. Tỷ lệ doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch hoặc vượt kế hoạch chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ dao động từ 10,3% - 11,3%.

Hình 13: Tình hình hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra của doanh nghiệp trong Quý I/2020

Đơn vị: %

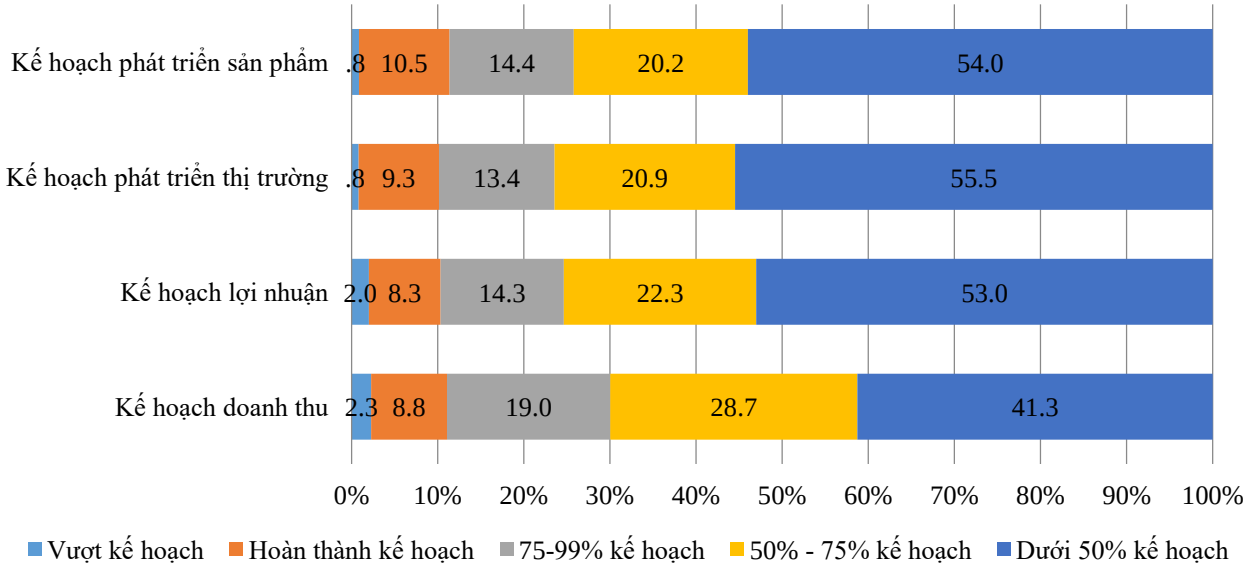

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Nếu như trong Quý I/2020, đa số doanh nghiệp đánh giá chỉ hoàn thành dưới 50% kế hoạch kinh doanh đề ra, thì trong Quý II/2020, tỷ lệ doanh nghiệp chỉ hoàn thành dưới 50% kế hoạch đã giảm đi, dù vẫn chiếm tỷ trọng cao.

Tỷ lệ doanh nghiệp hoàn thành dưới 50% cao nhất là về kế hoạch phát triển thị trường (chiếm 40,3%) tiếp đến là kế hoạch lợi nhuận (38,4%). Điều này cho thấy vấn đề tìm kiếm khách hàng mới và đảm bảo mức lợi nhuận là những vấn đề bị ảnh hưởng nhiều nhất trong quý II/2020 do tác động của Covid-19.

Tỷ lệ các doanh nghiệp hoàn thành từ 50%- 75% kế hoạch có tỷ lệ cao tiếp theo với tỷ lệ dao động từ 24,4% ở kế hoạch phát triển thị trường tới 30,4% ở kế hoạch doanh thu. Như vậy, có đến trên 60% doanh nghiệp khảo sát đã chỉ thực hiện được không quá 75% kế hoạch kinh doanh của mình trong Quý II/2020. Tỷ lệ này tuy có giảm so với mức trên 70% doanh nghiệp trong quý I/2020 nhưng vẫn là rất cao so với thời điểm Quý IV/2019, dưới 15%. Trong khi đó, tỷ lệ doanh nghiệp hoàn thành hoặc vượt kế hoạch chỉ chiếm dưới 20%, mặc dù có cao hơn so với kết quả khảo sát trong Quý I/2020 (khoảng 11%), nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với thời điểm Quý IV/2019 (trên 50%). Những con số này đã cho thấy Covid-19 vẫn tiếp tục có những ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, dẫn đến việc đa số nhiều doanh nghiệp không hoàn thành các kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.

Hình 14: Tình hình hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra của doanh nghiệp trong Quý II/2020

Đơn vị: %

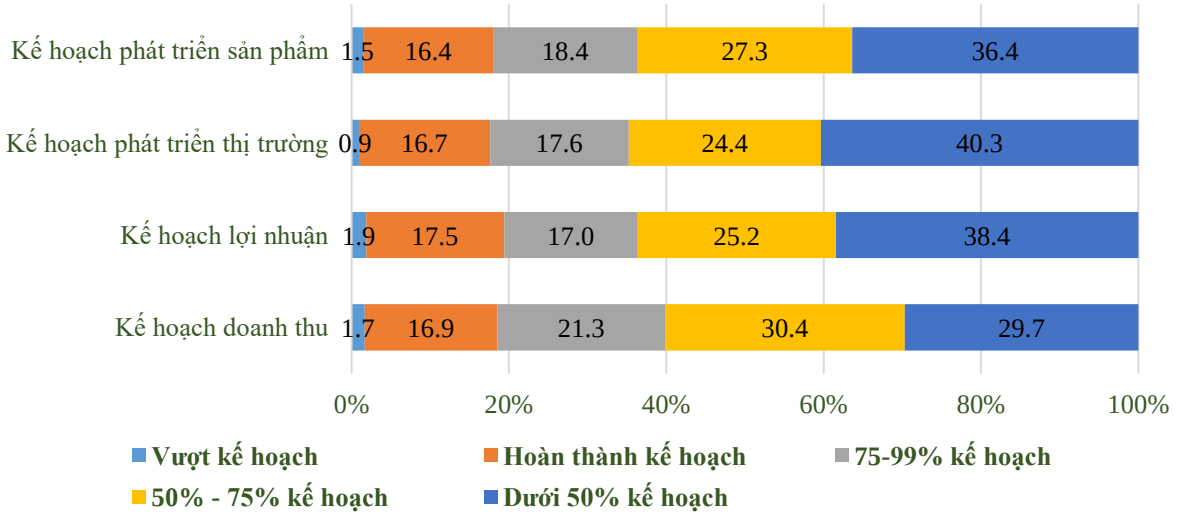

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Xét cả năm 2020, tình hình kết quả kinh doanh của doanh nghiệp đã khả quan hơn nhiều so với 6 tháng đầu năm. Tỷ lệ doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch đã tăng lên đạt hơn ¼ số doanh nghiệp. Tỷ lệ doanh nghiệp đạt 75-99% kế hoạch cũng ở mức cao, từ ¼ đến 1/3 tùy từng chỉ tiêu. Trong khi đó, tỷ lệ doanh nghiệp

hoàn thành dưới 50% kế hoạch đã giảm mạnh, từ mức 30-40% trong quý II xuống chỉ còn từ 10-20% trong cả năm. Điều này cho thấy kết quả kinh doanh trong quý III và nhất là quý IV đã giúp doanh nghiệp phục hồi và hoàn thành tối đa các kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

Hình 15: Tình hình hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra của doanh nghiệp trong năm 2020

Đơn vị: %

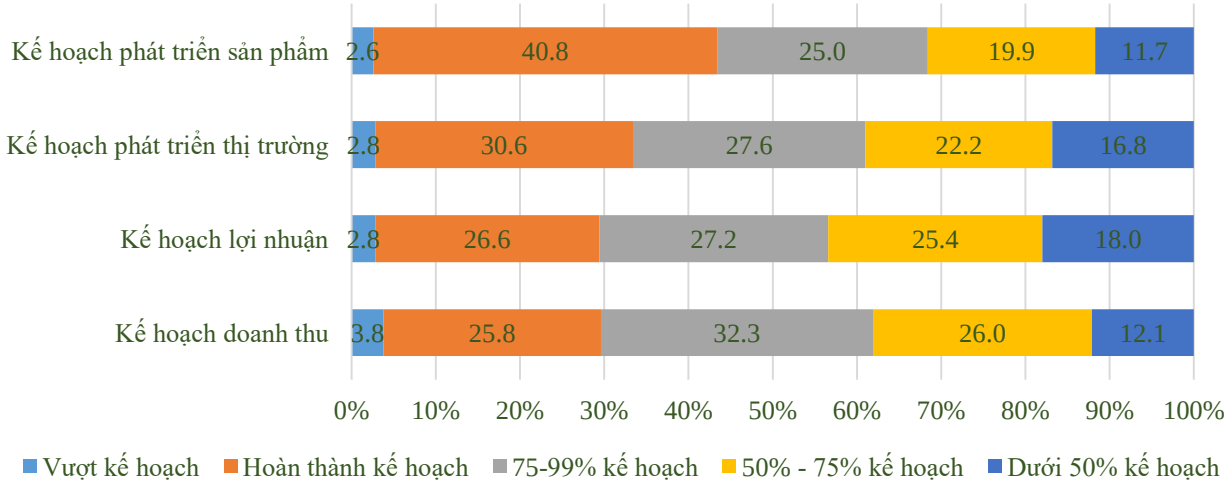

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Xét theo hình thức sở hữu, mặc dù chịu ảnh hưởng nhiều từ sự đứt gãy của chuỗi cung ứng và thị trường xuất khẩu bị thu hẹp, nhưng dường như các doanh nghiệp khu vực FDI vẫn có kết quả kinh doanh tốt hơn so với khu vực doanh nghiệp tư nhân trong nước năm 2020. Điều này thể hiện ở tỷ lệ doanh nghiệp FDI hoàn thành hoặc vượt kế hoạch kinh doanh trong năm 2020 vẫn cao hơn so với các doanh nghiệp tư nhân trong nước về doanh thu và lợi nhuận. Trong khi đó, các doanh nghiệp trong nước có vẻ nỗ lực cao hơn các doanh nghiệp FDI trong việc duy trì lực lượng lao động, khi mà tới 43,7% số DN tư nhân vẫn đạt hoặc vượt kế hoạch về lao động, so với 42,2% ở khu vực FDI. Mặc dù vậy, việc chỉ khoảng 1/3 các doanh nghiệp của cả hai khu vực hoàn thành kế hoạch kinh doanh cho thấy các doanh nghiệp đã gặp nhiều khó khăn trong năm 2020 do tác động của đại dịch Covid-19.

Hình 16: Tỷ lệ DN hoàn thành hoặc vượt kế hoạch kinh doanh đã đề ra trong năm 2020 theo hình thức sở hữu

Đơn vị: %

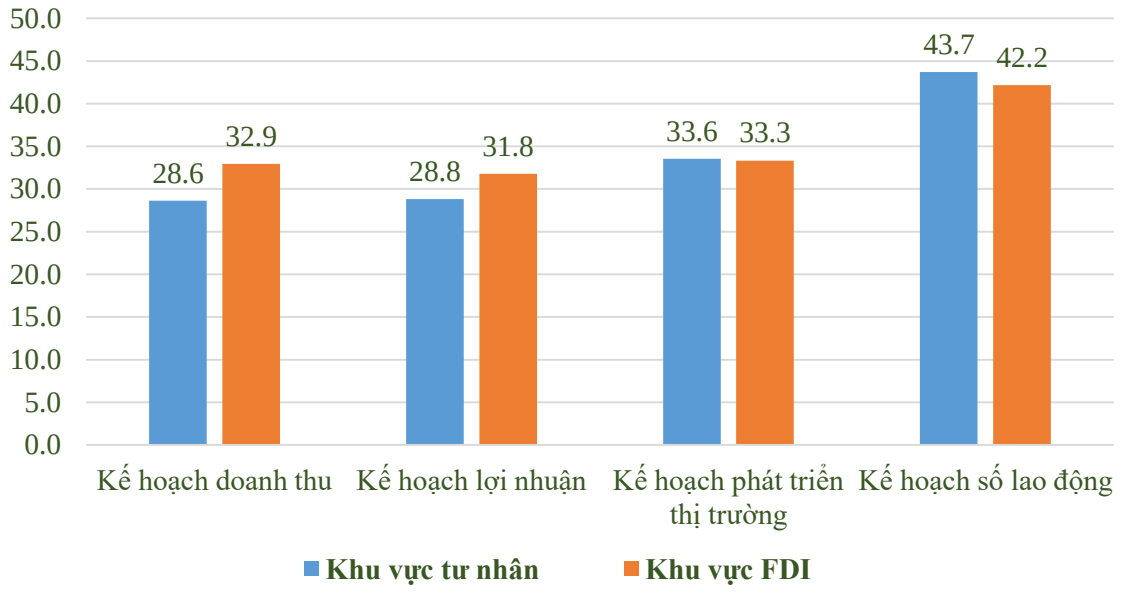

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Xét theo quy mô doanh nghiệp, các doanh nghiệp quy mô nhỏ có vẻ chịu tác động nhiều nhất bởi đại dịch Covid-19 hơn là các doanh nghiệp ở các quy mô khác, khi mà tỷ lệ doanh nghiệp trong nhóm này hoàn thành các kết hoạch kinh doanh ở mức thấp nhất, trong cả 4 chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, thị trường và lao động. Nhóm các doanh nghiệp quy mô vừa có vẻ chống chịu và vượt qua khủng hoảng do tác động của đại dịch Covid-19 tốt hơn, thể hiện ở tỷ lệ hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2020 của nhóm này luôn cao nhất. Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch kinh doanh của các doanh nghiệp siêu nhỏ cũng cao, cho thấy sự linh động và thích nghi tốt của các doanh nghiệp siêu nhỏ. Nhóm các doanh nghiệp lớn có tỷ lệ hoàn thành kế hoạch khá đồng đều mức 1/3 số doanh nghiệp ở các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và phát triển thị trường.

Hình 17: Tỷ lệ DN hoàn thành hoặc vượt kế hoạch kinh doanh đã đề ra trong năm 2020 theo quy mô doanh nghiệp

Đơn vị: %

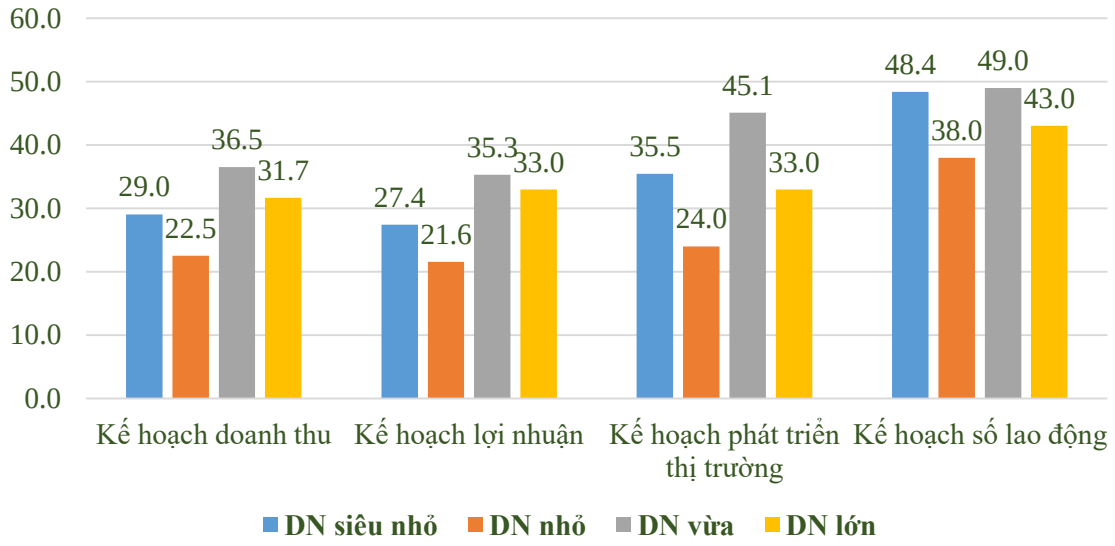

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

2.3. Chỉ số Sức khỏe dự cảm của doanh nghiệp Quý I/2021 - $VBIS_E$

Theo kết quả khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 đã đưa ra những dự cảm của doanh nghiệp về tình hình sản xuất kinh doanh trong Quý I/2021. Nếu như trong suốt 10 năm triển khai khảo sát chỉ số VBIS, quan sát ghi nhận được là chỉ số $VBIS_E$ thường cao hơn chỉ số $VBIS_O$ nếu tình cùng một thời điểm, vì các doanh nghiệp thường vẫn kỳ vọng và lạc quan hơn so với tình hình thực tế sẽ diễn ra, thì dưới tác động của đại dịch Covid-19, đã có những sự thay đổi. Cụ thể, chỉ số sức khỏe doanh nghiệp thực thấy ($VBIS_O$) trong quý III và quý IV năm 2020 đã cao hơn so với chỉ số sức khỏe dự cảm của doanh nghiệp ($VBIS_E$) (xem hình 14). Điều này chứng tỏ ngay cả bản thân doanh nghiệp cũng không nghĩ rằng sự phục hồi trong quý III và nhất là quý IV lại nhanh như vậy. Cũng theo xu hướng này, chỉ số dự cảm của doanh nghiệp về quý I/2021 sẽ vẫn tiếp đà phục hồi, đạt mức 56,49 điểm, tương đương với mức trung bình của giai đoạn 2014-2019, giai đoạn trước khi có đại dịch Covid-19 xảy ra. Đây có thể nói là tín hiệu rất lạc quan từ khu vực doanh nghiệp cho năm 2021.

Hình 18: Chỉ số Sức khỏe dự cảm của doanh nghiệp Quý I/2021 - $VBIS_E$

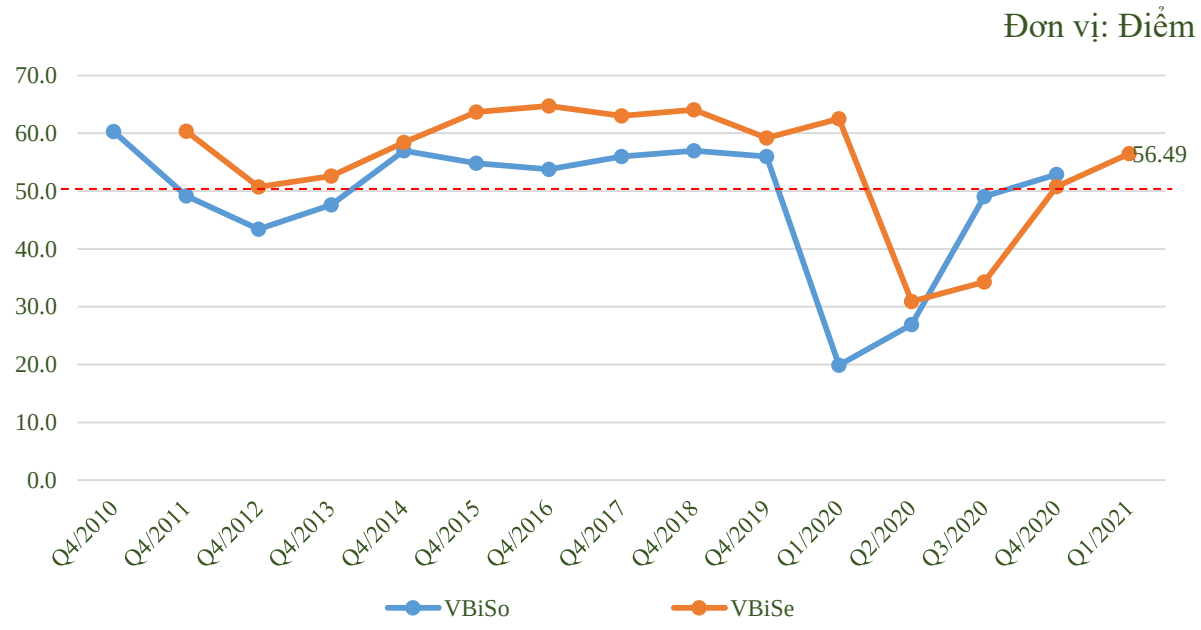

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Hình 19: Dự báo về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Quý I/2021 so với Quý IV/2020

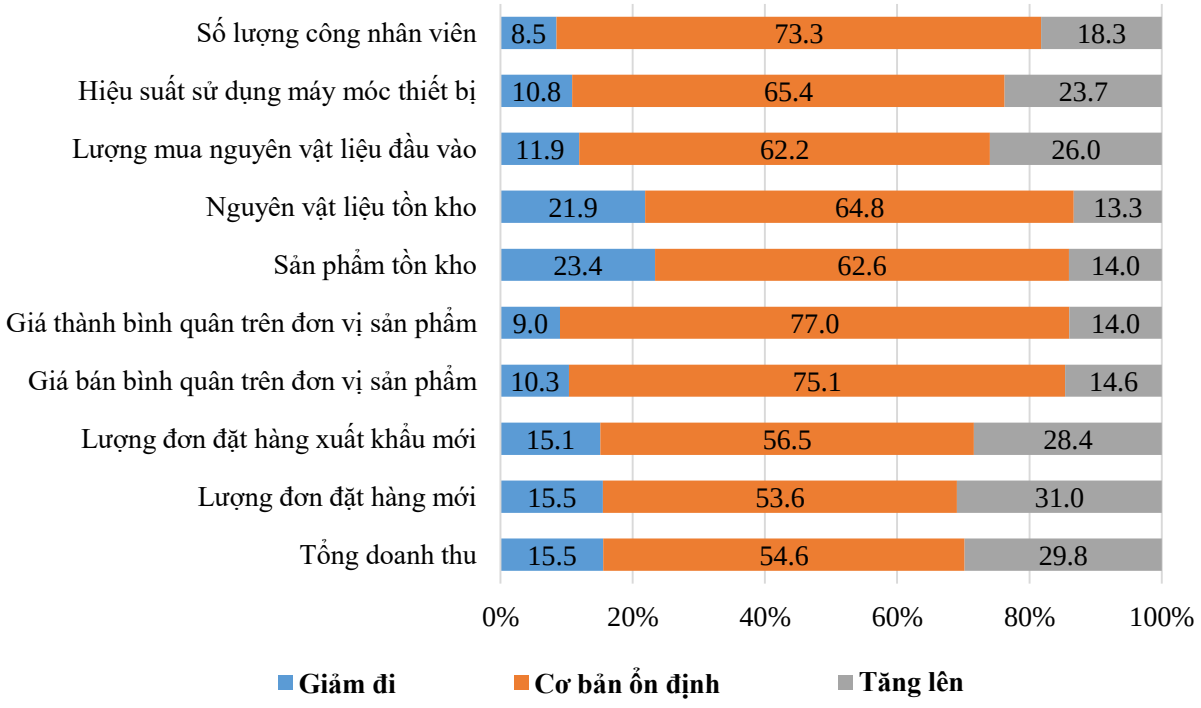

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Phân tích chi tiết những dự báo về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong Quý IV/2021 có thể thấy, dù tỷ lệ doanh nghiệp vẫn dự báo tình hình

sản xuất kinh doanh ổn định chiếm đa số, nhưng tỷ lệ doanh nghiệp dự báo xu hướng kinh doanh tốt lên đã cao hơn khoảng từ 10-15% so với tỷ lệ doanh nghiệp dự báo xu hướng kinh doanh xấu đi. Đáng chú ý, những chỉ số quan trọng về doanh thu, đơn đặt hàng mới có tỷ lệ doanh nghiệp dự báo tốt lên chiếm đến khoảng 30%, cao nhất trong số các chỉ số phản ánh tình hình kinh doanh, càng cho thấy những tín hiệu lạc quan về sức khỏe của doanh nghiệp cho quý I/2021 và các quý tiếp theo. Tất nhiên, đây vẫn chỉ là những dự báo của DN, với điều kiện rằng tình hình Covid-19 được kiểm soát tốt tại Việt Nam như hiện nay và dần được kiểm soát tốt trên thế giới nhờ các vac-xin.

Theo hình thức sở hữu, tỷ lệ các doanh nghiệp FDI dự cảm sẽ phục hồi cao hơn so với các doanh nghiệp khu vực tư nhân trong nước, nhất là về các chỉ số doanh thu, đơn đặt hàng mới. Điều này cũng phù hợp với sự dự báo phục hồi dần của nền kinh tế thế giới, giúp các doanh nghiệp FDI, chủ yếu là các doanh nghiệp xuất khẩu có cơ hội phục hồi mạnh mẽ hơn.

Hình 20: Dự báo về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Quý I/2021 so với Quý IV/2020 theo hình thức sở hữu

Đơn vị: Điểm %

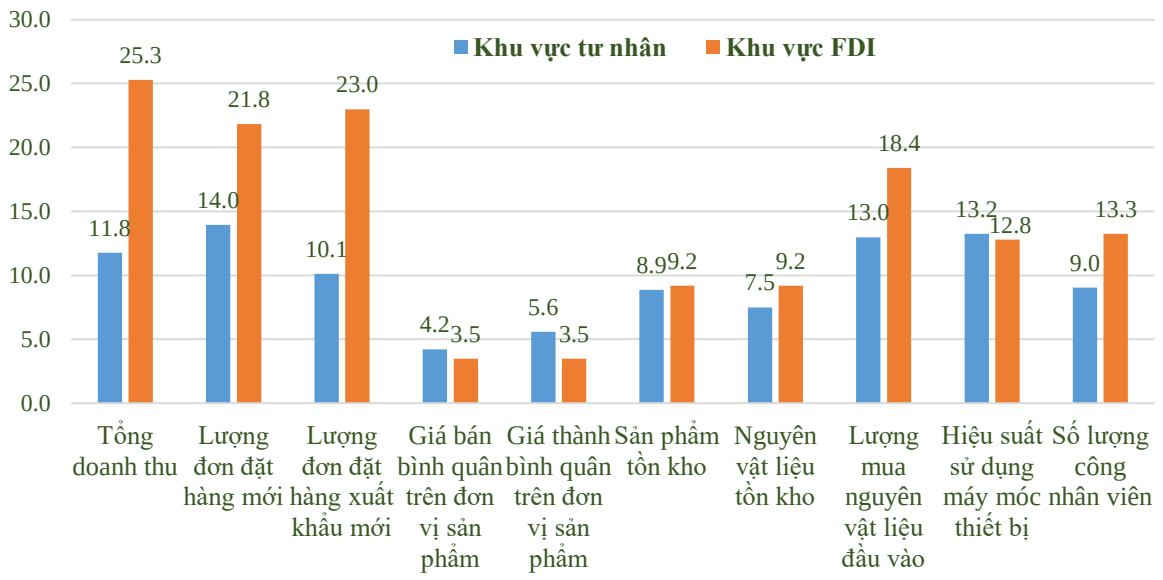

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Tương tự theo quy mô doanh nghiệp, các doanh nghiệp quy mô lớn được dự báo là sẽ phục hồi tốt nhất, tiếp đến là các doanh nghiệp cơ vừa. Dường như

khi tình hình đã ổn định, các doanh nghiệp quy mô lớn và vừa sẽ tận dụng tốt hơn các lợi thế về quy mô, về thị trường xuất khẩu để phục hồi và phát triển nhanh hơn là các doanh nghiệp quy mô nhỏ và siêu nhỏ. Các doanh nghiệp quy mô nhỏ và siêu nhỏ có một số chỉ số được dự báo giảm điểm trong quý I/2021 so với Quý IV/2020 có thể do tác động của đợt nghỉ lễ tết.

Hình 21: Dự báo về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Quý I/2021 so với Quý IV/2020 theo quy mô doanh nghiệp

Đơn vị: Điểm %

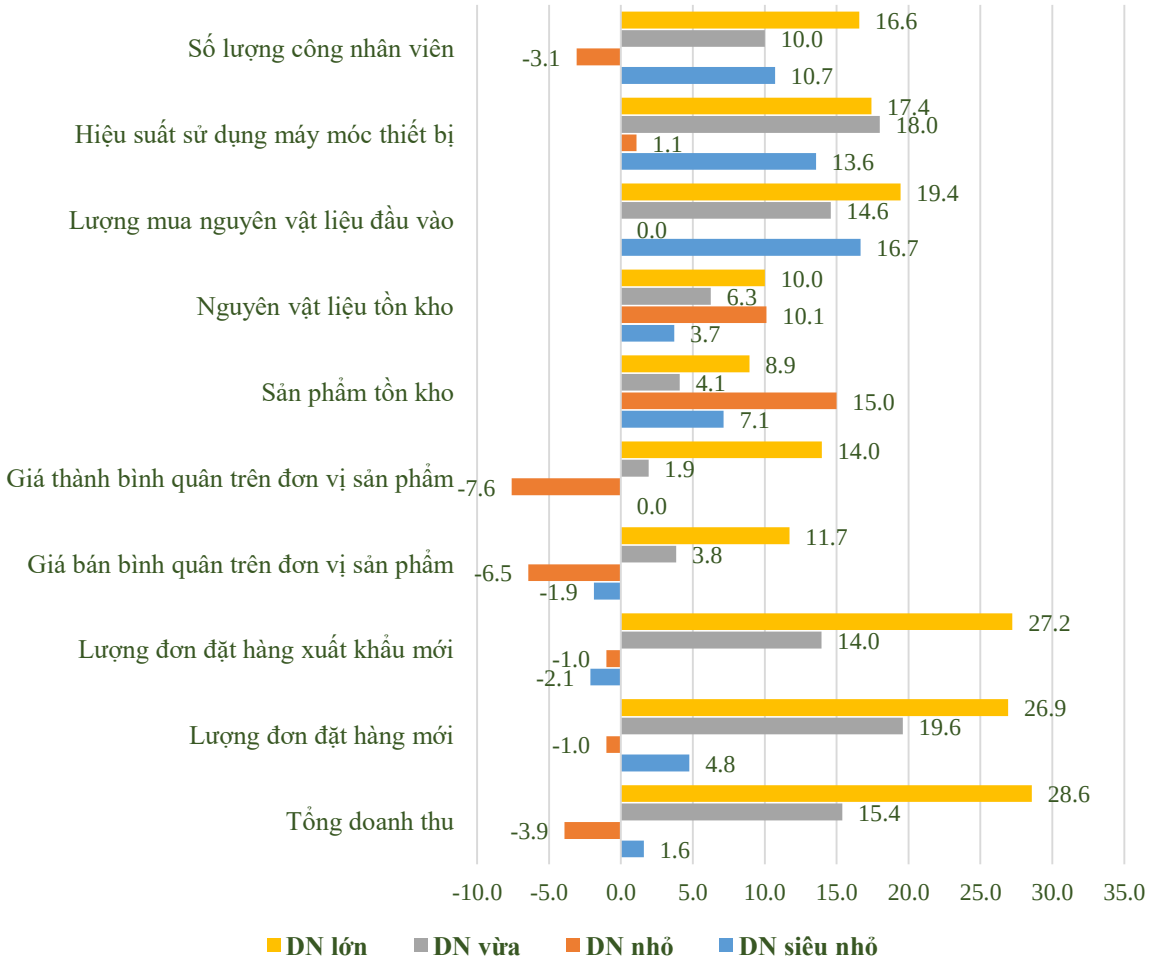

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ 10 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 09 VỀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ DOANH NHÂN

Nghị quyết 09-NQ/TW về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế được Bộ Chính trị ban hành ngày 09/12/2011. Sau gần 10 năm đi vào cuộc sống, Nghị quyết đã thực sự trở thành "kim chỉ nam" cho sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân Việt Nam. Để đánh giá được những tác động của việc triển khai Nghị quyết 09 đến sự phát triển của đội ngũ doanh nhân Việt Nam, nghiên cứu này đã sử dụng lại một số câu hỏi đã dụng để xây dựng đề án doanh nhân được triển khai năm 2010, từ đó so sánh kết quả sau 10 năm để thấy những điểm khác biệt về sự phát triển của đội ngũ doanh nhân.

3.1. Thực trạng doanh nhân Việt Nam

3.1.1 Thực trạng tuổi của doanh nhân

Khảo sát trong khuôn khổ đề án doanh nhân năm 2010 đã chỉ ra rằng các doanh nhân tập trung nhiều ở nhóm tuổi từ 40-60 tuổi. Điều này thể hiện sự hội tụ đầy đủ các tố chất của doanh nhân chủ yếu ở độ tuổi từ 40 đến 60. Sau 10 năm sau, khảo sát của VCCI vẫn chỉ ra điều này và thậm chí còn nhấn mạnh hơn, khi mà có đến gần 70% doanh nhân được khảo sát ở trong nhóm tuổi từ 40-60 tuổi, cao hơn mức 60% của năm 2010. Hơn nữa, tỷ lệ doanh nhân trên 60 tuổi cũng đã tăng gấp hơn 3 lần từ 4,15% năm 2010 lên 14,3% năm 2020, trong khi tỷ lệ doanh nhân dưới 30 tuổi lại giảm từ 5,41% xuống còn 0,8%. Kết quả này cho thấy tuổi đời của doanh nhân ngày càng tăng lên cùng với sự phát triển lâu năm của khu vực doanh nghiệp.

Xét theo hình thức sở hữu, doanh nhân làm trong các doanh nghiệp khu vực FDI có độ tuổi trung bình cao hơn so với các doanh nhân làm trong các doan nghiệp khu vực tư nhân trong nước. Tỷ lệ doanh nhân có độ tuổi trên 50 tuổi trong khu vực FDI chiếm đến hơn ¾, trong khi tỷ lệ này trong các doanh nghiệp khu vực tư nhân chiếm chưa đến ½.

Hình 22: Độ tuổi của doanh nhân tham gia khảo sát

Đơn vị: %

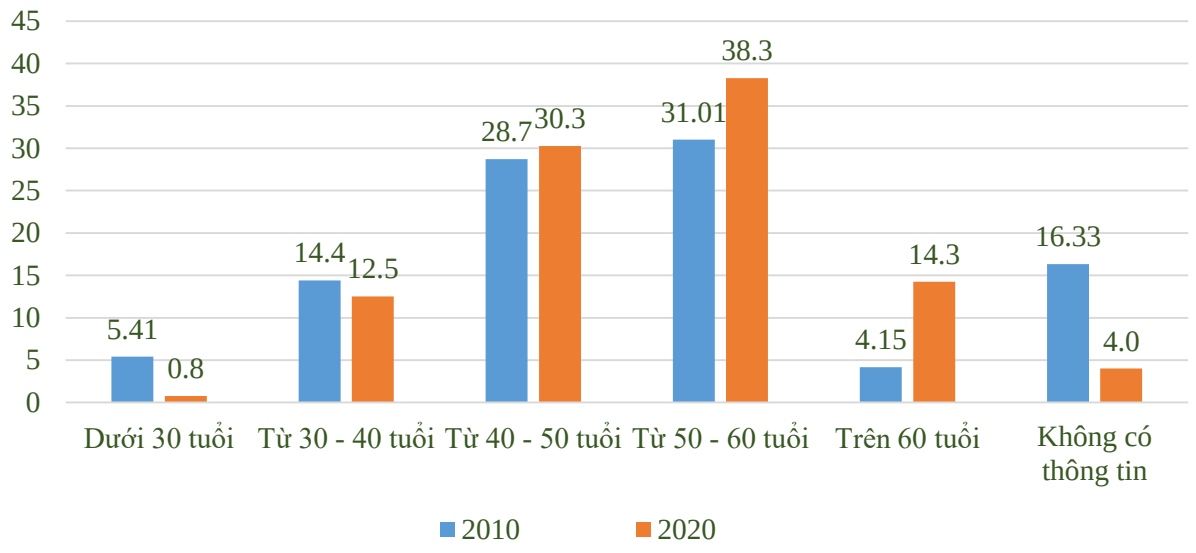

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI, Đề án doanh nhân

Hình 23: Độ tuổi của doanh nhân tham gia khảo sát năm 2020 theo hình thức sở hữu

Đơn vị: %

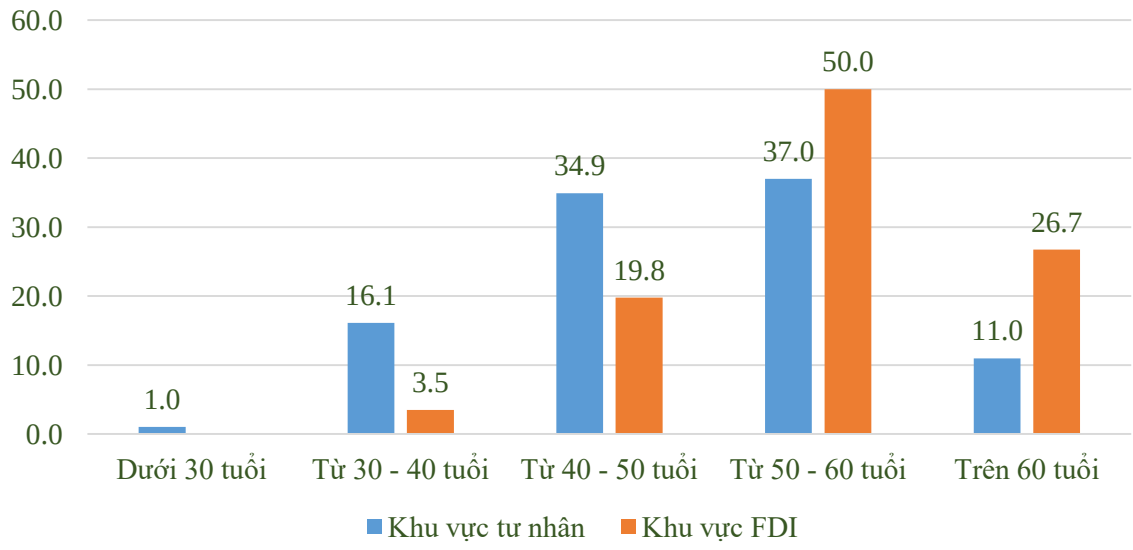

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Xét theo quy mô doanh nghiệp, tỷ lệ tuổi trung bình của các doanh nhân dường như cũng tỷ lệ với quy mô doanh nghiệp. Các doanh nhân làm việc trong các doanh nghiệp quy mô vừa và lớn có độ tuổi trung bình cũng cao hơn so với các doanh nhân trong các doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ và nhỏ.

Hình 24: Độ tuổi của doanh nhân tham gia khảo sát năm 2020 theo quy mô doanh nghiệp

Đơn vị: %

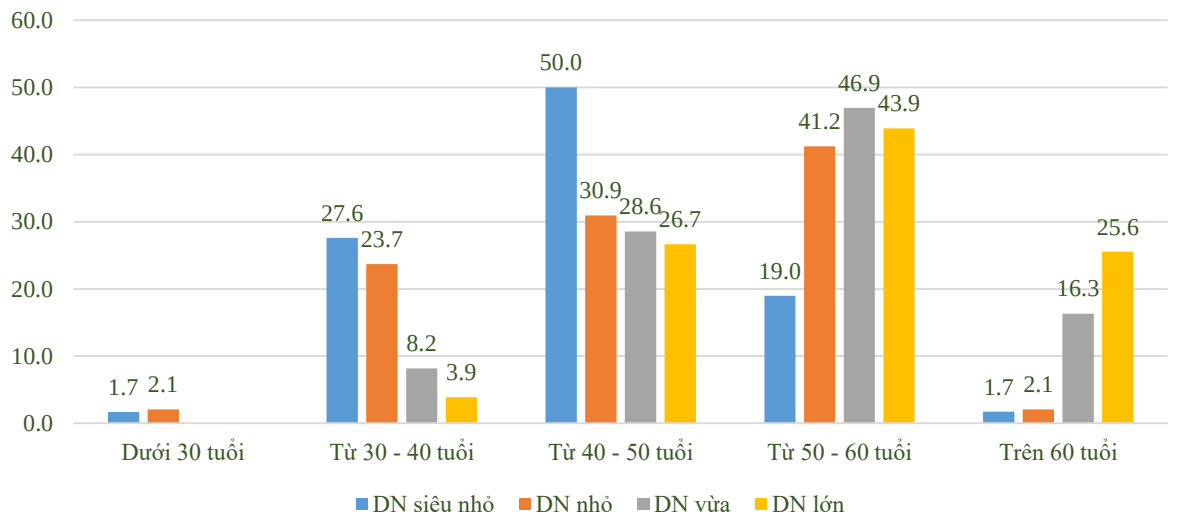

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

3.1.2. Số năm giữ chức vụ quản lý của doanh nhân tại doanh nghiệp

Cùng với sự gia tăng về tuổi đời, thì tuổi nghề, thể hiện qua số năm giữ chức vụ quản lý, của các doanh nhân cũng tăng lên. Nếu kết quả khảo sát năm 2010 cho thấy có trên 40% doanh nhân có kinh nghiệm dưới 5 năm, thì đến năm 2020 chỉ còn 7,8%. Tương tự, tỷ lệ doanh nhân có kinh nghiệm từ 5-10 năm cũng giảm mạnh từ 26,67% năm 2010 xuống còn 10,8% năm 2020. Ngược lại, tỷ lệ doanh nhân có trên 10 năm kinh nghiệm đã tăng từ 19,13% lên 66,5%, trong đó có 31,3% doanh nhân có trên 20 năm kinh nghiệm. Rõ ràng, sau 10 năm, các doanh nhân đã tích lũy thêm được nhiều năm kinh nghiệm trong quản lý doanh nghiệp của mình.

Cùng với độ tuổi trung bình cao hơn, các doanh nhân trong các doanh nghiệp FDI cũng có thâm niên cao hơn hơn so với các doanh nhân trong các doanh nghiệp khu vực tư nhân. Hơn 71% doanh nhân trong các doanh nghiệp FDI có kinh nghiệm quản lý trên 10 năm, trong khi tỷ lệ này ở các doanh nghiệp khu vực tư nhân chỉ là 66%. Ngược lại, có tới 8,8% doanh nhân trong khu vực tư nhân có kinh nghiệm dưới 5 năm, trong khi tỷ lệ này ở các doanh nghiệp FDI là 3,4%.

Hình 25: Thâm niên của doanh nhân tham gia khảo sát

Đơn vị: %

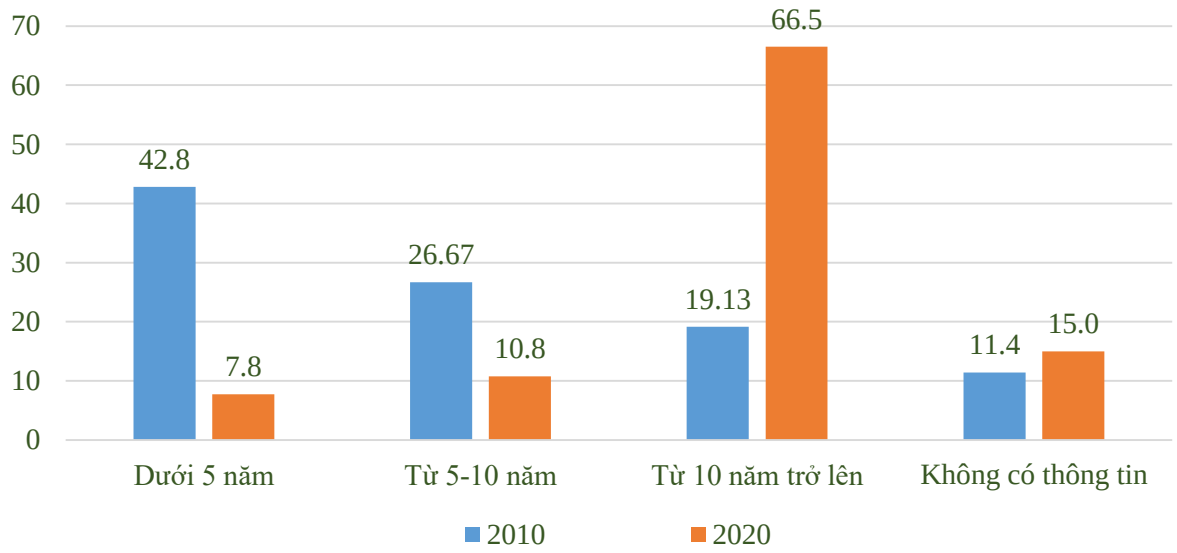

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI, Đề án doanh nhân

Hình 26: Thâm niên của doanh nhân tham gia khảo sát phân theo hình thức sở hữu

Đơn vị: %

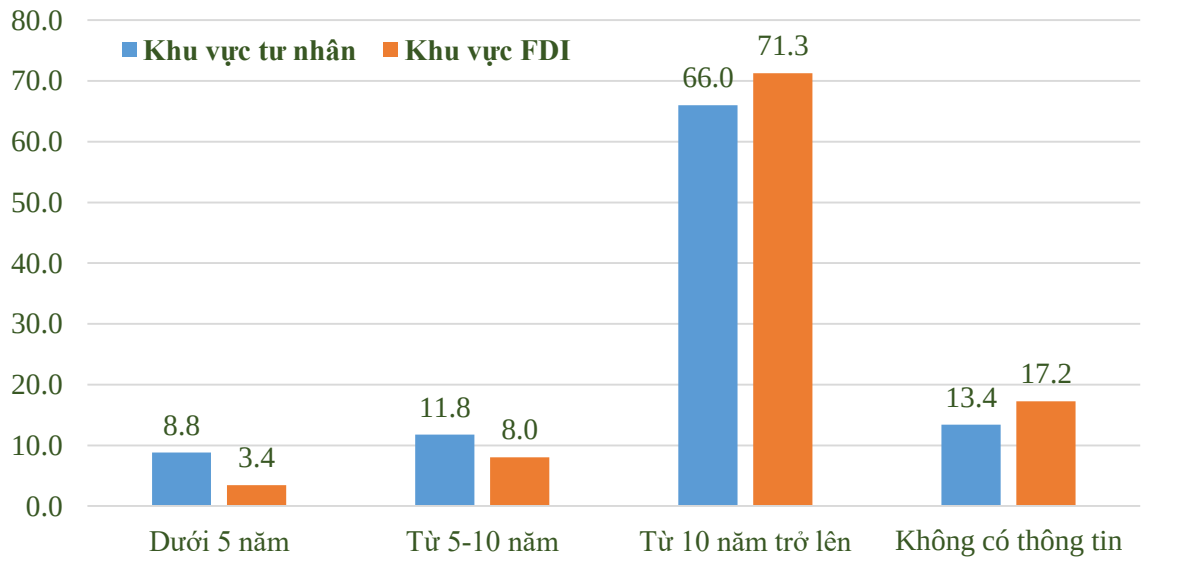

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Doanh nhân trong các doanh nghiệp quy mô lớn và vừa cũng có thâm niên cao hơn so với các doanh nhân trong các doanh nghiệp quy mô nhỏ và siêu nhỏ. Các doanh nhân trong các doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ có thâm niên ít nhất, khi có tới gần 20% người có dưới 5 năm kinh nghiệm quản lý.

Hình 27: Thâm niên của doanh nhân tham gia khảo sát phân theo quy mô doanh nghiệp

Đơn vị: %

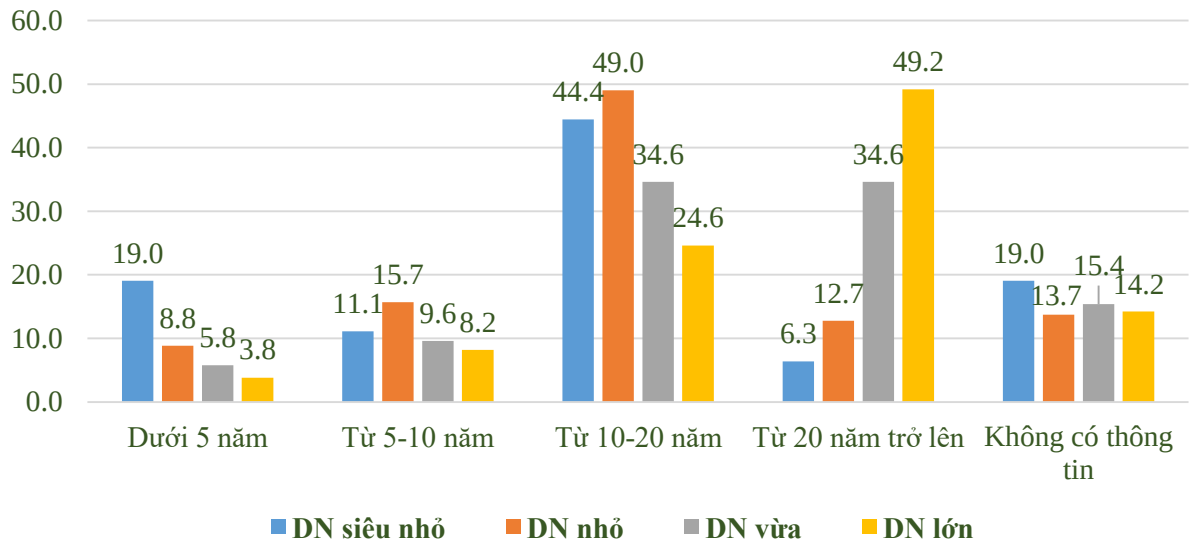

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

3.1.3. Người thân trong gia đình cũng là doanh nhân

Trong số 400 doanh nhân tham gia khảo sát, có khoảng 42% người có người thân trong gia đình cũng là doanh nhân. Kết quả này gần tương đồng với kết quả khảo sát năm 2010 với 37,68% doanh nhân hiện nay đang có người trong gia đình cũng là doanh nhân; 5,7% doanh nhân trước kia có người trong gia đình cũng là doanh nhân; gộp chung, ta có 43,38% doanh nhân ít nhiều có truyền thống gia đình làm kinh doanh. Như vậy có thể nói truyền thống kinh doanh trong gia đình cũng là nhân tố quan trọng trong việc hình thành và phát triển đội ngũ doanh nhân.

Hình 28: Người thân trong gia đình là doanh nhân

Đơn vị: %

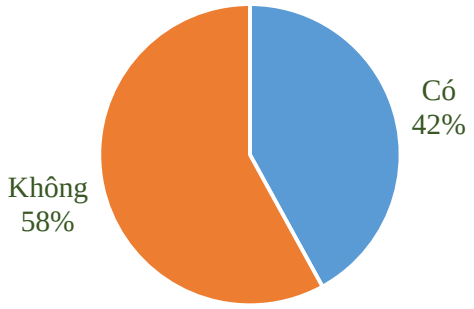

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

3.2. Nguồn gốc và động lực khởi sự của doanh nhân Việt Nam

3.2.1. Công việc trước khi trở thành doanh nhân

Nếu như năm 2010, hầu hết các doanh nhân Việt Nam đều có xuất thân từ tầng lớp lao động và chủ yếu từ khu vực kinh tế nhà nước thì hiện nay tình hình đã thay đổi.

Năm 2010, trước khi trở thành những nhà kinh doanh thực sự (như hiện tại) có 28,02% doanh nhân đã từng làm việc DN nhà nước, 27,44% là những cán bộ, công chức nhà nước, 17,29% đã từng làm việc trong các doanh nghiệp tư nhân hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư NN.

Hình 29: Nguồn gốc của doanh nhân khi khởi nghiệp

Đơn vị: %

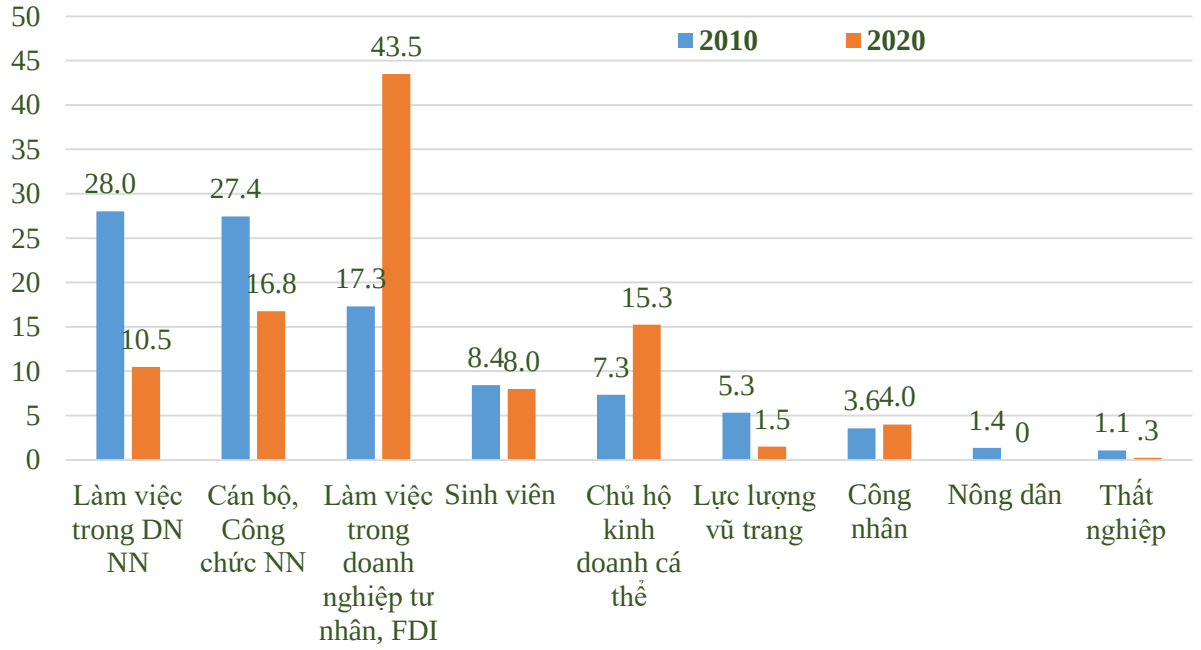

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI, Đề án doanh nhân

Đến năm 2020, các doanh nhân lại chủ yếu xuất thân từ những người làm việc trong doanh nghiệp tư nhân, DN FDI, chiếm tới 43,5%, tiếp đến mới là các cán bộ, công chức nhà nước (với 16,8%). Đặc biệt, có tới 15,3% doanh nhân xuất phát từ các hộ kinh doanh chuyển lên thành doanh nghiệp, thể hiện một phần nào các chính sách khuyến khích phát triển hộ kinh doanh của Đảng và Nhà nước trong những năm gần đây. Ngoài ra, các doanh nhân còn xuất thân từ các doanh nghiệp nhà nước

(10,5%), từ sinh viên (8%) hay từ công nhân (4%). Những thành phần khác như từ lực lượng vũ trang, nông dân hay thất nghiệp đều chiếm tỷ lệ nhỏ không đáng kể.

Xét theo khu vực doanh nghiệp, các doanh nhân làm trong các doanh nghiệp tư nhân có xuất xứ từ khu vực nhà nước (doanh nghiệp hoặc cơ quan nhà nước) cao hơn so với các doanh nhân làm trong các doanh nghiệp FDI. Theo chiều ngược lại, tỷ lệ người sau thời gian làm công nhân đã chuyển sang làm doanh nhân tại các doanh nghiệp FDI cao hơn so với làm doanh nhân tại các doanh nghiệp tư nhân.

Hình 30: Nguồn gốc của doanh nhân khi khởi nghiệp

Đơn vị: %

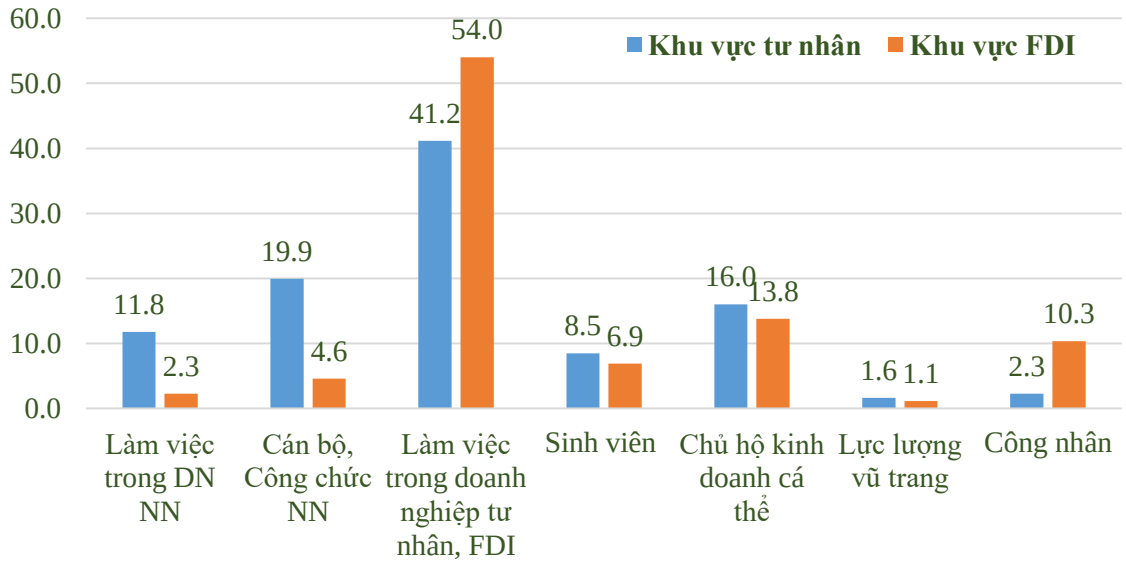

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

3.2.2. Lý do chính khởi nghiệp

Khảo sát năm 2010 đưa ra 10 lý do khởi nghiệp được nhiều doanh nhân lựa chọn được sắp xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp sau đây: 1) Muốn đóng góp cho xã hội; 2) Do muốn làm giàu cho mình; 3) Muốn thể hiện khả năng của mình; 4) Muốn tự do quyết định cuộc sống của mình; 5) Muốn mạo hiểm vào những lĩnh vực mới, sáng tạo; 6) Do truyền thống kinh doanh của gia đình; 7) Thấy người khác kinh doanh thành công; 8) Do bạn bè rủ; 9) Thấy cơ hội kinh doanh đến dễ dàng; 10) Do thất nghiệp, không tìm được việc làm.

Theo khảo sát năm 2010, các lý do khởi nghiệp chủ yếu được nhiều doanh nhân đưa ra là: Muốn đóng góp cho xã hội - 54,4% ; Muốn làm giàu cho mình -

38,36% ; Muốn thể hiện khả năng của mình -31,88% ; Muốn mạo hiểm vào những lĩnh vực mới, sáng tạo -11,3%; Do truyền thống kinh doanh của gia đình- 8,7%. Các lý do còn lại mà câu hỏi gợi ý đưa ra chiếm tỷ trọng nhỏ dưới 3,5%. Lý do mạo hiểm hay truyền thống kinh doanh của gia đình cũng chiếm tỷ trọng không cao.

Hình 31: Động cơ khởi nghiệp của doanh nhân

Đơn vị: %

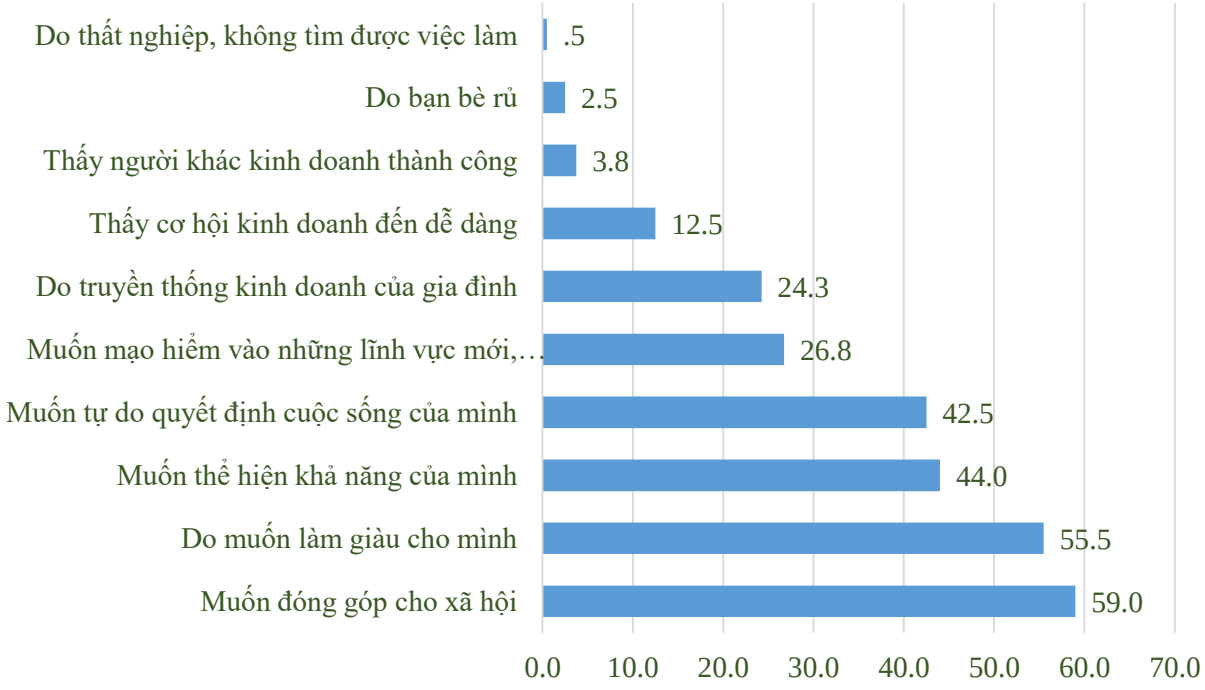

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Kết quả khảo sát năm 2020 cũng dường như khẳng định lại các lý do trên và thứ tự của các lý do này, khi mà 6/10 lý do đầu tiên đều được giữ nguyên, trong đó quan trọng nhất vẫn là mong muốn đóng góp cho xã hội, rồi đến làm giàu cho bản thân. Một điểm đáng chú ý là tỷ lệ lựa chọn các lý do về muốn mạo hiểm vào lĩnh vực mới hay do truyền thống kinh doanh của gia đình, hay do thấy cơ hội hinh doanh đến dễ dàng đã cao hơn rất nhiều so với thời điểm cách đây 10 năm, điều này cho thấy bối cảnh mới cũng đã tác động nhiều đến động cơ khởi sự kinh doanh của các doanh nhân.

Nhìn chung, thứ tự của các động cơ khởi nghiệp không thay đổi nhiều khi phân theo hình thức sở hữu. Tuy nhiên, các doanh nhân trong khu vực FDI có động làm giàu cho mình hay do truyền thống gia đình cao hơn so với các doanh nhân

khu vực tư nhân, trong khi các doanh nhân khu vực tư nhân lại cao hơn về động cơ muốn tự do quyết định cuộc sống, thể hiện khả năng của mình hay muốn đóng góp cho xã hội.

Hình 32: Động cơ khởi nghiệp của doanh nhân theo hình thức sở hữu

Đơn vị: %

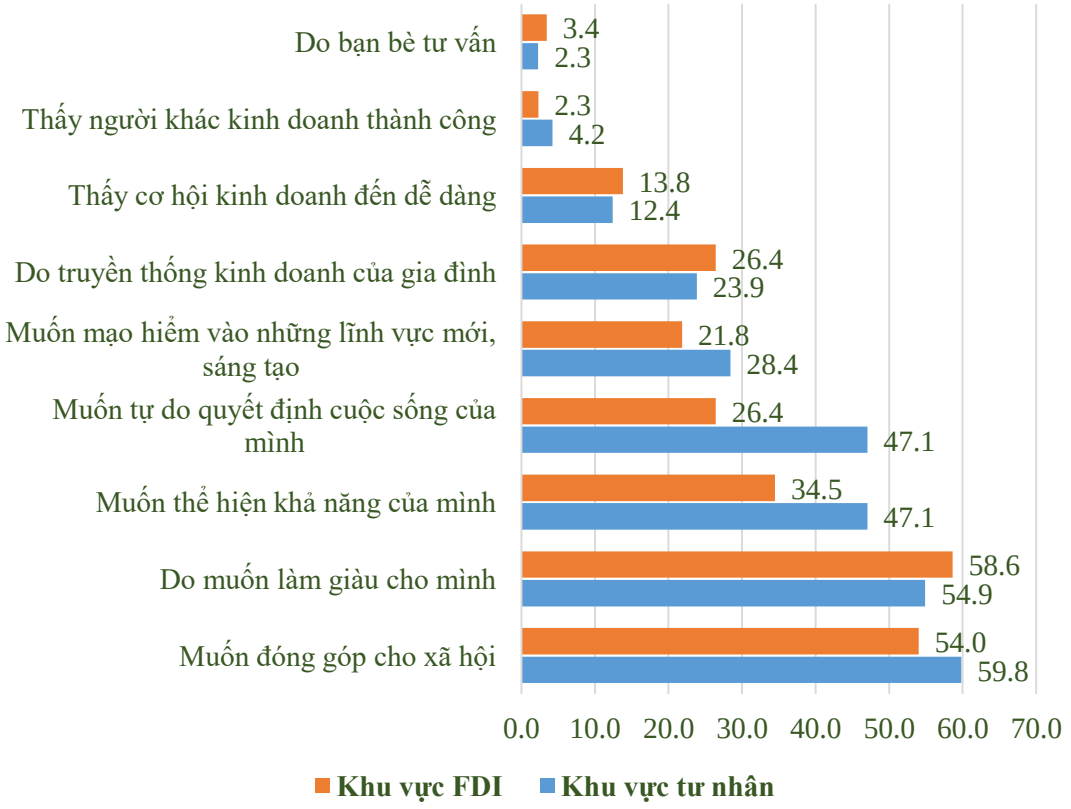

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Xét theo quy mô doanh nghiệp, các doanh nhân chủ các doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ bị thôi thúc nhiều hơn so với doanh nhân của các doanh nghiệp vừa và lớn ở hầu hết các động cơ khởi nghiệp, nhất là các động cơ phản ánh sự mạo hiểm, sáng tạo, sự tự do trong việc ra quyết định hay làm giàu cho mình và cho xã hội. Các doanh nhân trong các doanh nghiệp lớn và vừa lại cảm thấy các cơ hội kinh doanh tốt hơn so với các doanh nghiệp quy mô nhỏ và siêu nhỏ.

Hình 33: Động cơ khởi nghiệp của doanh nhân theo quy mô doanh nghiệp

Đơn vị: %

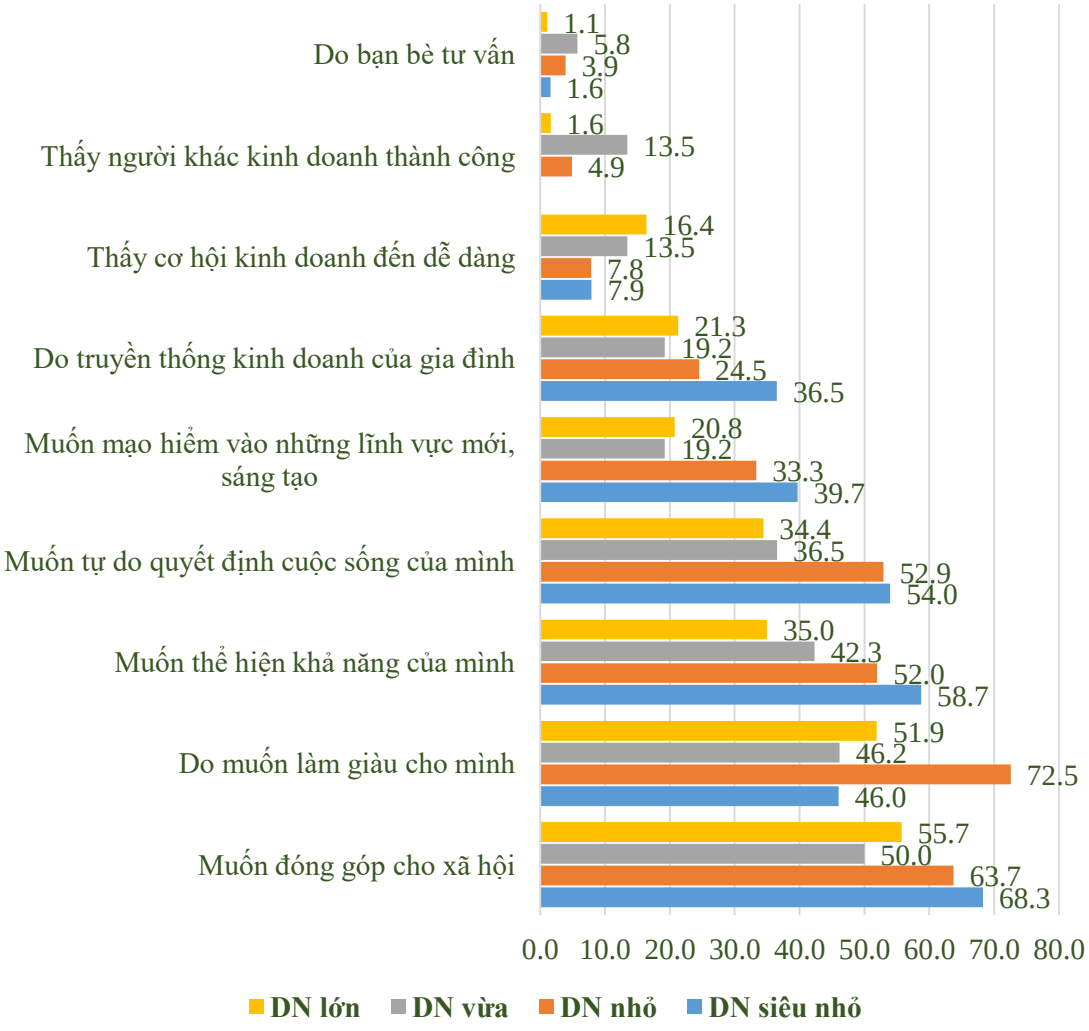

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

3.3. Trình độ của doanh nhân

3.3.1. Trình độ học vấn của doanh nhân

Nhìn chung, trình độ học vấn của doanh nhân khá cao, khi mà có đến 80% doanh nhân có trình độ đại học, 12% doanh nhân có trình độ thạc sỹ hoặc tiến sỹ. Như vậy chỉ có khoảng 8% doanh nhân có trình độ dưới đại học, trong đó chủ yếu là trình độ trung cấp, cao đẳng (chiếm 5,1%), trình độ phổ thông trung học 2%, chỉ có 0,3% doanh nhân chưa tốt nghiệm PTTH và 0,8% doanh nhân có trình độ khác.

Hình 34: Trình độ học vấn của doanh nhân

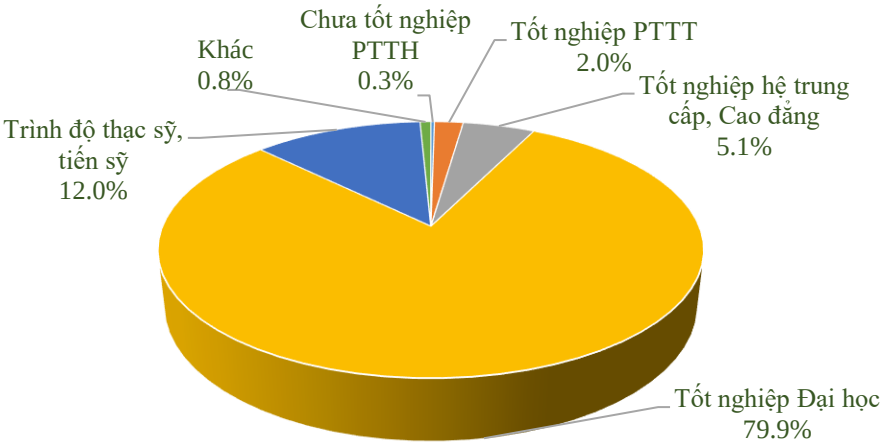

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Nhìn chung, trình độ doanh nhân trong các DN FDI có cao hơn một chút so với các doanh nhân trong các doanh nghiệp khu vực tư nhân, khi mà có đến 96,5% người có trình độ từ đại học trở lên, so với mức 90% của doanh nghiệp tư nhân.

Hình 35: Trình độ học vấn của doanh nhân theo hình thức sở hữu

Đơn vị: %

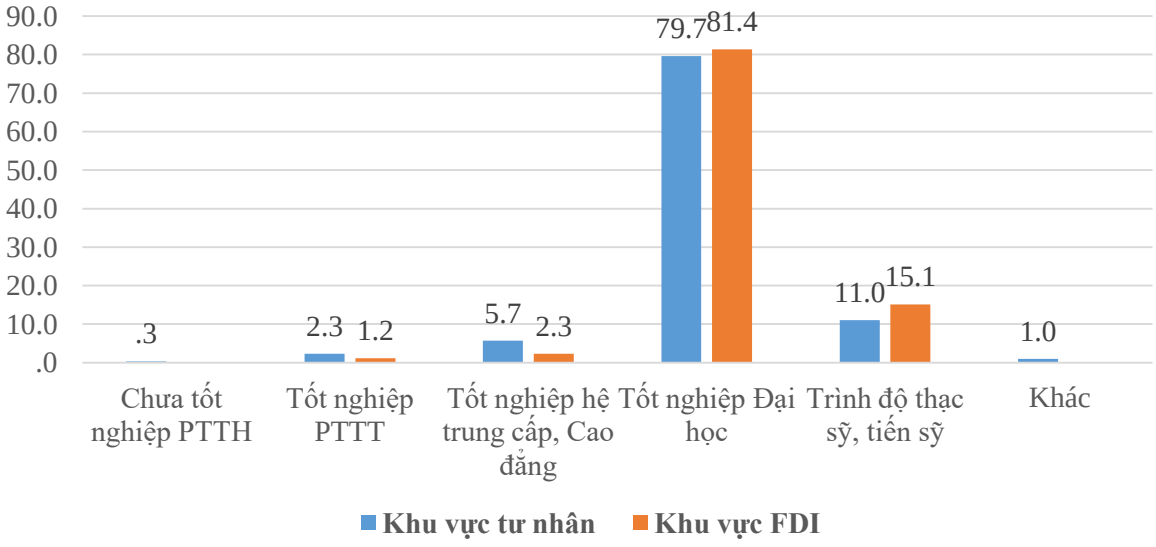

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Xét theo quy mô doanh nghiệp, không có sự khác biệt rõ rệt về trình độ của doanh nhân ở các quy mô khác nhau. Tỷ lệ doanh nhân có trình độ cao học ở các doanh nghiệp lớn là nhiều nhất, nhưng tỷ lệ doanh nhân có trình độ đại học lại cao nhất ở các doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ, còn tỷ lệ doanh nhân có trình độ cao đẳngm trung cấp nghề lại cao nhất ở các doanh nghiệp quy mô vừa.

Hình 36: Trình độ học vấn của doanh nhân theo quy mô doanh nghiệp

Đơn vị: %

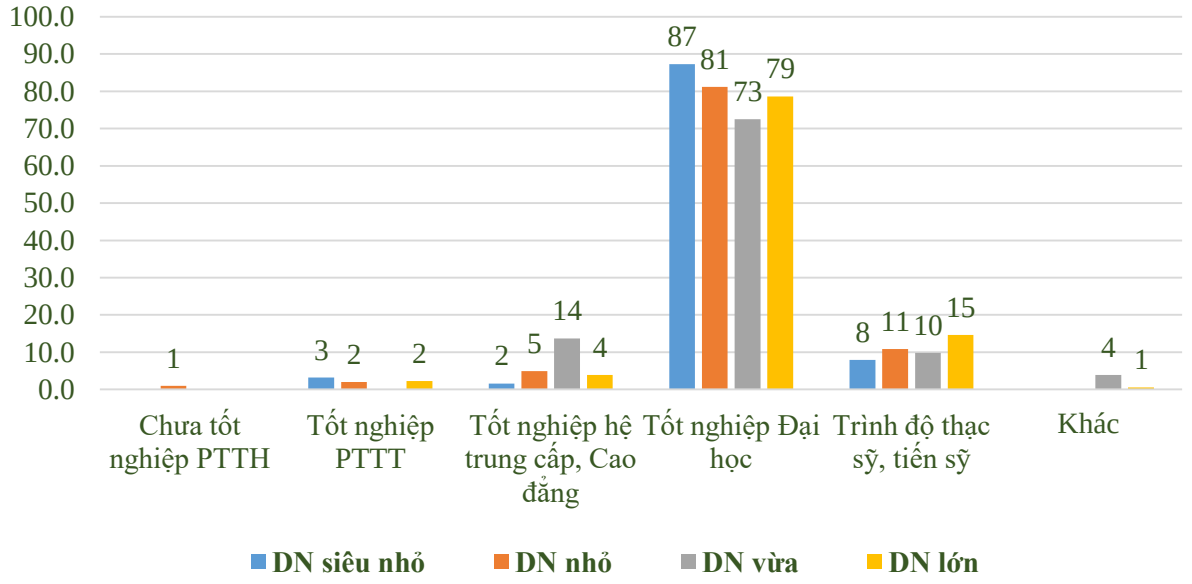

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

3.3.2. Trình độ ngoại ngữ của doanh nhân

Tiếng Anh là ngoại ngữ thông dụng nhất trong kinh doanh quốc tế. Khảo sát năm 2010 cho kết quả là có 62,9% số doanh nhân được điều tra biết tiếng Anh. Tuy nhiên, tỷ lệ thông thạo một ngoại ngữ của các doanh nhân không cao. Tiếng Anh được nhiều người biết, song tỷ lệ số người có thể đàm phán hợp đồng chỉ là 7,54%; tỷ lệ số người "viết, nghe, nói thông thạo" chỉ đạt 12,66%.

Đến năm 2020, cùng với sự hội nhập mạnh mẽ của nền kinh tế, trình độ ngoại ngữ tiếng anh của các doanh nhân đã có cải thiện, khi mà chỉ còn 10% doanh nhân không biết tiếng anh. Trong khi đó, có đến 63,2% doanh nhân có thể giao tiếp bằng tiếng anh, thậm chí có đến 9,6% doanh nhân cí thể đàm phán hợp đồng bằng tiếng anh và 17,3% doanh nhân có thể sử dụng thành thạo cả ba kỹ năng là nghe nói đọc viết. Tuy có cải thiện, nhưng có thể nói, việc chỉ có hơn ¼ doanh nhân có thể đàm pháp hợp động và thành thạo 3 kỹ năng vẫn còn thấp, điều này cho thấy vẫn cần phải đào tạo trang bị thêm thêm về năng lực ngoại ngữ cho đổi ngũ doanh nhân Việt Nam để có thể đủ hành trang trong bối cảnh hội nhập mạnh mẽ hiện nay.

Hình 37: Trình độ tiếng anh của doanh nhân

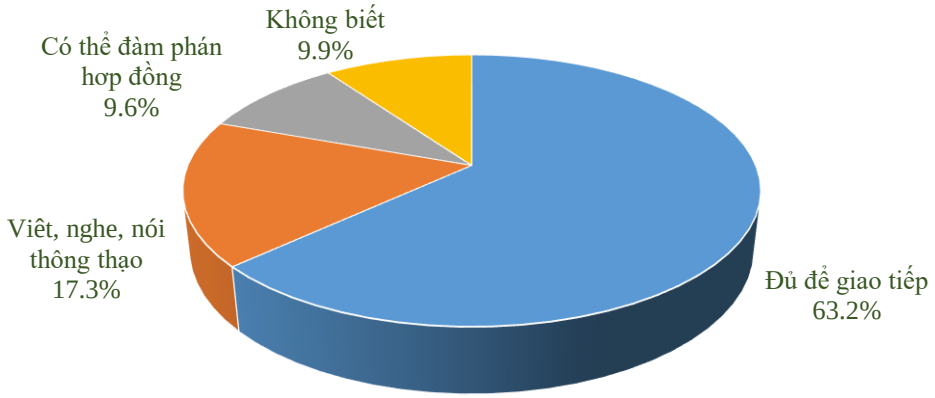

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Trình độ tiếng anh của các doanh nhân làm trong các DN FDI tốt hơn nhiều so với các doanh nhân làm trong khu vực tư nhân. Có đến gần 1/3 doanh nhân trong khu vực FDI có thể thành thạo 3 kỹ năng trong ngoại ngữ tiếng anh và gần 1/5 doanh nhân trong các doanh nghiệp FDI có thể đàm phán hợp đồng bằng tiếng anh, trong khi tỷ lệ này trong các doanh nghiệp khu vực tư nhân tương ứng là 13,1% và 6,5%. Điều này cho thấy dường như sử dụng tốt tiếng anh là một trong các điều kiện đối với các doanh nhân làm trong các doanh nghiệp FDI, vốn thường xuyên phải tiếp xúc với các đối tác nước ngoài.

Hình 38: Trình độ tiếng anh của doanh nhân theo hình thức sở hữu

Đơn vị: %

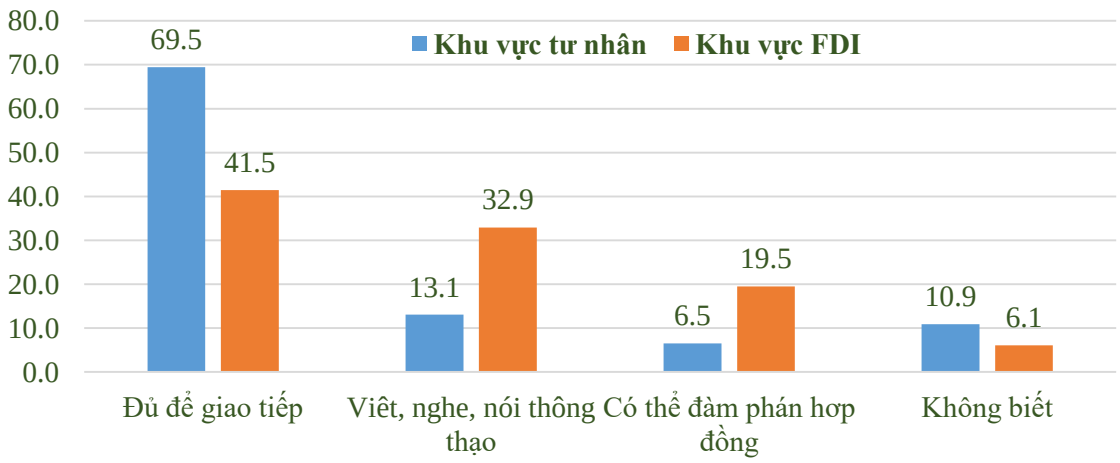

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Theo quy mô doanh nghiệp, nhìn chung doanh nhân ở các doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ có trình độ tiếng anh kém nhất, khi mà có tới gần 82% doanh nhân chỉ có đủ trình độ để giao tiếp cơ bản, chỉ có 6,7% doanh nhân có thể sử dụng thành

thạo 3 kỹ năng và chưa đầy 2% doanh nhân có thể đàm phán được hợp đồng bằng tiếng anh. Điều này một phần là do môi trường làm việc của họ có thể ít cần sử dụng tiếng anh khi tiếp xúc chủ yếu với khách hàng và đối tác trong nước. Chiều ngược lại, các doanh nhân trong các doanh nghiệp vừa và lớn lại có trình độ tiếng anh cao hơn, nhất là các doanh nghiệp lớn.

Hình 39: Trình độ tiếng anh của doanh nhân theo quy mô doanh nghiệp

Đơn vị: %

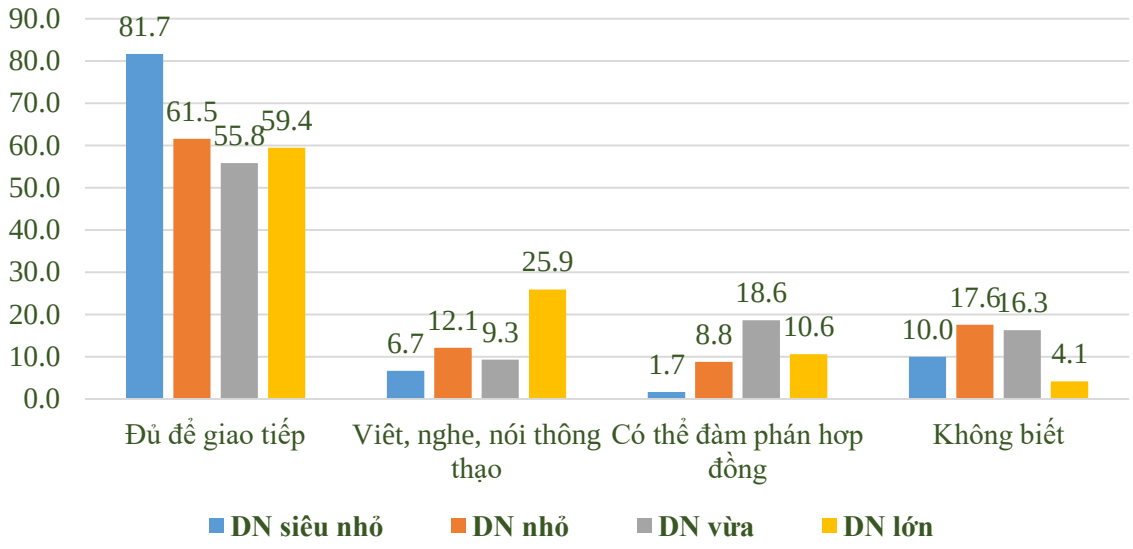

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

3.3.3. Thực trạng về bổ túc kiến thức/chuyên môn của doanh nhân

Ngày nay, việc thường xuyên học hỏi để trang bị kiến thức là cần thiết, nhất là đối với doanh nhân khi vòng đời của công nghệ, sản phẩm ngày càng rút ngắn lại. Trong số các kênh tiếp nhận kiến thức, đa số các doanh nhân thường xuyên lựa chọn việc tự đọc sách báo với tỷ lệ lên đến gần 60%, tiếp đến là thông qua các hội nghị, hội thảo được gần 1/3 doanh nhân thường xuyên lựa chọn.

Các hình thức học tập thông qua việc theo học các khóa ngắn ngày về kiến thức kinh doanh hay thuê chuyên gia tư vấn được khoảng ¼ số doanh nhân tham gia khảo sát lựa chọn. Riêng về các khóa đào tạo ngắn ngày về kỹ thuật, tay nghề đạt tỷ lệ thấp nhất, chỉ được gần 16% doanh nhân thường xuyên tham gia, điều này cũng hợp lý vì các khóa này thiên về đào tạo kỹ thuật nên ít nhận được sự quan tâm hơn của các doanh nhân, vốn thường xuyên là chủ hoặc lãnh đạo cấp cao của doanh

nghiệp, họ phải lo nhiều đến vấn đề quản lý và chiến lược, nên cần các kiến thức kinh doanh, quản trị chiến lược.

Nhìn chung, nếu so với kết quả khảo sát được thực hiện năm 2010, tỷ lệ doanh nhân thường xuyên tham gia các hình thức đào tạo để bổ túc kiến thức chuyên môn vẫn khá tương đồng.

Hình 40: Thực trạng về bổ túc kiến thức/chuyên môn của doanh nhân

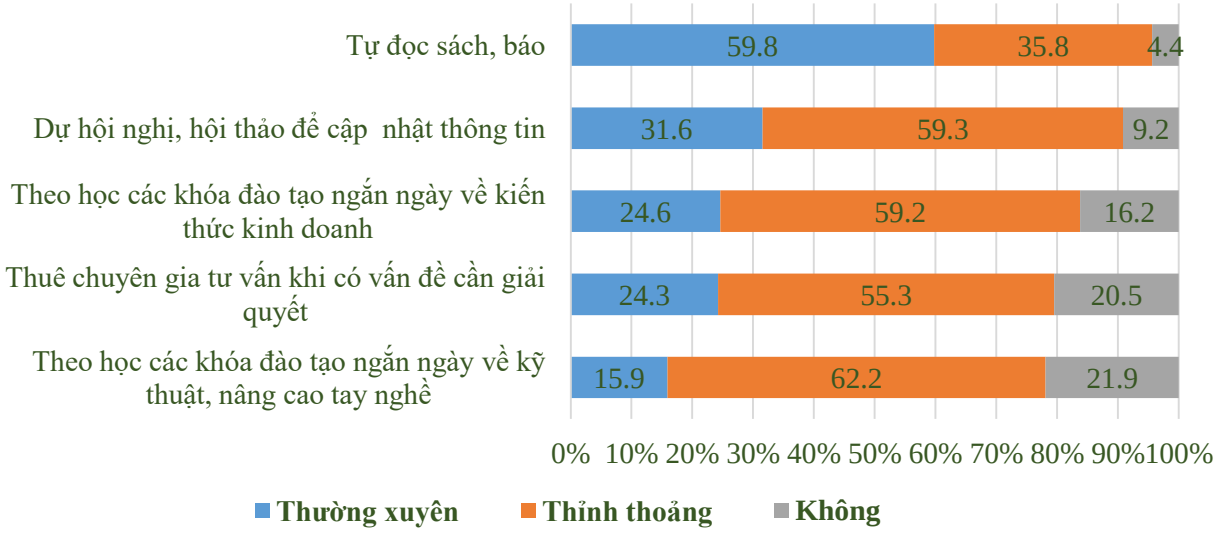

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Xét theo khu vực doanh nghiệp, dù các doanh nhân trong hai khu vực đều thường xuyên tự đọc sách báo để bổ tục kiến thực/chuyên môn, tuy nhiên các doanh nhân trong các doanh nghiệp FDI có vẻ thường xuyên sử dụng hình thức này và hình thức chuyên gia hơn các doanh nhân trong khu vực tư nhân. Chiều ngược lại, các doanh nhân khu vực tư nhân lại thường xuyên tham gia các khóa đạo tạo ngắn ngày và các hội nghị, hội thảo hơn.

Xét theo quy mô doanh nghiệp, các doanh nhân trong các doanh nghiệp siêu nhỏ có vẻ thường xuyên sử dụng các hình thức để trang bị kiến thức chuyên môn nhất. Điều này cũng hợp lý khi trình độ của các doanh nhân này thường thấp nhất nên họ ý thức được việc cần trang bị thêm kiến thức chuyên môn. Do vậy, các chương trình đào tạo, hỗ trợ năng lực cho các doanh nhân cần tập trung nhiều hơn vào nhóm các lãnh đạo các doanh nghiệp quy mô nhỏ và nhất là siêu nhỏ, thậm chí là các hộ kinh doanh để giúp trang bị kiến thức cho họ.

Hình 41: Thực trạng về bổ túc kiến thức/chuyên môn thường xuyên của doanh nhân theo hình thức sở hữu

Đơn vị: %

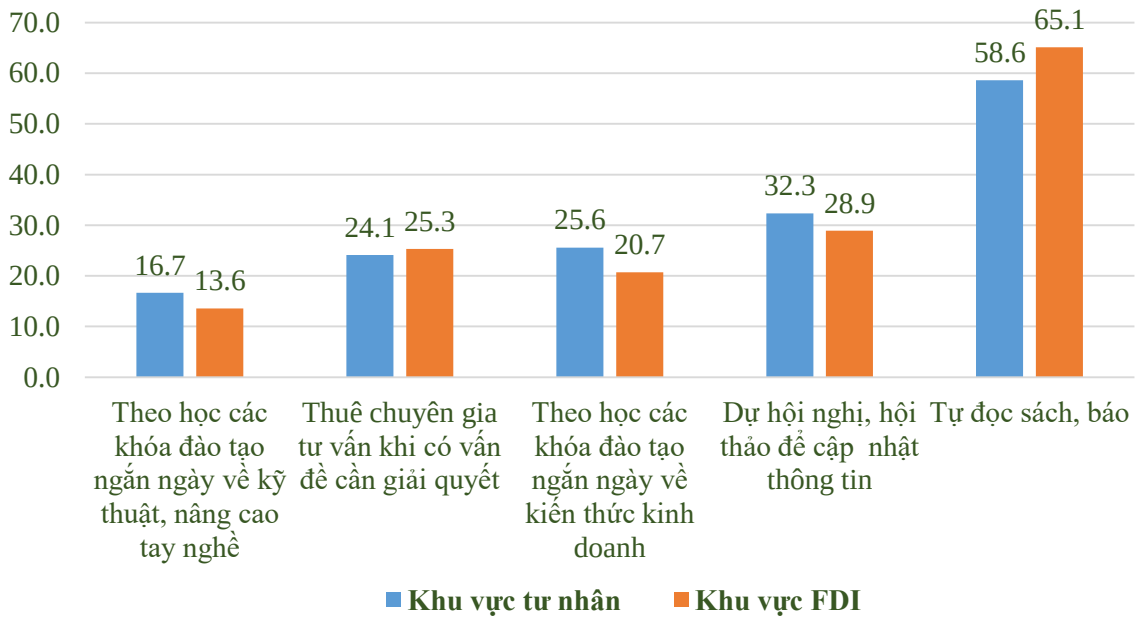

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Hình 42: Thực trạng về bổ túc kiến thức/chuyên môn thường xuyên của doanh nhân theo hình thức sở hữu

Đơn vị: %

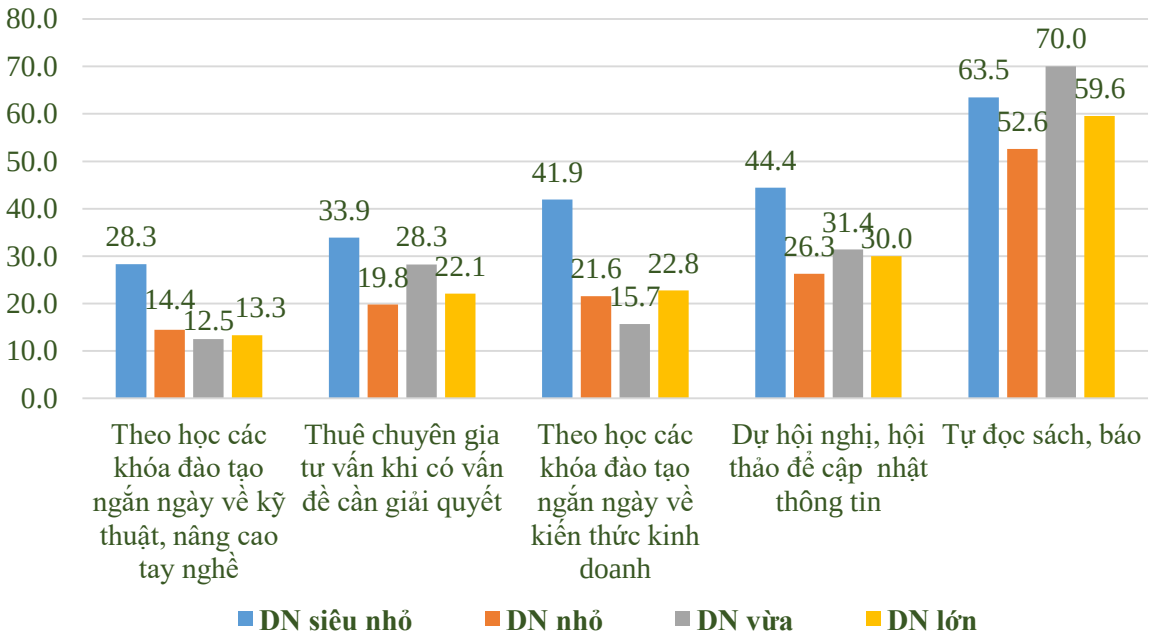

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

3.4. Vai trò của doanh nhân trong phát triển kinh tế - xã hội

Dựa trên kết quả khảo sát năm 2010, nghiên cứu này đã chọn ra 8 giả thuyết về vai trò của doanh nhân có điểm cao nhất để đánh giá. Kết quả cho thấy nhận thức về vai trò của doanh nhân cũng đã có sự thay đổi sau 10 năm.

Vai trò tạo công ăn việc làm cho xã hội được các doanh nhân đánh giá cao nhất trong năm 2020, tăng so với vị trí thứ 2 của năm 2010. Điều này cũng có thể hiểu được nhất là trong bối cảnh tác động của đại dịch Covid-19, khi mà vấn đề giải quyết công ăn việc làm đang được cả xã hội quan tâm trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp kinh doanh, thậm chí là đóng cửa.

Vai trò quan trọng thứ 2 được các doanh nhân chỉ ra là thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế, tăng một bậc so với năm 2010. Với việc Việt Nam đã ký kết các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP hay kết thúc đàm phán UKVFTA thì vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế được các doanh nhân coi trọng cũng là điều phù hợp, vì chính các doanh nghiệp, doanh nhân sẽ là những cá nhân/tổ chức triển khai thực hiện các thỏa thuận hợp tác này.

Bảng 1: Vai trò doanh nhân trong phát triển kinh tế - xã hội

Đơn vị: Thang điểm từ 1-5

Vai trò doanh nhân	2010		2020	
	Điểm trung bình	Thứ hạng	Điểm trung bình	Thứ hạng
Là động lực thúc đẩy kinh tế tăng trưởng	4,1	1	3,69	4
Tạo công ăn việc làm cho XH	4,1	2	3,90	1
Thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế	3,9	3	3,79	2
Là lực lượng xung kích, tiên phong trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.	3,8	4	3,67	5
Là lực lượng sáng tạo và phát triển mô hình KD mới - mô hình DN ở nước ta.	3,7	5	3,72	3
Xoá đói giảm nghèo	3,4	6	3,60	6
Tham gia kiến nghị với Đảng & nhà nước trong việc xây dựng, hoạch định chính sách.	3,2	7	3,37	8
Giải quyết các vấn đề xã hội	3,2	8	3,52	7

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI, Đề án doanh nhân

Tương tự như vậy, trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, xu hướng đổi mới sáng tạo đang diễn ra mạnh mẽ và chính các doanh nghiệp/doanh nhân là chủ nhân của các sáng kiến đổi mới, các ý tưởng về các mô hình kinh doanh mới, do vậy vai trò của doanh nhân trong lĩnh vực này cũng được đánh giá cao, xếp thứ 3, tăng 2 bậc so với năm 2010.

Hình 43: Đánh giá về vai trò của doanh nhân trong phát triển KT-XH

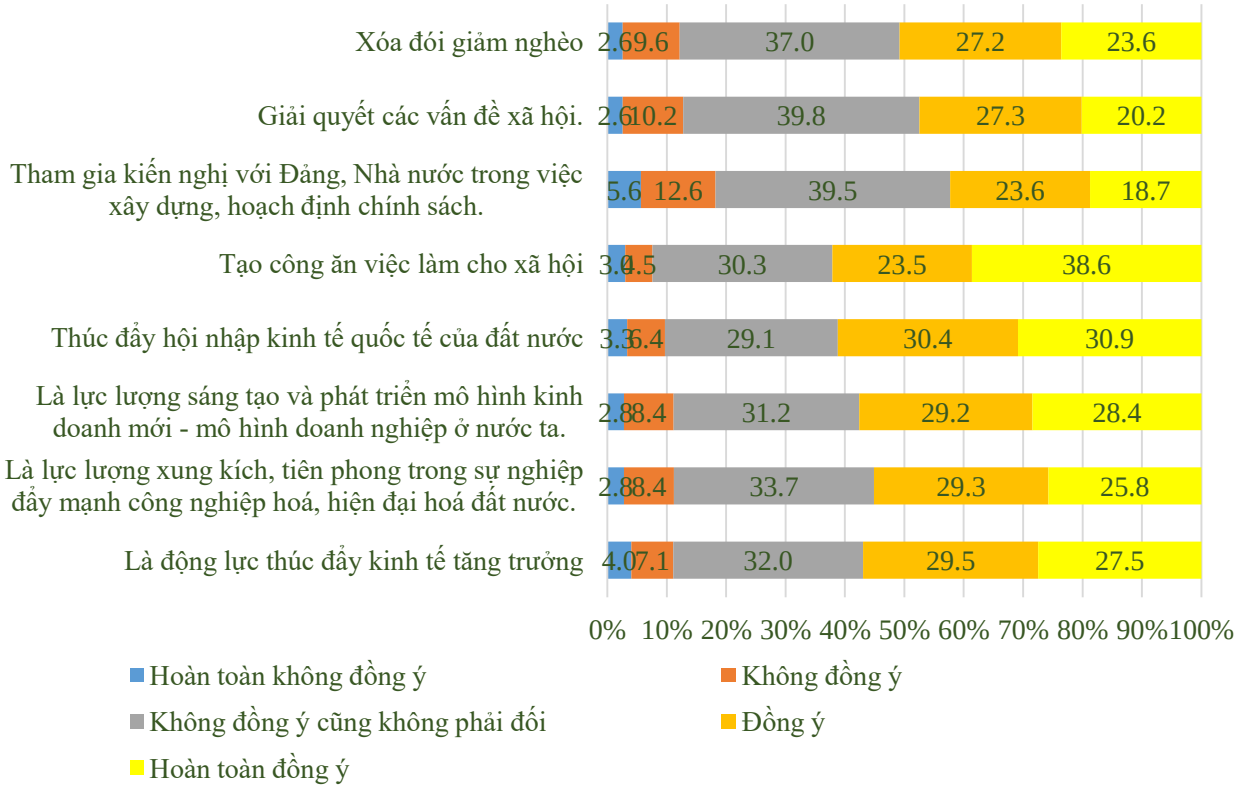

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Bên cạnh sự thăng hạng về một số vai trò của doanh nhân, thứ hạng của những vai trò khác cũng giảm đi, trong đó giảm mạnh nhất là vai trò động lực thúc đẩy kinh tế tăng trưởng (từ vị trí số 1 xuống số 4). Sự giảm vị trí này không hẳn là vai trò thực tế của doanh nhân trong động lực tăng trưởng kinh tế giảm đi, mà thực chất là nhận thức về vai trò này đã được thừa nhận rộng rãi từ các nghị quyết của Đảng, đến các chính sách của Nhà nước đều đã ghi nhận vai trò này. Chính vì vậy mà các doanh nhân coi đây là một điều hiển nhiên, giống như vai trò là lực lượng xung kích, tiên phong trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

Một điểm lưu ý khác nữa là điểm số bình quân về vai trò của doanh nhân đã đồng đều hơn so với kết quả khảo sát của năm 2010, cho thấy mức ảnh hưởng toàn diện hơn của doanh nhân trong phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta trong những năm gần đây.

Xét theo khu vực doanh nghiệp, có vẻ như các doanh nhân trong doanh nghiệp khu vực tư nhân thường có đánh giá cao hơn về vai trò của mình so với các doanh nhân trong khu vực FDI trên tất cả các khía cạnh. Điểm bình quân của theo đánh giá của các doanh nhân khu vực tư nhân đều cao hơn so với các doanh nhân khu vực FDI, nằm trong khoảng từ 3,6 đến 4 điểm. Điều này cho thấy các doanh nhân làm việc trong các doanh nghiệp trong nước vẫn thường có tinh thần cống hiến cho đất nước cao hơn và mong muốn được đóng góp cho đất nước nhiều hơn.

Hình 44: Đánh giá về vai trò của doanh nhân trong phát triển KT-XH theo hình thức sở hữu

Đơn vị: Thang điểm từ 1-5

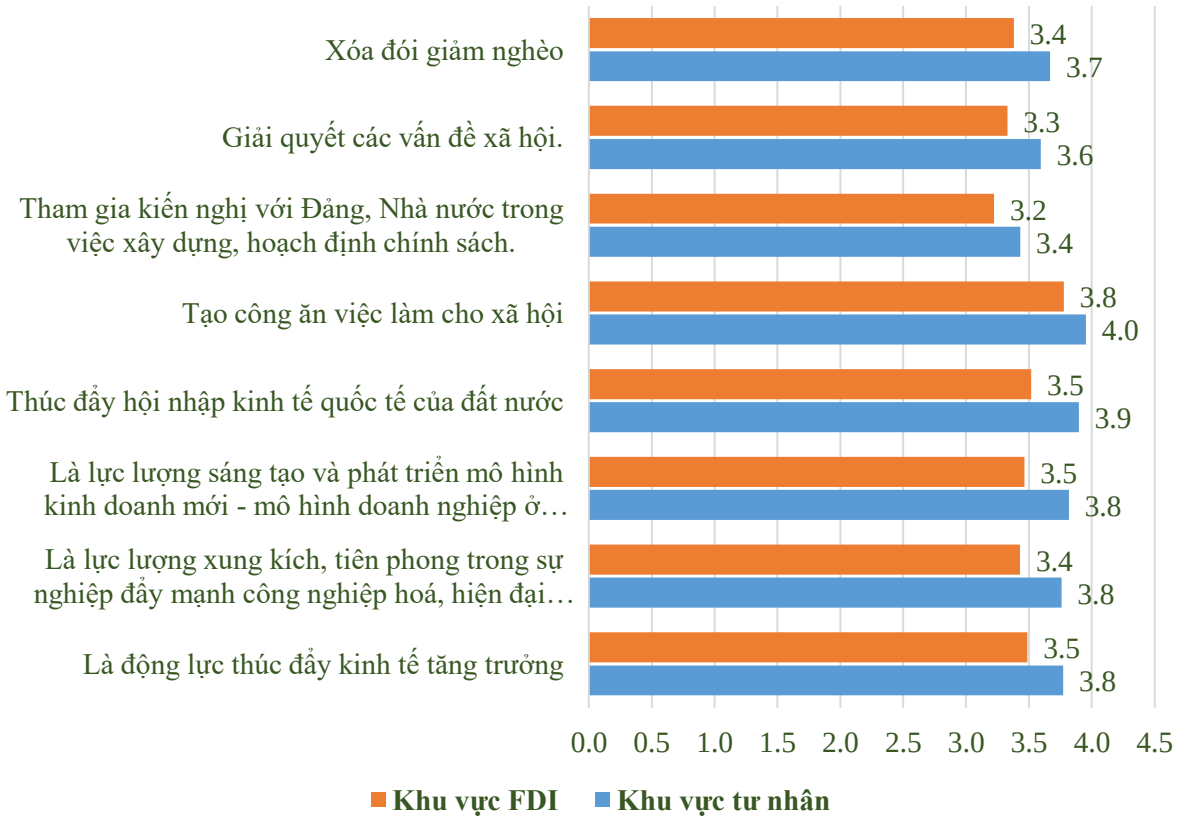

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Xét theo quy mô doanh nghiệp, doanh nhân trong các doanh nghiệp siêu nhỏ thường có các đánh giá cao hơn về vai trò của doanh nhân trong phát triển KT-XH so với các doanh nhân trong các doanh nghiệp quy mô khác. Trái lại, các doanh nhân làm trong các doanh nghiệp quy mô lớn lại thường có các đánh giá về vai trò của mình trong xã hội thấp nhất. Dường như trong môi trường làm việc của các doanh nhân siêu nhỏ, giống như trong gia đình, nên người chủ/lãnh đạo doanh nghiệp có sự quan tâm và cảm thấy vai trò của mình trong đóng góp cho xã hội nhiều hơn so với các doanh nhân khác.

Hình 45: Đánh giá về vai trò của doanh nhân trong phát triển KT-XH theo quy mô doanh nghiệp

Đơn vị: Thang điểm từ 1-5

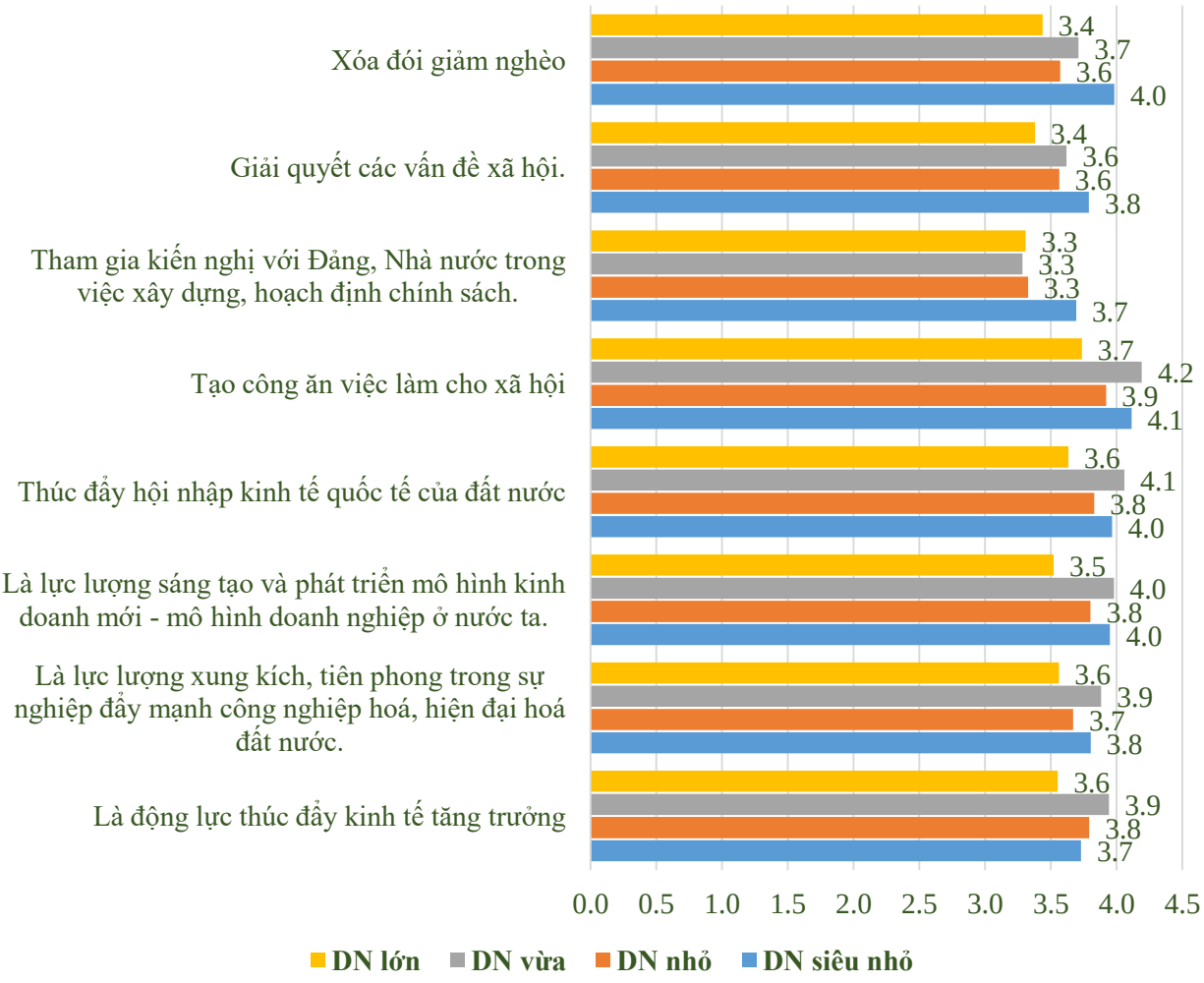

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

3.5. Hạn chế của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong kinh doanh

Năm 2010, các doanh nhân đã chỉ ra 12 hạn chế chính của đội ngũ doanh nhân Việt Nam thời kỳ đó, trong đó hạn chế lớn nhất là thiếu tính chuyên nghiệp. Tuy nhiên sau 10 năm, sự chuyên nghiệp của đội ngũ doanh nhân đã được cải thiện rất nhiều, hạn chế này chỉ còn được xếp thứ 11 trong số các hạn chế chính của đội ngũ doanh nhân.

Bảng 2: Một số hạn chế của đội ngũ doanh nhân trong kinh doanh

Đơn vị: Thang điểm từ 1-5

Hạn chế của doanh nhân	2010		2020	
	Điểm trung bình	Thứ hạng	Điểm trung bình	Thứ hạng
Thiếu tính chuyên nghiệp trong KD	3,3	1	2,98	11
Thiếu sự hợp tác/liên kết trong KD	3,3	2	3,10	2
Thiếu chiến lược KD/ thiếu tầm xa, bài bản trong KD	3,3	3	3,10	3
Ngoại ngữ kém	3,1	4	3,11	1
Không nhạy bén với thị trường	3,0	5	3,04	7
Chưa được đào tạo bài bản	3,0	6	3,09	4
Chưa chú ý đến nhiều đến quyền lợi người tiêu dùng	3,0	7	3,02	9
Chưa chú trọng chữ "tín" trong kinh doanh	3,0	8	2,99	10
Ít kinh nghiệm trong KD	2,9	9	2,90	12
Trách nhiệm với người LĐ chưa cao	2,9	10	3,04	8
KD dựa chủ yếu vào mối quan hệ của cá nhân với chính quyền	2,8	11	3,05	6
Ít sáng tạo, chủ yếu bắt trước các doanh nhân khác	2,8	12	3,07	5

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI, Đề án doanh nhân

Hạn chế được các doanh nhân chỉ ra nhiều nhất hiện nay chính là ngoại ngữ kém. Như đã phân tích ở trên, trong bối cảnh Việt Nam ngày càng mở cửa hội nhập sâu rộng với thế giới, yêu cầu về ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh, đã trở thành yêu cầu bắt buộc đối với đội ngũ doanh nhân. Tuy nhiên, việc vẫn còn khoảng 10% doanh nhân chưa biết nói tiếng anh, trong khi chưa đến 20% doanh nhân có khả năng sử

dụng thành thạo cả 3 kỹ năng và gưới 10% tự tin có thể đàm phán được hợp đồng cho thấy đây vẫn là điểm hạn chế nhất của doanh nhân trong bối cảnh hiện nay.

Bên cạnh đó, một số hạn chế cố hữu của đội ngũ doanh nhân trong 10 năm qua vẫn chưa được cải thiện, nhất là việc thiếu sự hợp tác/liên kết trong kinh doanh và thiếu chiến lược, thiếu tầm xa, bài bản trong kinh doanh. Đây là những hạn chế khiến các doanh nghiệp Việt Nam vẫn khó phát triển thành những tập đoàn lớn để vươn lên và tham gia sâu vào các chuỗi giá trị toàn cầu.

Hình 46: Đánh giá về hạn chế của doanh nhân

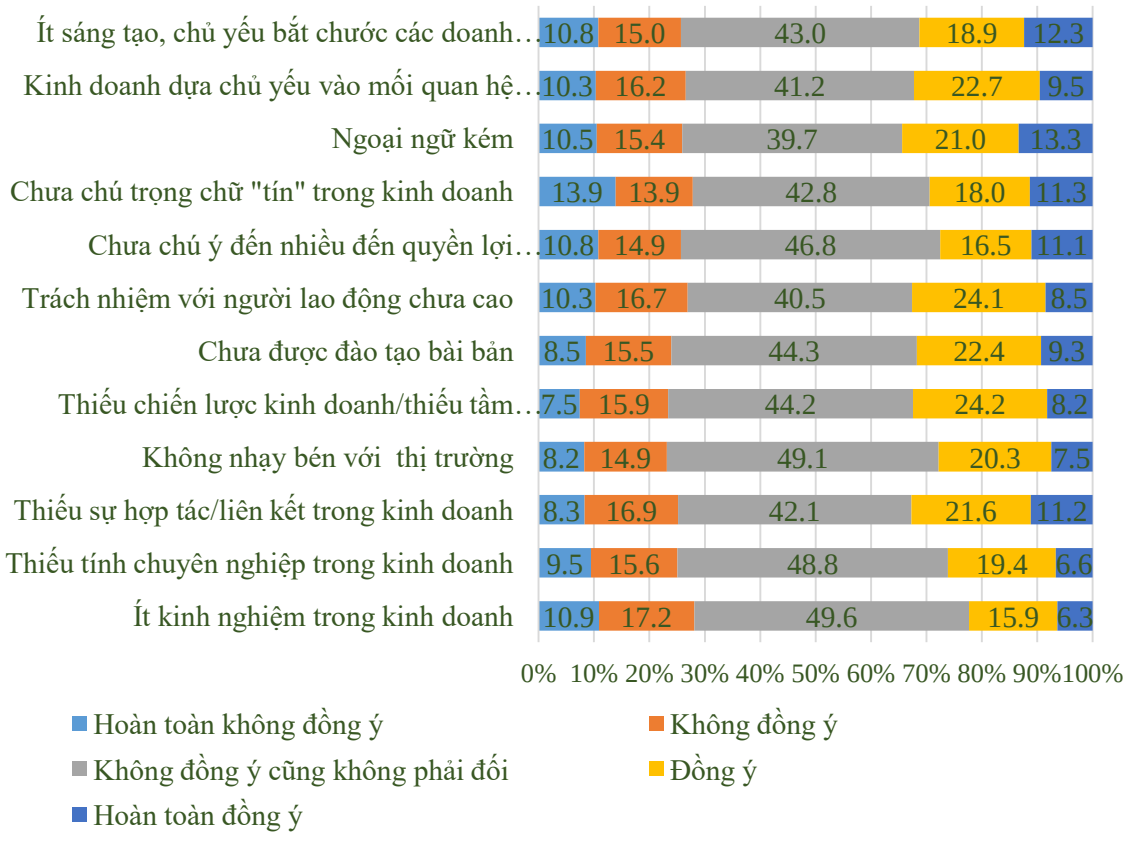

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Điều này đặt ra những giải pháp về đào tạo cho đội ngũ doanh nhân, ngoài vấn đề về ngoại ngữ, thì cần các kiến thức về chiến lược, tầm nhìn và sự cần thiết trong liên kết kinh doanh cho các doanh nhân Việt. Một điểm lưu ý nữa là điểm số trung bình của các hạn chế năm 2020 đã tập trung hơn so và giá trị cao nhất cũng thấp hơn với 2010, cho thấy các hạn chế của đội ngũ doanh nhân Việt Nam đã được giảm bớt và ít có sự khác biệt giữa các hạn chế này.

Xét theo khu vực doanh nghiệp, các doanh nhân trong khu vực tư nhân dường như tự đánh giá có nhiều hạn chế hơn các doanh nhân trong khu vực FDI, nhất là về tính sáng tạo, tầm nhìn/chiến lược kinh doanh, tính liên kết trong kinh doanh, tính chuyên nghiệp và kinh nghiệm. Ngược lại, các doanh nhân trong khu vực FDI lại cảm thấy hạn chế hơn về trách nhiệm với người lao động và mối quan hệ với chính quyền hơn so với các doanh nhân trong khu vực tư nhân trong nước.

Hình 47: Đánh giá về hạn chế của doanh nhân theo hình thức sở hữu

Đơn vị: Thang điểm từ 1-5

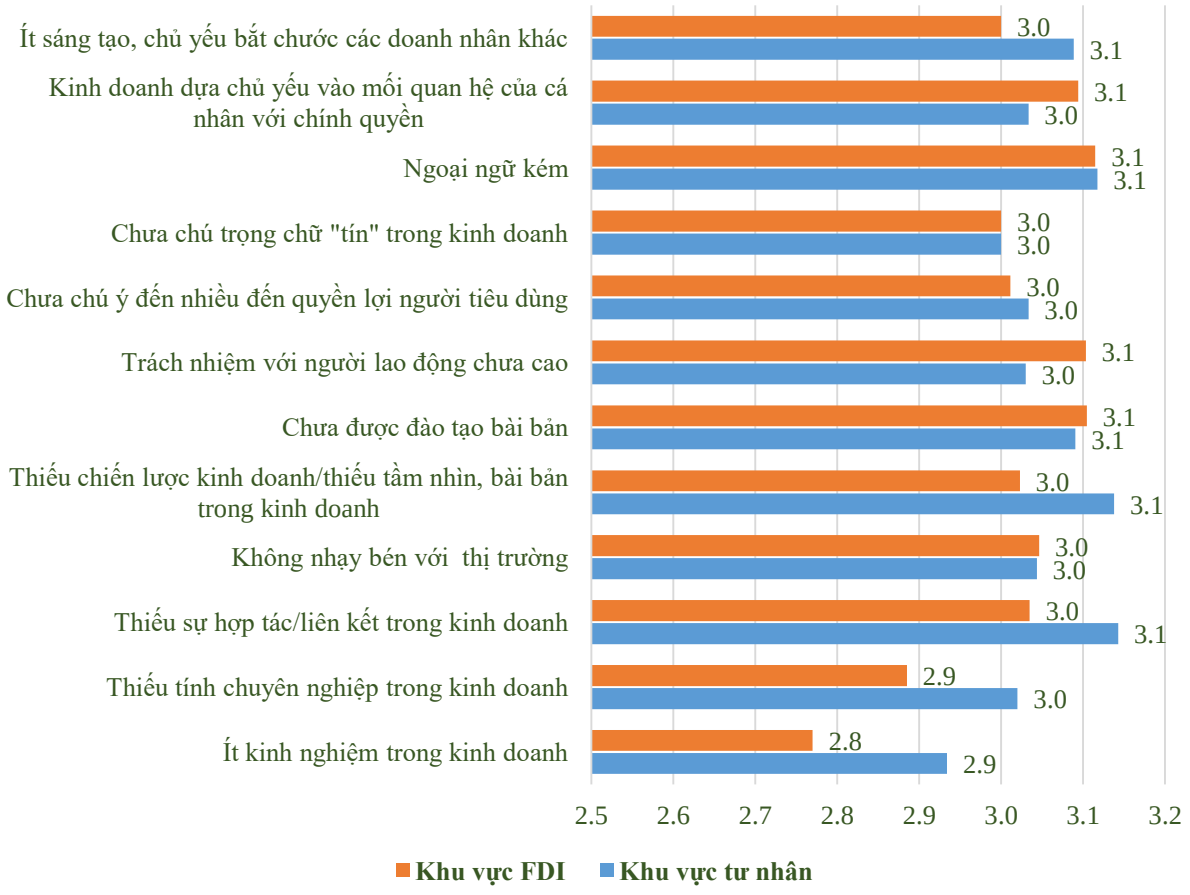

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Doanh nhân trong các doanh nghiệp siêu nhỏ cảm thấy rõ sự hạn chế hơn nhiều so với các doanh nhân trong các doanh nghiệp quy mô lớn hơn ở tất cả các chỉ số. Điều này một lần nữa cho thấy sự cần thiết phải hỗ trợ nâng cao năng lực cho các doanh nhân trong doanh nghiệp siêu nhỏ, nhất là các hộ kinh doanh.

Hình 48: Đánh giá về hạn chế của doanh nhân theo quy mô doanh nghiệp

Đơn vị: Thang điểm từ 1-5

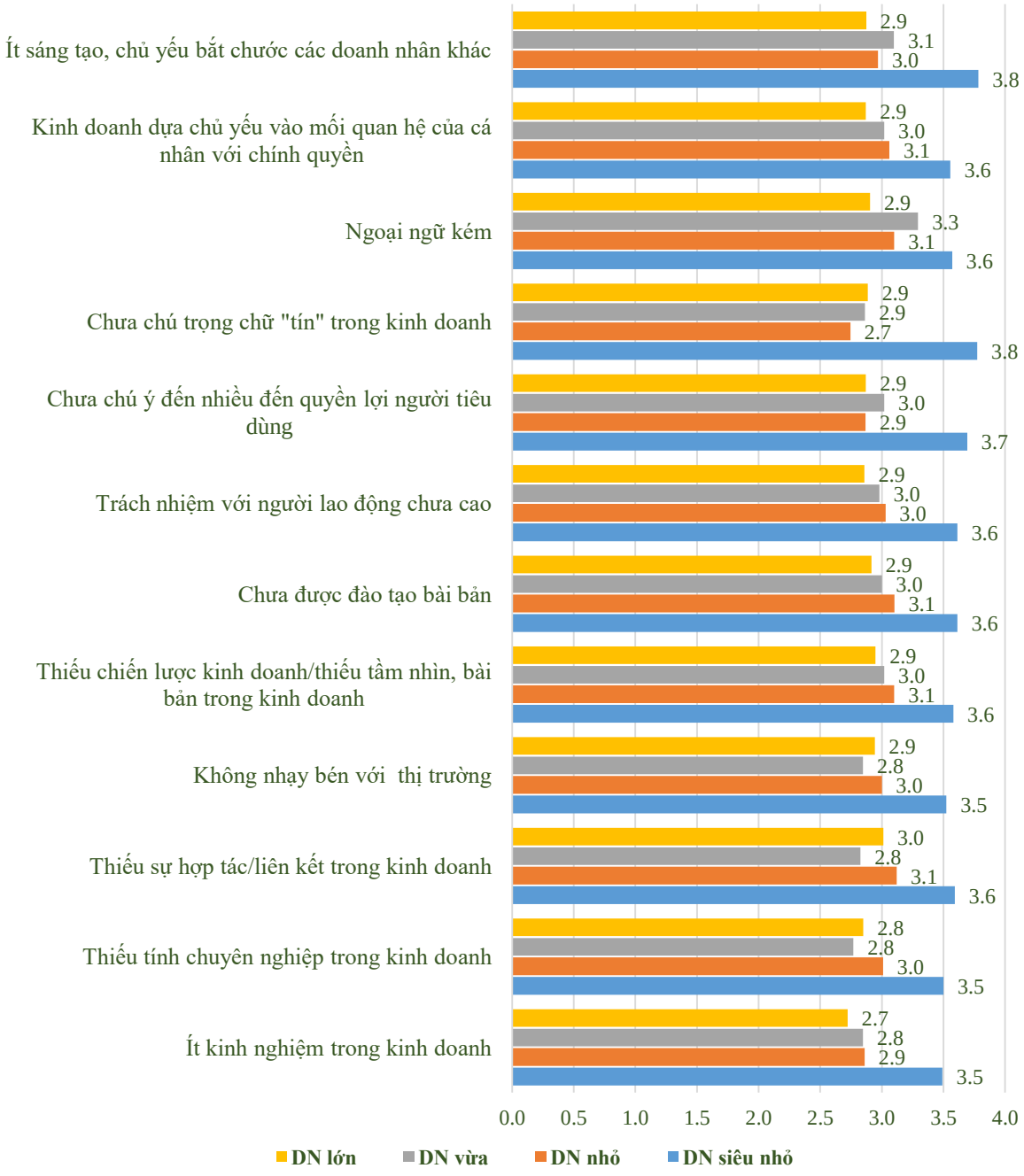

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

3.6. Kiến thức, kỹ năng của đội ngũ doanh nhân Việt Nam

Sau 10 năm, các kiến thức, kỹ năng của đội ngũ doanh nhân Việt Nam đã được cải thiện rõ rệt, thể hiện ở tất cả các điểm số trung bình đã tăng mạnh so với năm 2010, trong đó đáng chú ý nhất là các kiến thức về chuyển đổi số. Rõ ràng, với sự phát triển như vũ bão của cuộc CMCN 4.0, chuyển đổi số đã trở thành xu hướng

bắt buộc của các doanh nghiệp trong những năm gần đây, chính vì vậy mà các doanh nhân – những người lãnh đạo doanh nghiệp, cũng phải cập nhật trang bị các kiến thức này. Tuy vậy, vì là những kiến thức mới, nên so với các kiến thức khác, chuyển đổi số vẫn xếp ở vị trí cuối cùng, giống so với với năm 2010. Cũng không thay đổi vị trí so với năm 2010 nhưng là vị trí số 1 về kiến thức là các kiến thức cơ bản trong kinh doanh.

Bảng 3: Đánh giá về các kiến thức, kỹ năng của đội ngũ doanh nhân

Đơn vị: Thang điểm từ 1-5

Kiến thức, kỹ năng của doanh nhân	2010		2020	
	Điểm trung bình	Thứ hạng	Điểm trung bình	Thứ hạng
Kiến thức cơ bản trong KD	3.0	1	3.46	1
Kỹ năng lãnh đạo	3.0	2	3.44	4
Kiến thức về kỹ thuật, công nghệ ứng dụng trong DN	2,9	3	3.40	5
Kiến thức quản trị công ty	2,9	4	3.45	2
Kiến thức về pháp luật	2,9	5	3.27	7
Kỹ năng đàm phán	2,9	6	3.44	3
Kiến thức về chuỗi cung ứng / chuỗi giá trị	2,5	7	3.33	6
Kiến thức về chuyển đổi số	0,1	8	3.21	8

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI, Đề án doanh nhân

Một số kiến thức, kỹ năng của doanh nhân không chỉ tăng điểm và còn được thăng hạng so với năm 2010, cho thấy đây là các kiến thức kỹ năng được doanh nhân quan tâm và đầu tư nhiều hơn, nhất là trong bối cảnh hội nhập quốc tế, các doanh nghiệp ngày càng tham gia vào mạng sản xuất, chuỗi giá trị toàn cầu, cụ thể như: Kiến thức quản trị công ty, Kỹ năng đàm phán, Kiến thức về chuỗi cung ứng/chuỗi giá trị.

Bên cạnh đó, một số kiến thức dù vẫn tăng điểm nhưng bị tụt hạng như: Kỹ năng lãnh đạo, Kiến thức về kỹ thuật, công nghệ, Kiến thức về pháp luật. Điều này cho thấy các doanh nhân vẫn tiếp tục trang bị thêm các kiến thức về những vấn đề này nhưng sự trạng bị không được nhiều như các kiến thức khác.

Hình 49: Đánh giá về các kiến thức, kỹ năng của doanh nhân

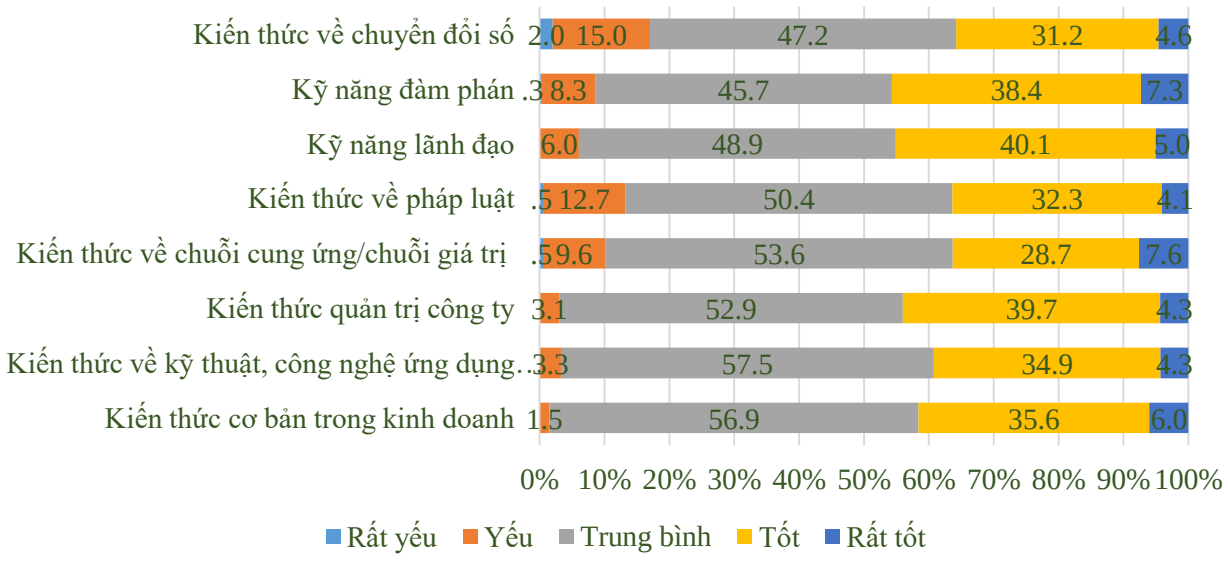

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Đáng ngạc nhiên là các doanh nhân ở khu vực tư nhân lại đánh giá về các kiến thức, kỹ năng cao hơn các doanh nhân ở khu vực FDI. Điều này có thể một phần do các doanh nhân khu vực FDI được đòi hỏi cao hơn, nên yêu cầu cao hơn về các kiến thức kỹ năng này.

Hình 50: Đánh giá về các kiến thức, kỹ năng của doanh nhân theo hình thức sở hữu

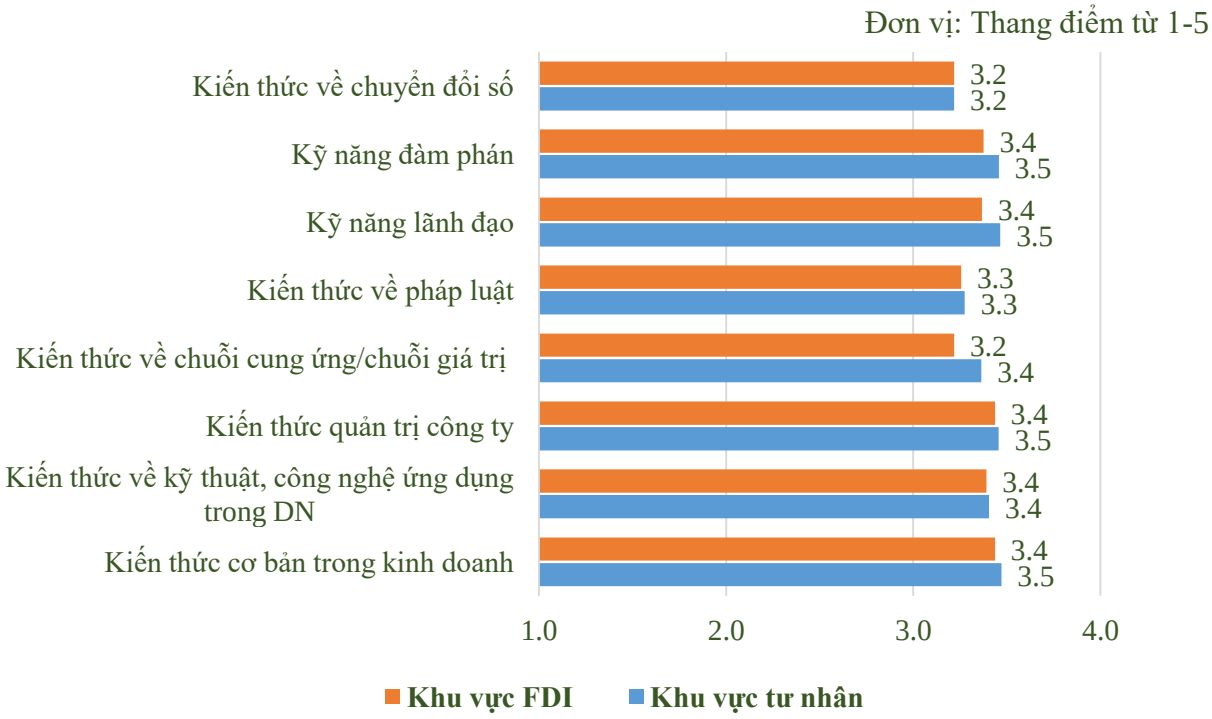

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Tương tự, việc các doanh nhân trong các doanh nghiệp siêu nhỏ đánh giá cao hơn về các kiến thức, kỹ năng của mình so với các doanh nhân trong các doanh nghiệp quy mô lớn hơn cũng có thể do họ phải đảm nhiệm nhiều vị trí trong DN nên tự trang bị thêm cho mình nhiều kiến thức kỹ năng cần thiết trong kinh doanh. Còn lại các doanh nhân trong các doanh nghiệp quy mô lớn hơn, thường được đánh giá cao hơn về các kiến thức, kỹ năng liên quan đến chuyển đổi số, quản trị công ty hay kiến thức về pháp luật.

Hình 51: Đánh giá về các kiến thức, kỹ năng của doanh nhân theo quy mô doanh nghiệp

Đơn vị: Thang điểm từ 1-5

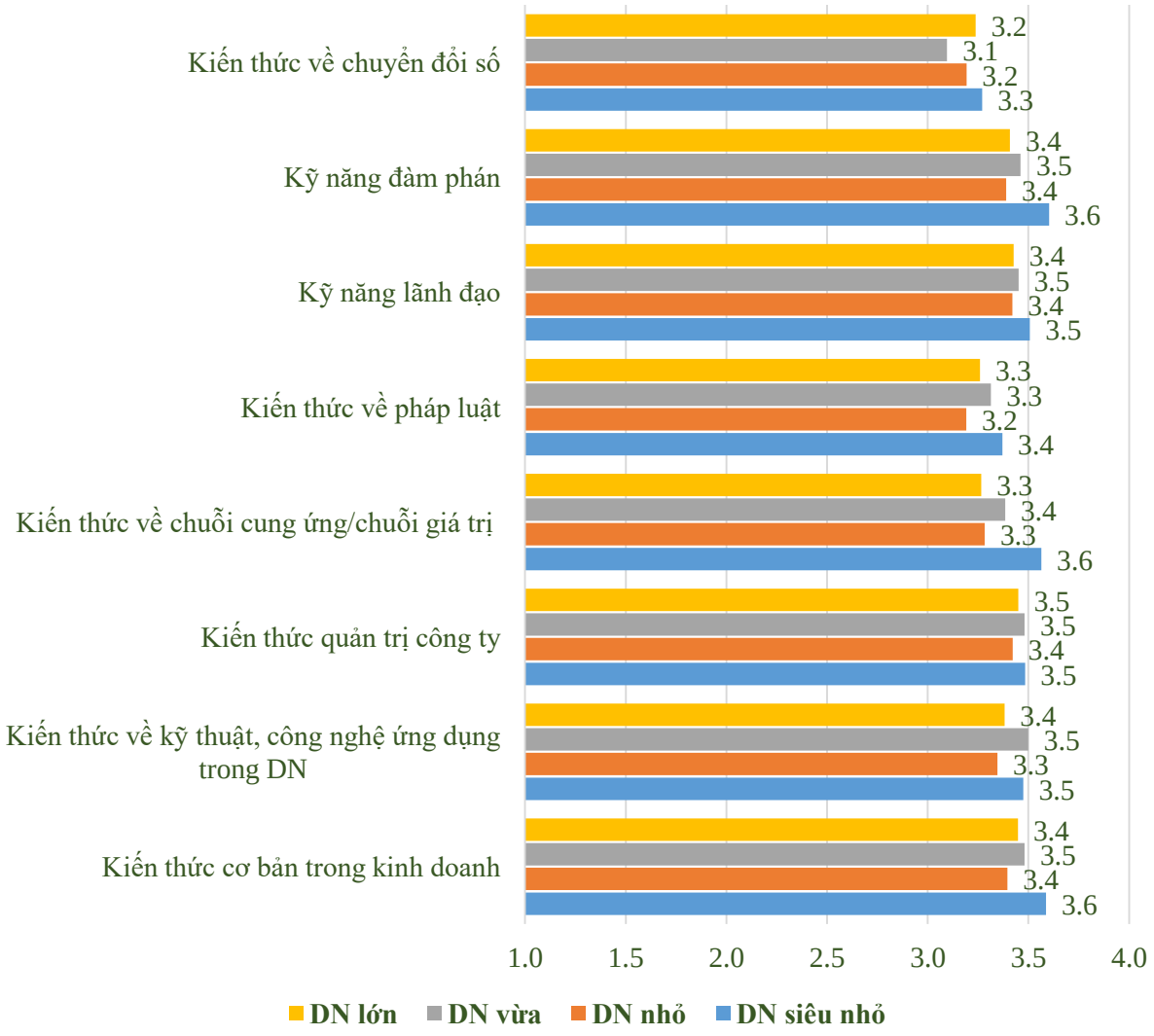

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

3.7. Đánh giá năng lực hội nhập quốc tế của doanh nhân Việt Nam

Tương tự như các kiến thức, kỹ năng chung của doanh nghiệp, năng lực hội nhập quốc tế của doanh nhân cũng đã được cải thiện rõ rệt sau 10 năm. Nếu năm 2010 không có chỉ số nào phản ánh năng lực hội nhập đạt mức trung bình (3 điểm), và thậm chí có một số chỉ số còn được xem là yếu (dưới 2,5 điểm), thì năm 2020 tất cả các chỉ số đều tăng điểm, trong đó có 5 chỉ số có trên mức điểm trung bình và các chỉ số còn lại cũng có trên 2,7 điểm.

Bảng 4: Đánh giá năng lực hội nhập quốc tế của doanh nhân Việt Nam

Đơn vị: Thang điểm từ 1-5

Năng lực hội nhập quốc tế	2010		2020	
	Điểm trung bình	Thứ hạng	Điểm trung bình	Thứ hạng
Khả năng nắm bắt thông tin thị trường quốc tế	2,8	1	3.24	1
Tính năng động trong tiếp cận, mở rộng thị trường quốc tế	2,8	2	3.22	2
Khả năng liên kết với các DN, doanh nhân nước ngoài	2,7	3	3.14	3
Khả năng liên kết với DN trong nước để cùng vươn ra thị trường quốc tế	2,7	4	3.10	4
Khả năng tạo ra những mặt hàng chất lượng cao để chiếm lĩnh thị trường Quốc tế.	2,6	5	3.03	5
Khả năng ngoại ngữ	2,5	6	2.92	6
Khả năng xây dựng các kênh phân phối ra nước ngoài	2,4	7	2.99	7
Am hiểu văn hoá quốc tế	2,3	8	2.84	9
Am hiểu luật pháp quốc tế	2,2	9	2.77	10
Khả năng dẫn dắt DN tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu	2,2	10	2.87	8

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI, Đề án doanh nhân

Một điểm lưu ý khác là sau 10 năm, thứ hạng của các chỉ số hầu như không thay đổi, chỉ trừ duy nhất trường hợp "Khả năng dẫn dắt doanh nghiệp tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu" tăng từ vị trí số 10 lên vị trí số 8. Điều này cho thấy những năng lực cần thiết của doanh nhân trong hội nhập quốc tế vẫn không đổi và các doanh nhân/doanh nghiệp Việt Nam ngày càng chủ động hơn trong việc hội nhập, nhất là việc tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Hình 52: Đánh giá về năng lực hội nhập quốc tế của doanh nhân

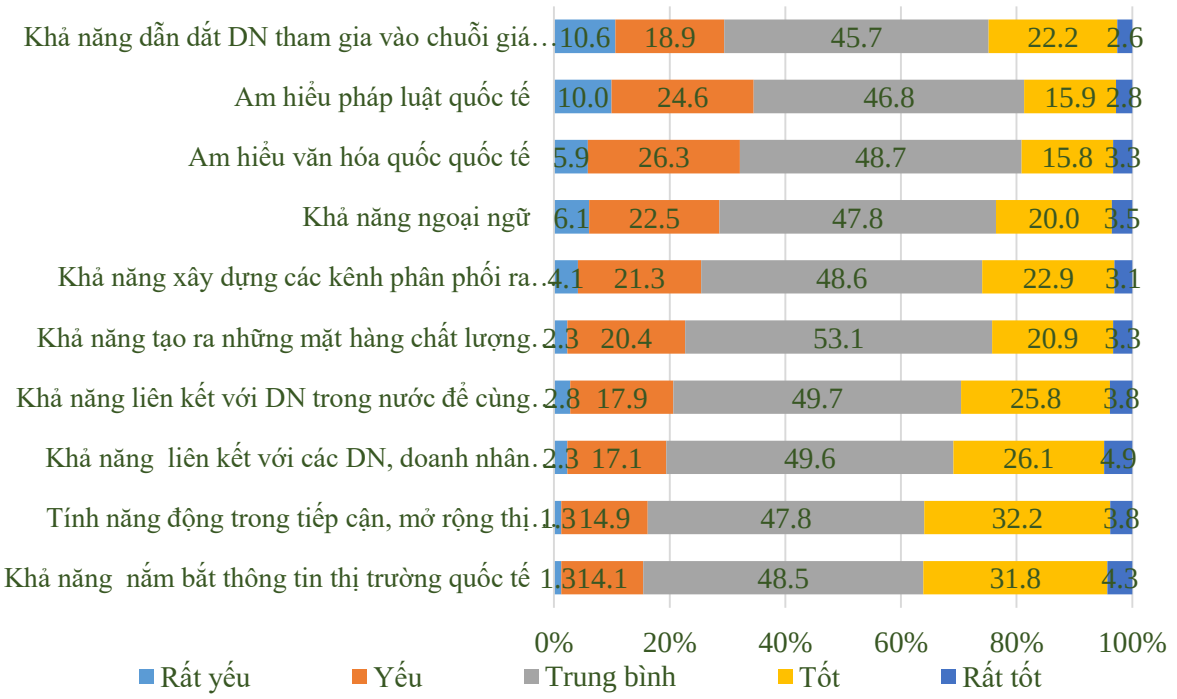

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Hình 53: Đánh giá về năng lực hội nhập quốc tế của doanh nhân theo hình thức sở hữu

Đơn vị: Thang điểm 1-5

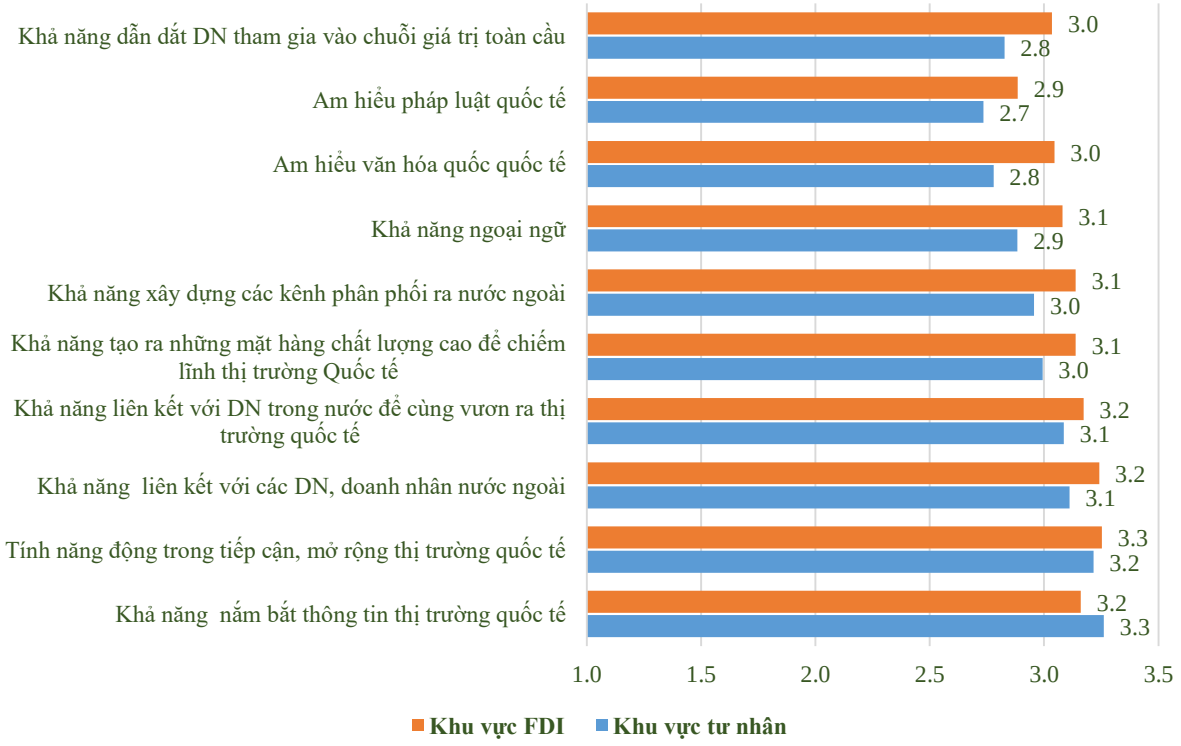

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Năng lực hội nhập quốc tế của các doanh nhân làm trong các doanh nghiệp FDI dường như cũng cao hơn so với các doanh làm trong khu vực tư nhân. Hầu hết các chỉ số phản ánh năng lực hội nhập quốc tế của các doanh nhân trong khu vực FDI đều cao hơn so với các doanh nhân trong khu vực tư nhân trong nước. Điều này cũng hợp lý vì các doanh nhân trong khu vực FDI, khu vực định hướng xuất khẩu, thường có các hoạt động liên quan đến các đối tác kinh doanh quốc tế nhiều hơn so với các doanh nhân khu vực tư nhân trong nước.

Hình 54: Đánh giá về năng lực hội nhập quốc tế của doanh nhân theo quy mô doanh nghiệp

Đơn vị: Thang điểm 1-5

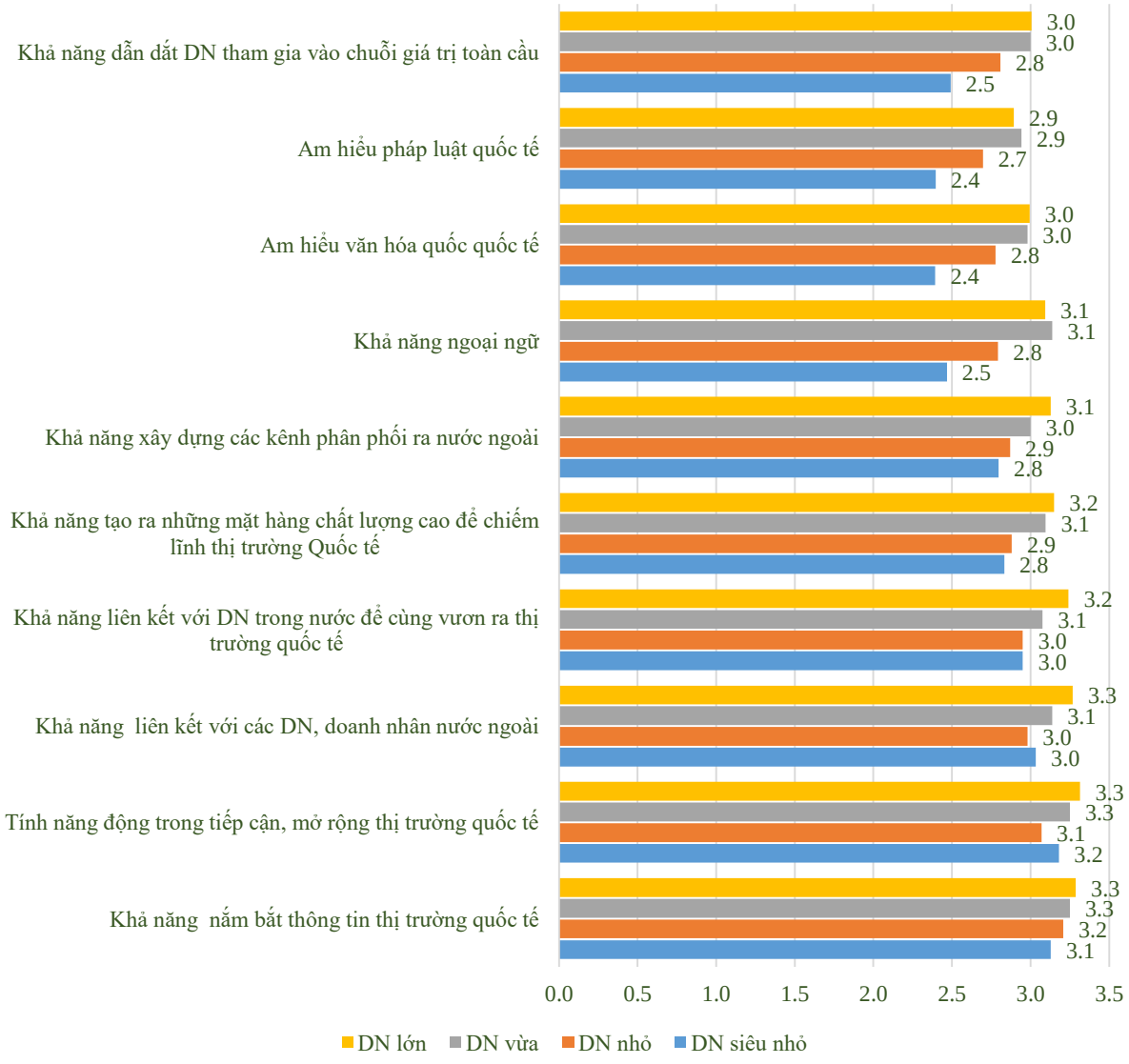

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Năng lực hội nhập quốc tế của doanh cũng tăng dần theo quy mô doanh nghiệp. Các doanh nhân trong các doanh nghiệp quy mô lớn thường có năng lực hội nhập quốc tế cao nhất, rồi tới các doanh nghiệp quy mô vừa, nhỏ và cuối cùng là siêu nhỏ. Điều này cũng phù hợp với thực trạng tham gia vào mạng sản xuất toàn cầu của các doanh nghiệp theo quy mô. Tuy nhiên cũng đặt ra bài toán hỗ trợ nâng cao năng lực hội nhập quốc tế cho các doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ và nhỏ để có thể tận dụng các cơ hội từ quá trình hội nhập quốc tế mạnh mẽ của Việt Nam.

3.8. Các nhân tố đến sự phát triển đội ngũ doanh nhân Việt Nam

So với kết quả khảo sát năm 2010, thứ tự các nhân tố tác động đến sự phát triển của đội ngũ doanh nhân đã thay đổi theo kết quả khảo sát năm 2020. Ba yếu tố được các doanh nhân xếp hạng đầu tiên lần lượt là: Hội nhập kinh tế quốc tế mở ra nhiều cơ hội kinh doanh, Tác động của tiến bộ KH-CN và Môi trường KD được cải thiện. Điều này cũng phù hợp với những xu hướng của thời đại khi mà Việt Nam đang hội nhập mạnh mẽ thông qua các hiệp định thương mại thế hệ mới như CPTPP, EVFTA hay RCEP và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang diễn ra làm thay đổi các mô hình kinh doanh nhờ ứng dụng các công nghệ số. Ngoài ra, với sự quyết liệt của Chính phủ kiến tạo, môi trường kinh doanh của Việt Nam đã ngày càng được cải thiện, không chỉ ở cấp độ quốc gia (theo chỉ số Doing Business) mà còn ở cấp độ các tỉnh/thành phố (theo PCI) và các quận huyện (DDCI). Chính nhờ các xu hướng mới này mà các nhân tố trên đã nhận được sự chú ý đặc biệt của doanh nhân so với 10 năm trước. Bên cạnh đó, một số nhân tố cũng được các doanh nhân đánh giá cao hơn so với 10 năm trước, đó là Môi trường xã hội - văn hóa ngày càng tiến bộ và Sự tôn trọng, tôn vinh doanh nhân của xã hội. Rõ ràng, cùng với sự phát triển kinh tế đã kéo theo xã hội và văn hóa ngày càng phát triển và doanh nhân ngày càng được tôn trọng. Điều này thể hiện rõ nhất thông qua các khảo sát của VCCI trong các báo cáo Chỉ số khởi nghiệp, khi mà trên 60% người trưởng thành lựa chọn doanh nhân là một nghề nghiệp tốt, 75% người đồng ý với nhận định doanh nhân thành công có địa vị xã hội cao và trên 80% người dân được thấy các hình ảnh doanh nhân trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Bảng 5: Đánh giá tác động của các nhân tố đến sự phát triển đội ngũ doanh nhân

Đơn vị: Thang điểm từ 1-5

Nhân tố đến sự phát triển đội ngũ doanh nhân	2010		2020	
	Điểm trung bình	Thứ hạng	Điểm trung bình	Thứ hạng
Quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước về phát triển KT-XH	3,8	1	3.59	7
Quan điểm, đường lối của Đảng & NN khẳng định vai trò quan trọng của đội ngũ doanh nhân	3,8	2	3.59	6
Tính minh bạch, rõ ràng của hệ thống pháp luật và chính sách	3,8	3	3.52	10
Môi trường KD được cải thiện	3,7	4	3.66	3
Hội nhập kinh tế quốc tế mở ra nhiều cơ hội kinh doanh	3,7	5	3.77	1
Tác động của tiến bộ KH-CN	3,6	6	3.75	2
Tác động của GD&ĐT	3,5	7	3.57	8
Môi trường xã hội - văn hóa ngày càng tiến bộ	3,4	8	3.64	4
Sự tôn trọng, tôn vinh doanh nhân của xã hội	3,4	9	3.62	5
Sự hình thành và phát triển của các tổ chức đại diện và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp	3,3	10	3.55	9

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI, Đề án doanh nhân

Hình 55: Nhận thức của xã hội về kinh doanh ở Việt Nam 2017

Đơn vị: %

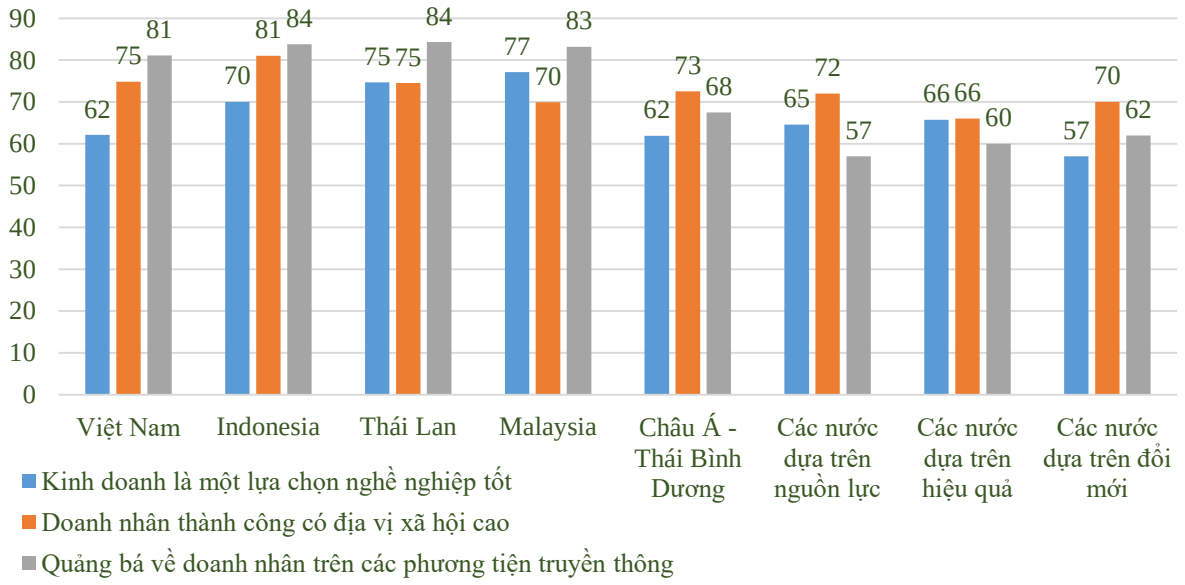

Nguồn: Khảo sát người trưởng thành trên toàn cầu năm 2017-GEM 2017

Bên cạnh đó, một số yếu tố bị tụt hạng so với cách đây 10 năm, trong đó phải kể đến các yếu tố thuộc về quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước về phát triển KT-XH; quan điểm, đường lối của Đảng & NN khẳng định vai trò quan trọng của đội ngũ doanh nhân hay tính minh bạch, rõ ràng của hệ thống pháp luật và chính sách. Mặc dù Đảng và Nhà nước cũng đã ban hành nhiều chủ chương chính sách cho phát triển doanh nghiệp, doanh nhân như NQ-09 về đội ngũ doanh nhân, NQ-10 về kinh tế tư nhân, Luật doanh nghiệp 2014, 2020, Luật hỗ trợ DNNVV,... nhưng những yếu tố này một phần là khó đánh giá tác động hơn so với các yếu tố khác, phần khác vẫn chưa được như kỳ vọng của doanh nhân. Chính vì thế mà các doanh nhân đã đánh giá tác động của các nhân tố này thấp hơn so với các nhân tố khác nêu trên, nhất là yếu tố minh bạch, rõ ràng của hệ thống phát luật và chính sách.

Hình 56: Đánh giá tác động của các nhân tố đến sự phát triển đội ngũ doanh nhân

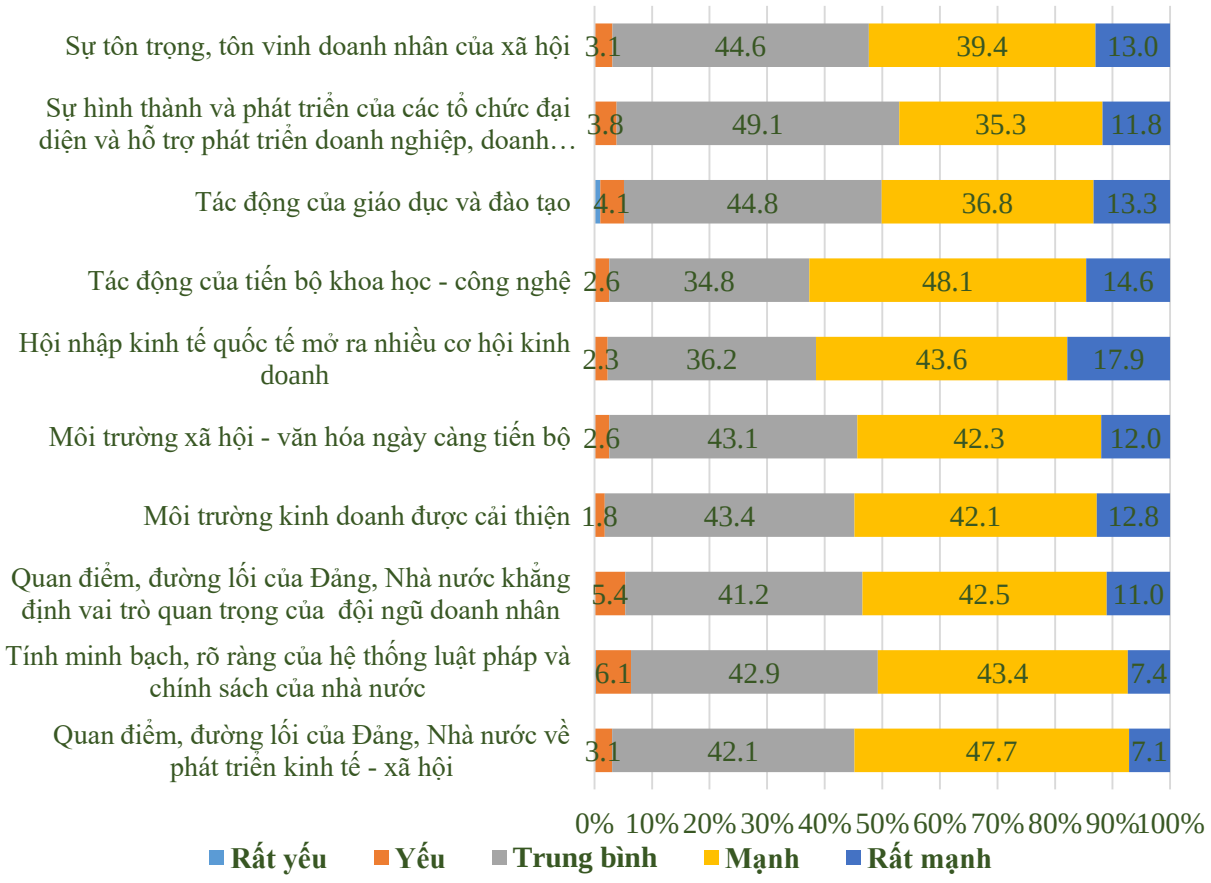

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Theo khu vực doanh nghiệp, các doanh nhân trong khu vực tư nhân trong nước đánh giá chịu tác động nhiều hơn so với các doanh nhân khu vực FDI ở tất cả các yếu tố, nhất là liên quan đến đường lối của Đảng, sự tôn vinh của xã hội và những cải thiện trong môi trường kinh doanh, hệ thống pháp lý. Rõ ràng, các doanh nhân làm việc trong các doanh nghiệp tư nhân trong nước cảm thấy rõ nhất sự thay đổi về cách nhìn nhận của Đảng, Nhà nước và xã hội về vai trò của doanh nhân trong 10 năm qua.

Hình 57: Đánh giá tác động của các nhân tố đến sự phát triển đội ngũ doanh nhân theo hình thức sở hữu

Đơn vị: thang điểm 1-5

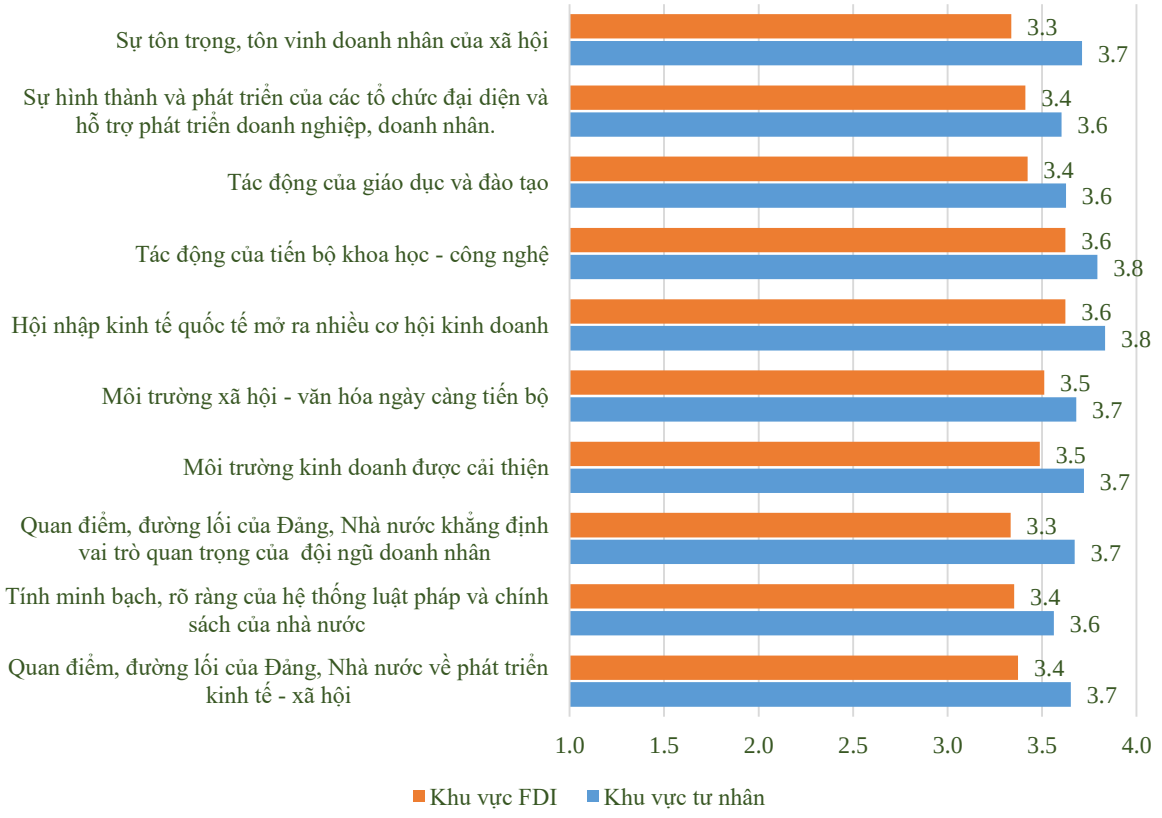

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Xét theo quy mô doanh nghiệp, các doanh nhân trong các nghiệp quy mô siêu nhỏ và nhỏ thường cảm nhận được rõ nhất những tác động của các yếu tố bên ngoài đến sự phát triển của đội ngũ mình. Với quy mô siêu nhỏ và nhỏ, các doanh nghiệp này thường chịu tác động nhiều từ các chủ trương, đường lối và chính sách đến hoạt động của mình.

Hình 58: Đánh giá tác động của các nhân tố đến sự phát triển đội ngũ doanh nhân theo quy mô doanh nghiệp

Đơn vị: thang điểm 1-5

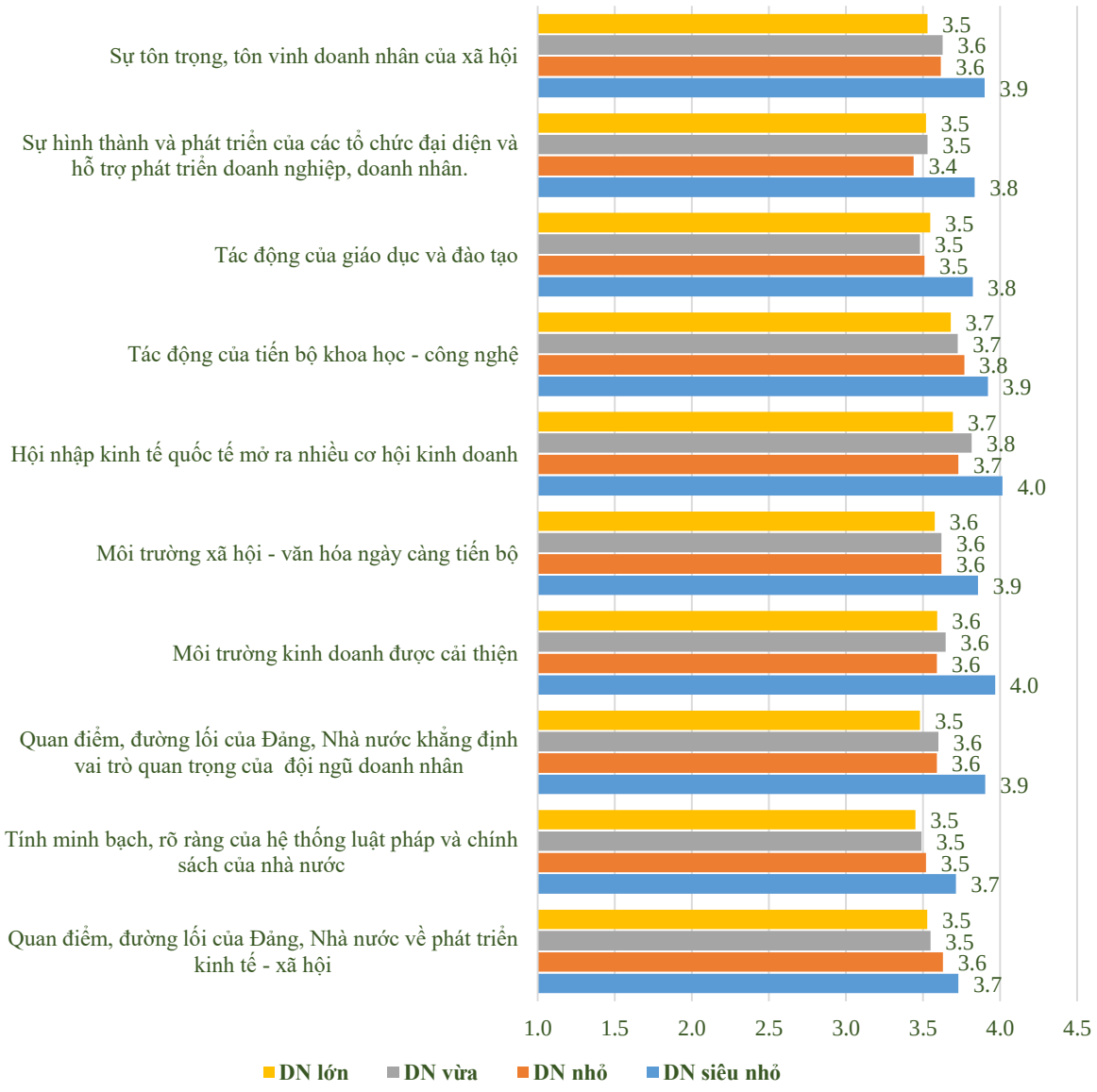

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

IV. KẾ HOẠCH KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2021

Về kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp trong Quý I/2021, đa số các doanh nghiệp vẫn giữ nguyên quy mô kinh doanh với tỷ lệ 66,9%; tiếp theo sẽ có khoảng 29,6 % doanh nghiệp có khả năng mở rộng quy mô kinh doanh và chỉ có khoảng 2,4% doanh nghiệp dự báo sẽ giảm quy mô kinh doanh và 1,1% doanh nghiệp có thể thay đổi lĩnh vực kinh doanh.

Hình 59: Kế hoạch của doanh nghiệp năm 2021

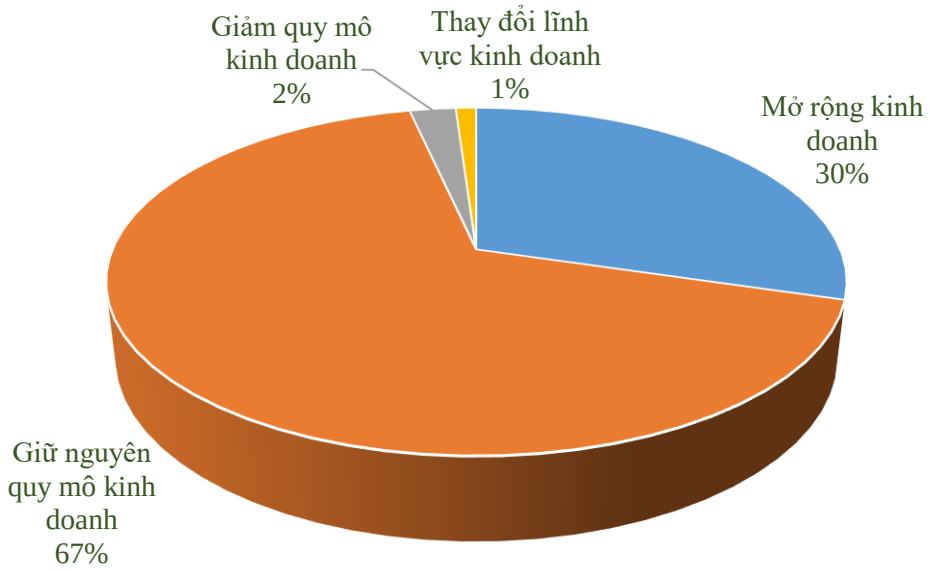

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Xét theo khu vực doanh nghiệp, không có sự khác biệt nhiều về kế hoạch kinh doanh của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, nếu xét theo quy mô doanh nghiệp, thì các doanh nghiệp quy mô lớn hơn sẽ dự báo có kế hoạch kinh doanh tốt hơn so với các doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ và nhỏ. Điều này thể hiện ở việc có 44,4% doanh nghiệp quy mô vừa và 33,5% doanh nghiệp quy mô lớn có kế hoạch mở rộng kinh doanh so với 25,3% của doanh nghiệp quy mô nhỏ và 14,8% ở doanh nghiệp siêu nhỏ.

Hình 60: Kế hoạch của doanh nghiệp năm 2021 phân theo hình thức sở hữu

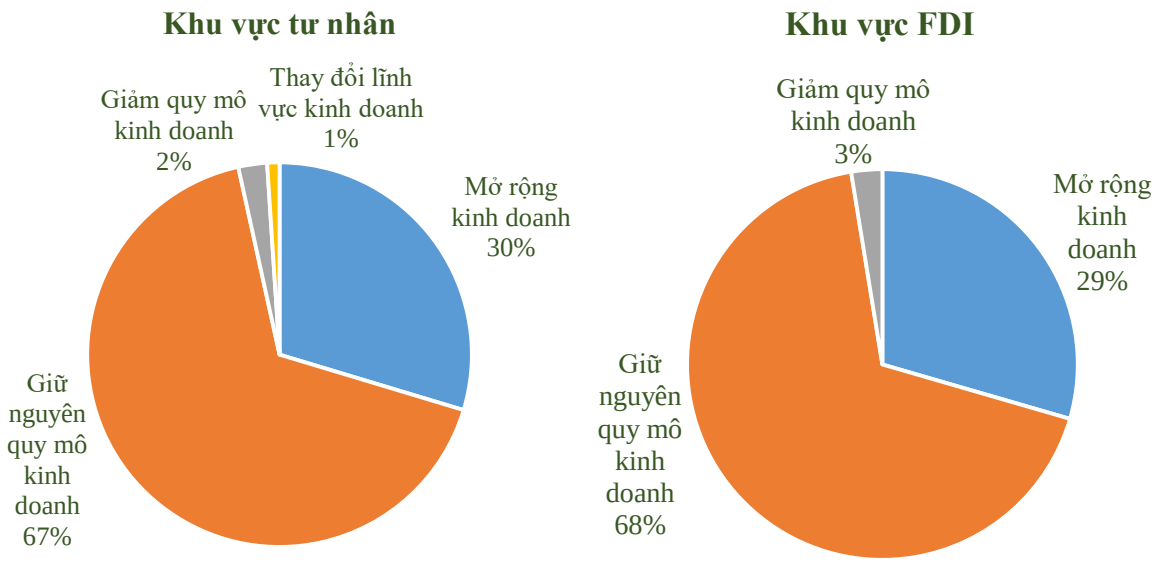

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

Hình 61: Kế hoạch của doanh nghiệp năm 2021 phân theo quy mô doanh nghiệp

Đơn vị: %

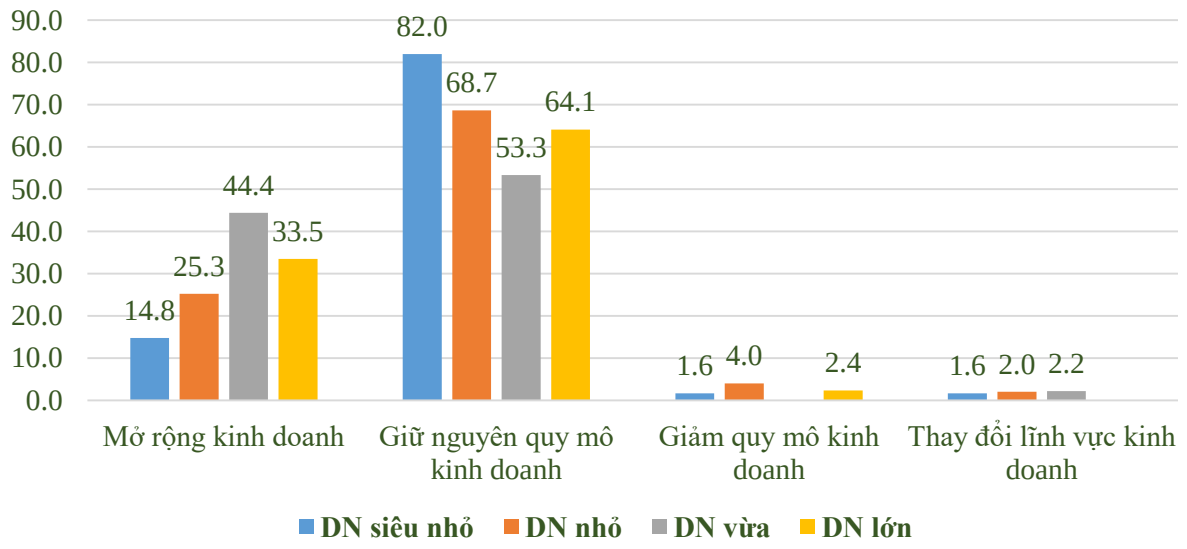

Nguồn: Khảo sát sức khỏe doanh nghiệp Quý IV/2020 – VCCI

So với các khảo sát trong Quý I, Quý II năm 2020, có thể thấy rõ là tỷ lệ doanh nghiệp có kế hoạch mở rộng quy mô đã tăng mạnh và tỷ lệ doanh nghiệp thu hẹp quy mô đã giảm nhiều lần. Cụ thể, số lượng doanh nghiệp có kế hoạch mở rộng quy mô đã tăng từ 8% ở khảo sát Quý II/2020 lên 29,6% ở khảo sát Quý IV/2020. Ngược lại, tỷ lệ doanh nghiệp có kế hoạch thu hẹp quy mô đã giảm từ 15,4% ở khảo sát Quý II/2020 xuống còn 2,4% ở khảo sát VBIS Quý IV/2020. Những kết quả này đã cho thấy các doanh nghiệp đã vượt qua được những tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 và bắt đầu có dấu hiệu phục hồi mở rộng quy mô kinh doanh. Tuy nhiên, nếu so với thời điểm trước Covid-19, thì khả năng phục hồi mở rộng quy mô kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn chưa bằng, thể hiện rõ nhất ở tỷ lệ doanh nghiệp có kế hoạch mở rộng kinh doanh, thường chiếm khoảng 40% thời điểm trước Covid-19.

Bảng 6: Kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp trong các cuộc khảo sát VBIS gần đây

	Khảo sát VBIS Quý IV/2020	Khảo sát VBIS Quý II/2020	Khảo sát VBIS Quý I/2020	Khảo sát VBIS Quý IV/2019	Khảo sát VBIS Quý IV/2018	Khảo sát VBIS Quý IV/2017
Mở rộng quy mô	29,6%	8,0%	21,0%	47,0%	36,8%	43,0%
Giữ nguyên quy mô	66,9%	72,8%	56,7%	48,0%	56,8%	50,4%
Thu hẹp quy mô	2,4%	15,4%	18,9%	2,6%	5,9%	6,2%
Tạm ngừng hoạt động	0%	1,9%	1,4%	0,4%	0,4%	0,3%
Thay đổi lĩnh vực kinh doanh	1,1%	1,9%	2,0%	2,0%	0,1%	0,1%

Nguồn: Khảo sát VBIS hàng năm của VCCI

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết quả khảo sát sức khỏe doanh nghiệp của VCCI tiếp tục cho thấy đà suy giảm bắt đầu trững lại trong quý III và su hướng phục hồi của doanh nghiệp trong Quý IV năm 2020 sau khi đã suy giảm mạnh trong 2 quý đầu năm do tác động của đại dịch Covid-19. Điều này thể hiện qua việc tỷ lệ các doanh nghiệp đánh giá xu hướng kinh doanh tốt hơn đã cao hơn đã thu hẹp khoảng cách so với tỷ lệ đánh giá xu hướng kinh doanh xấu đi trong quý III và vượt lên trong quý IV/2020. Đáng chú ý, trong Quý IV/2020, tất cả các chỉ số dự báo tình hình SX-KD của doanh nghiệp đều có giá trị dương, đồng nghĩa với việc nhiều doanh nghiệp dự báo tốt lên hơn là xấu đi, chứng tỏ sự phục hồi khá đồng đều và bền vững của doanh nghiệp cả trong ngắn hạn và dài hạn, nếu tình hình vẫn được kiểm soát tốt như hiện nay. Chỉ số sức khỏe thực thấy $VBIS_O$ trong quý IV đã lần đầu tiên vượt mức trung bình và chỉ số sức khỏe dự cảm $VBIS_E$ của quý I/2021 đạt trên 55 điểm đã khẳng định cho các nhận định này.

Nhờ sự phục hồi trong Quý III và Quý IV, tình hình thực hiện kết quả kinh doanh của doanh nghiệp đã tốt hơn so với 6 tháng đầu năm. Tỷ lệ doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch đã tăng lên đạt hơn ¼ số doanh nghiệp. Tỷ lệ doanh nghiệp đạt 75-99% kế hoạch cũng ở mức cao, từ ¼ đến 1/3 tùy từng chỉ tiêu. Trong khi đó, tỷ lệ doanh nghiệp hoàn thành dưới 50% kế hoạch đã giảm mạnh, từ mức 30-40% trong quý II xuống chỉ còn từ 10-20% trong cả năm.

Về đánh giá kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TW về về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, kết quả khảo sát đã cho thấy, sau 10 năm chất lượng của đội ngũ doanh nhân đã được cải thiện đáng kể, cả về thâm niên và trình độ, kỹ năng. Nhìn chung, trình độ học vấn của doanh nhân khá cao, khi mà có đến 80% doanh nhân có trình độ đại học, 12% doanh nhân có trình độ thạc sỹ hoặc tiến sỹ. Trong bối cảnh hội nhập, trình độ ngoại ngữ tiếng Anh của doanh nhân đã được cải thiện so với năm 2010, khi mà chỉ còn 10% doanh nhân không biết tiếng anh. Tuy có cải thiện, nhưng có thể nói, việc chỉ có hơn ¼ doanh nhân có

thể đàm pháp hợp động và thành thạo 3 kỹ năng vẫn còn thấp, điều này cho thấy vẫn cần phải đào tạo trang bị thêm thêm về năng lực ngoại ngữ cho đổi ngũ doanh nhân Việt Nam để có thể đủ hành trang trong bối cảnh hội nhập mạnh mẽ hiện nay.

Các kiến thức, kỹ năng của đội ngũ doanh nhân Việt Nam đã được cải thiện rõ rệt, thể hiện ở tất cả các điểm số trung bình đã tăng mạnh so với năm 2010, nhất là các kiến thức liên quan đến các yếu tố của thời đại hiện nay như Chuyển đổi số, Quản trị công ty, Kỹ năng đàm phán, Kiến thức về chuỗi cung ứng/chuỗi giá trị.

Năng lực hội nhập quốc tế của doanh nhân cũng đã được cải thiện rõ rệt sau 10 năm khi mà điểm số trung bình đều tăng cao so với năm 2010.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, nhiều mặt kiến thức và năng lực hội nhập của doanh nhân vẫn còn hạn chế, một phần do xuất thân của doanh nhân là từ các hội kinh doanh hay nhân viên làm cho các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp FDI, nên vẫn còn hạn chế về ngoại ngữ, tính liên kết hợp tác trong kinh doanh và thiếu chiến lược, tầm nhìn dài hạn.

Một số doanh nhân còn hạn chế kiến thức về chuyển đổi số, chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng và về pháp luật, nhất là pháp luật quốc tế. Ngoài ra, trong hội nhập, việc tìm hiểu văn hóa, năng lực tham gia dẫn dắt chuỗi giá trị, xây dựng các kênh phân phối của các doanh nhân Việt còn hạn chế.

Nhìn chung, năng lực của các doanh nhân trong các doanh nghiệp khu vực FDI tốt hơn so với các doanh nhân trong các doanh nghiệp tư nhân. Tương tự, doanh nhân trong các doanh nghiệp lớn cũng thường được trang bị kiến thức, kỹ năng tốt hơn các doanh nhân trong các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhất là liên quan đến vấn đề hội nhập quốc tế.

Để giúp nâng cao năng lực các doanh nhân, ngoài việc hỗ trợ năng lực, kiến thức cho các doanh nhân, thì Đảng và Nhà nước cần phải tiếp tục cải thiện môi kinh doanh, hỗ trợ ĐMST và ban hành các chủ chương để động viên, khuyến khích các doanh nhân phát triển kinh doanh, công hiến để làm giàu cho mình, cho xã hội và đất nước./.

Đơn vị thực hiện khảo sát và xây dựng báo cáo	**VIỆN PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP - PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM (VCCI)**
Địa chỉ	**Số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội**
Điện thoại	**024.3577.2373 - 024.3577.1076**
Website	**www.vbis.vn**
Email	**vienptdn@vcci.com.vn**